

*TỔNG HỢP 11 BẢN ÁN
VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN
CÓ TỔ CHỨC*



TỔNG HỢP BỞI LUẬT SƯ FDVN

fdvnlawfirm@gmail.com/fdvn.vn/fdvnlawfirm.vn/
diendanngheluat.vn

MỤC LỤC

TỔNG HỢP 11 BẢN ÁN VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN CÓ TỔ CHỨC

STT	NỘI DUNG TÓM TẮT	SỐ TRANG
1	Bản án số: 15/2025/HS-ST ngày 11-03-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Nội dung vụ án: Lê Chí Be và Trần Lộc Ng rủ nhau đi cướp tài sản lấy tiền tiêu xài. Cả hai bàn bạc thống nhất sử dụng vũ khí làm phương tiện đi lại, mang theo dao tự chế, khẩu trang loại trùm kín mặt, đèn pin loại đội đầu, nón, bao tay và tất chân. Đêm đến, tiến hành lưu thông dọc theo các tuyến sông thuộc địa bàn huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau và các địa bàn giáp ranh, tiếp cận các phương tiện như ghe, sà Lan... đang neo đậu trên sông để cướp tài sản. Khoản thời gian từ ngày 15/8/2023 đến ngày 11/9/2023, Be và Ng đã thực hiện liên tục 17 vụ cướp tài sản, 01 vụ hiếp dâm. Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ đêm ngày 15/8/2023, Be cầm dao leo qua ghe và đưa dao khống chế ông Hu và bà Kie, các bị hại không dám phản kháng. Be lục soát lấy 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A92 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 4.984.000 đồng. Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ đêm ngày 15/8/2023, Be kẻ dao vào cổ bà N buộc đưa tài sản. Bà N đưa 2.400.000đ, Be tiếp tục lục soát lấy được 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300 màu đen, 01 gói thuốc lá hiệu War Horse. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 3.910.000 đồng. Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ 30 phút đêm ngày 18/8/2023, Be cầm dao leo qua ghe khống chế ông Kh và bà N buộc đưa tài sản. Bà N đưa 01 điện thoại di động Nokia bị hỏng nên Be không lấy. Be lục soát lấy được 1.400.000đ và buộc bà N tháo đôi bông tai vàng 18K đang đeo trên người. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 3.473.000 đồng. Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ đêm ngày 18/8/2023, Be cầm dao đưa lên trước mặt ông TT khống chế, các bị hại không dám phản kháng. Be và Ng lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77 màu đen và buộc bà Ci đưa trang sức đang đeo. Bà Ci tháo đôi bông tai vàng 18K, 02 chiếc vòng bằng bạc mạ vàng, 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21 màu xanh đưa cho Be. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 8.740.000 đồng.	01-24

Vụ thứ năm: Khoảng 01 giờ đêm ngày 22/8/2023, Be và Ng cầm dao leo lên sà không chế, các bị hại không dám phản kháng. Be và Ng lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77s, 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y22s màu đen, 01 cái bóp (ví), tiền 5.340.000đ, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio (dây đeo là kim loại màu vàng), 01 dây chuyền vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K (mặt nhẫn) có gắn viên đá màu xanh, bộ vòng simen, chiếc vòng vàng 18K, 01 nhẫn vàng 18K (mặt nhẫn có hoa hình con cóc), 01 dây chuyền vàng 18K (khoen lật). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 159.840.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 22 giờ đêm ngày 04/9/2023, Be dùng dao đưa lên trước ngực ông Tu không chế buộc đưa tài sản, ông Tu và bà Ph sợ nên không dám phản kháng. Be và Ng chiếm đoạt tài sản tổng giá trị 67.750.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 05/9/2023, Be và Ng cầm dao không chế ông Trần Vn Đs đang neo đậu trên sông Hồ Gùi. Trên sà Ld có ông Đs và vợ là Trần Thị Sx (bà Sx đang mang thai) cùng con là Trần Thị Bảo Trân. Các bị hại không dám phản kháng. Cả hai chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 1.826.000 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 01 giờ 45 phút đêm ngày 05/9/2023, phát hiện chiếc phà trên phà có ông To đang ngủ phía trước cửa cabin, Ah Ng Minh Ho, sinh năm 2005 và cháu Lâm Thành Ph, sinh ngày 10/08/2008 đang ngủ trong cabin. Be và Ng cầm dao không chế các bị hại không dám phản kháng. Các bị cáo lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen của ông To, 01 điện thoại di động hiệu Realme C55 màu đen của Ah Ho, 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 màu bạc của cháu Ph. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 3.932.000 đồng.

Vụ thứ chín: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/9/2023, phát hiện chiếc ghe trên ghe có ông Ah và vợ là Ng Thị Ln. Be và Ng dùng dao không chế ông Ah và bà Ln, các bị hại sợ không dám phản kháng. Các bị cáo lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 màu xanh, 770.000đ và buộc bà Ln tháo 01 đôi bông tai vàng 18K. Be đổ thùng gạo lấy được số tiền 2.500.000đ rồi tiếp tục lục soát lấy được 01 điện thoại di động hiệu Realme C25 màu xanh. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 10.393.800 đồng.

Vụ thứ mười: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/9/2023 phát hiện chiếc ghe trên ghe có ông Lt và vợ là Lm. Be và Ng cầm dao leo qua ghe, nghe tiếng động ông Lt và bà Lm thức dậy truy hô “cướp, cướp”. Be và Ng kề dao vào người ông Lt bà Lm không chế, các bị hại sợ không dám phản kháng. Be lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu Realme C35 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y22s màu xanh, 02 CC chiếc nhẫn (nhẫn cưới) bằng vàng 18K, tiền 200.000đ. Tiếp tục, Be và Ng đe dọa buộc ông Lt và bà Lm phải giao cầu vớ nhau để cho Be và Ng xem. Ông Lt và bà Lm cởi quần áo ra nhưng không thực hiện được. Be đưa dao lên đe dọa, buộc

bà Lm ngâm dương vật của ông Lt. Lúc này, Be dùng ngón tay của Be đưa vào trong âm đạo của bà Lm. Sau đó, Be lấy cuộn băng keo trong mũi ghe trôi hai tay của ông Lt lại và lấy cái áo thun trong mũi ghe trùm kín đầu ông Lt. Be tự cởi quần ra buộc bà Lm ngâm dương vật của Be khoảng 01 phút thì Be đưa dương vật của Be vào trong âm đạo của bà Lm thực hiện hành vi giao cấu với bà Lm đến khi thỏa mãn. Lúc Be giao cấu với bà Lm thì Ng cầm dao tự chế cạnh giới và lấy thêm 01 cây đèn pin màu đen, loại đèn cầm tay. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 10.722.500 đồng.

Vụ thứ mười một: Khoảng 02 giờ đêm ngày 07/9/2023, phát hiện chiếc ghe trên ghe có ông Dn và vợ là Phạm Thị Tc. Be và Ng cầm dao leo lên ghe khống chế, các bị hại sợ không dám phản kháng. Be lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 6 màu đen, 01 túi xách, đôi bông tai vàng 18K, tiền 1.942.000đ. Sau khi lấy được tài sản. Be kêu ông Dn nấu cho Be 02 gói mì Hảo Hảo, 02 trứng vịt. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 7.973.000 đồng.

Vụ thứ mười hai: Khoảng 03 giờ 30 phút đêm ngày 07/9/2023, Be và Ng phát hiện chiếc ghe của ông Vn đang neo đậu trên sông Tân Hoà. Cả hai leo lên ghe đưa dao vào bụng ông Vn đe dọa, khống chế, bị hại sợ không dám phản kháng. Be lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7 màu xám, tiền 700.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 2.500.000 đồng.

Vụ thứ mười ba: Khoảng 04 giờ, ngày 07/9/2023, Be và Ng nhìn thấy chiếc ghe trên ghe có ông Tht cùng vợ là Ngoãn và ông Ng là cháu ông Tht. Be và Ng cầm dao leo lên ghe. Be kẻ dao vào cổ ông Ng buộc đưa tiền, ông Ng nói không có tiền. Ông Tht và bà Ngoãn nghe tiếng động nên thức giấc. Ng giật đứt dây mùng cuộn lại và lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu Ho, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K màu xám, tiền 1.000.000đ, đôi bông tai vàng 18K, 02 cây cưa máy (01 cây hiệu R340, 01 cây hiệu R370). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 6.425.000 đồng.

Vụ thứ mười bốn: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 07/9/2023, Be và Ng nhìn thấy chiếc ghe trên ghe lúc này chỉ có bà Ngm. Be cầm dao leo qua ghe, kẻ dao vào cổ buộc bà Ngm đưa tài sản. Be lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus màu vàng đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 921.429 đồng.

Vụ thứ mười lăm: Khoảng 23 giờ gày 10/9/2023, Be và Ng phát hiện chiếc ghe trên ghe lúc này có ông Đg và Phan Vn Vg cháu ông Đg. Be và Ng cầm dao leo lên ghe, đưa dao khống chế ông Đg và ông Vg. Lấy của ông Vg 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9 màu xanh; Lấy của ông Đg 2.200.000đ, 01 cái điện thoại di động hiệu Redmi 12 màu trắng và 01 cal có 30 lít dầu D.O. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 9.515.800 đồng.

Vụ thứ mười sáu: Khoảng 23 giờ 30 phút đêm ngày 10/09/2023, Be và Ng phát hiện chiếc ghe trên ghe có ông Dn và vợ là Trương Kim Ld. Be và Ng cầm dao leo lên ghe. Be đưa dao khống chế ông Dn và bà Ld. Be và Ng lục soát lấy 03 điện thoại (01 hiệu Samsung Galaxy A12, màu trắng; 01 hiệu Nokia màu đen và 01 hiệu Nokia màu xanh – đen), 44.000.000đ. Ng lục soát bóp (ví) của ông Dn lấy được một số tiền lẻ, nhưng không xác định được số tiền. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 45.450.000 đồng.

Vụ thứ mười bảy: Khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 11/09/2023, phát hiện chiếc ghe trên ghe có ông Am và vợ là Ng Thị CC. Be giả vờ kêu bán can dầu, ông Am trả lời không mua thì Be và Ng cầm dao leo lên ghe khống chế buộc ông Am và bà CC đưa tài sản. Be và Ng lục soát lấy 400.000đ, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A9 màu xanh, 01 chiếc nhẫn vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K, các trang sức không phải kim loại vàng (vàng giả) gồm: 01 chiếc lắc, 01 dây chuyền, 02 chiếc nhẫn. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 9.790.000đ.

Tài sản Lê Chí Be và Trần Lộc Ng đã chiếm đoạt trong 17 vụ cướp tài sản nêu trên có giá trị thành tiền là 358.146.529đ. Trong đó, tiền Việt Nam 88.472.000đ và giá trị tài sản theo kết luận định giá 269.674.529đ.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

Để thực hiện được việc chiếm đoạt tài sản các bị cáo đã sử dụng dao tự chế bằng kim loại có chiều dài khoảng 60cm, sắc, đe dọa, khống chế các bị hại. Do bị khống chế bằng hung khí, bị uy hiếp, sợ nguy hiểm đến tính mạng nên các bị hại không dám phản kháng để các bị cáo lục soát lấy tài sản. Hành vi này của bị cáo là hành vi cướp tài sản, vi phạm pháp luật hình sự được quy định tại Điều 168 BLHS.

Các bị cáo không thừa nhận có thực hiện cướp tài sản của vợ chồng ông Đoàn Hận Ah, không thừa nhận có thực hiện vụ cướp tài sản của vợ chồng ông Lt và hiếp dâm bà Lm.

Xét thấy: Ngày 13/9/2023, Cơ quan Công an tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo Be có thu giữ 01 điện thoại Samsung Galaxy A51 và 01 điện thoại Realme C25 màu xanh. Hai chiếc điện thoại này được xác định của vợ chồng ông Đoàn Hận Ah bị cướp vào đêm ngày 06/9/2023. Hai chiếc điện thoại này bị cáo Be cho rằng của người thua bạc (không rõ nhân thân) đưa cho bị cáo. Lời trình bày này không có cơ sở; do đó, có căn cứ xác định chính bị cáo Be và bị cáo Ng là người đã thực hiện cướp tài sản của vợ chồng ông Đoàn Hận Ah vào đêm ngày 06/9/2023. Ngay sau khi bị cướp và bị hiếp dâm, ngày 07/9/2023 ông Lt và bà Lm đã trình báo với Công an thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Bà Lm đã trình bày chi tiết cụ thể về hành vi các bị cáo thực hiện cướp tài sản và hiếp dâm bà; mô tả chi tiết đặc điểm riêng trên cơ thể của người trực tiếp hiếp dâm bà. Ngày 14/9/2023, khi làm việc với Công an

huyện Đầm Dơi, bị cáo Ng đã khai nhận hành vi của bị cáo và Be thực hiện cướp tài sản trên ghe bán cây đậu sông vào đêm ngày 06/9/2023 và khai hành vi bị cáo Be trực tiếp hiếp dâm người nữ trên ghe. Lời khai này của bị cáo Ng phù hợp với lời khai của bà Lm và ông Lt. Mặc khác, ngày 17/9/2023 tiến hành khám xét thân thể của bị cáo Be thì có những đặc điểm riêng biệt phù hợp với lời trình bày của bà Lm về người đã hiếp dâm bà. Do đó có đủ căn cứ xác định: Ngoài hành vi cướp tài sản, bị cáo Be còn có hành vi khống chế bị hại Lm và ông Lt để thực hiện việc giao cấu trái ý muốn đối với bị hại Lm vào khoảng 23 giờ 30 phút đêm ngày 06/9/2023 tại ghe của vợ chồng bị hại Lm đang neo đậu trên sông Láng Trâm thuộc ấp Xóm Mới, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Hành vi này của bị cáo Be là hành vi hiếp dâm, vi phạm pháp luật hình sự được quy định tại Điều 141 BLHS. Đối với bị cáo Ng, mặc dù bị cáo không thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Lm nhưng bị cáo đã cầm dao canh giới cho bị cáo Be thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Lm. Hành vi này của bị cáo Ng là giúp sức cho bị cáo Be thực hiện hành vi hiếp dâm nên bị cáo Ng là đồng phạm với bị cáo Be với vai trò giúp sức về tội Hiếp dâm được quy định tại Điều 141 BLHS.

[3]. Đối với hành vi các bị cáo khống chế ép buộc ông Lt quan hệ tình dục với bà Lm có dấu hiệu của tội hiếp dâm. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để truy tố thêm hành vi này nhưng không được chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 298 của BLTTHS, Tòa án chỉ xét xử đối với hành vi các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố.

[4]. Trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện tội “Cướp tài sản”, các bị cáo đã có sự bàn bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm; các bị cáo thực hiện nhiều vụ cướp trong nhiều ngày, là nguồn thu nhập chính để phục vụ cho cuộc sống của các bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo là hành vi “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 52 BLHS.

Các bị cáo thực hiện 17 vụ cướp tài sản, mỗi vụ cướp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Các bị cáo cướp tài sản của bị hại Lâm Thành Ph là người dưới 16 tuổi; cướp tài sản của bị hại Trần Thị Sx khi bà Sx đang mang thai nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo Be là người khởi xướng việc đi cướp tài sản, khi thực hiện tội phạm bị cáo cũng giữ vai trò chính nên mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Ng.

Đối với tội hiếp dâm: Bị cáo Ng giữ vai trò giúp sức, không trực tiếp thực hiện hành vi hiếp dâm nên mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Be.

	Sau khi bị bắt, các bị cáo có thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. [5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Be và bị cáo Ng chiếm đoạt tài sản của các bị hại thì phải có nghĩa bồi thường; Giá trị tài sản chiếm đoạt đã được định giá nên các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo kết quả định giá. Hai bị cáo cùng chiếm đoạt tài sản và cùng sử dụng nên hai bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường; trong đó, phần nghĩa vụ liên đới của mỗi bị cáo là ½ của tổng giá trị bồi thường. [6]. Đối tượng có liên quan. Đối với bà Ng Thị Liễu, ngày 11/9/2023 bà nhận số tiền 20.200.000đ của bị cáo Ng nhờ bà đi mua dây chuyền và bán dùm 02 chiếc nhẫn của bị cáo Be. Bà Liễu không biết tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có. Ông Trần Tam Đạt, ông Lê Vn Nam, ông Ho Vn Hây cho các bị cáo mượn võ máy nhưng các ông không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Ông Huỳnh Trọng Hải (chủ Cửa hàng di động Đặng Ngoan), ông Hồ Quốc Vững (chủ Tiệm vàng Quốc Vững): Khi mua điện thoại và vàng của các bị cáo các ông không biết tài sản do phạm tội mà có. Do đó, không có căn cứ để buộc bà Liễu, ông Nam, ông Đạt, ông Hây, ông Hải, ông Vững chịu trách nhiệm hình sự, dân sự trong vụ án. Tòa án sơ thẩm quyết định: (1) Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, i khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 17 BLHS. - Tuyên bố: Các bị cáo Lê Chí Be, Trần Lộc Ng phạm Tội cướp tài sản và phạm Tội hiếp dâm. - Tuyên phạt: + Bị cáo Lê Chí Be 17 năm tù về Tội cướp tài sản và 07 năm tù về Tội hiếp dâm. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Chí Be phải chấp hành là 24 năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 17/9/2023. + Bị cáo Trần Lộc Ng 15 năm tù về Tội cướp tài sản và 05 năm tù về Tội hiếp dâm. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Chí Be phải chấp hành là 20 năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 17/9/2023. Ngoài ra tòa án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và vật chứng.	
2	Bán án số 12/2025/HS-ST ngày 09-01-2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: Khoảng 20 giờ ngày 10/6/2024, Nguyễn Xuân Anh, Lê Quốc Thái, Lê Anh K và Nguyễn Minh N đang ngồi uống nước tại nhà của Xuân A tại Nhà không số, ấp	25-36

72, xã Vĩnh Lộc A thì T rủ N, Xuân A, K cùng đi cướp tài sản, tất cả đồng ý. Tại đây, Nhật nhấn tin rủ thêm Võ Thanh T1 cùng tham gia, T1 đồng ý. Lúc này, cả nhóm gồm có 06 người cùng nhau thống nhất đi cướp tài sản để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Xuân A lấy trong nhà ra 01 dao bươm xếp đưa cho H, 01 dao tự chế đưa cho T mang theo giữ trong người, N mang theo 01 con dao bấm xếp (chuẩn bị sẵn từ nhà của N), T1 mang theo con dao tự chế dài (chuẩn bị sẵn từ nhà của Trọng). Sau khi chuẩn bị xong hung khí để cướp tài sản, K điều khiển xe mô tô biển số 59D1 829.21 (xe của Gia H) chở N và H ngồi sau; Xuân A điều khiển xe mô tô biển số 55P8-1533 (xe của Thái) chở T và T1 ngồi phía sau.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, khi tất cả đi trên đường thì phát hiện bà Bùi Thị T đang điều khiển xe mô tô biển số 38L1-285.63 đi trên đường. Lúc này, T1 nói với cả nhóm: “Có người đi một mình kìa! Chịu không?” thì cả nhóm đều nói “Chịu” rồi quay đầu xe đuổi theo xe bà Trang. Khi đến trước nhà số 305, đường Nguyễn Thị Trọn, ấp 16, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh thì Xuân A điều khiển xe vượt lên chặn đầu xe của bà Trang; K điều khiển xe chặn đuôi xe của bà T2 lại. Cùng lúc thì T1, T, N và H xuống xe cầm dao ra vây quanh bà T; T lấy con dao tự chế ra cầm trên tay phải, T1 lấy dao tự chế cầm trên tay phải đe dọa bà T2 và nói: “Có bao nhiêu tiền lấy ra đưa hết”, “Ngoan đi, không làm bị thương mày đâu”. Do sợ nên bà T2 lấy túi xách đang đeo trên người ra đưa cho H. T1 tiếp tục dùng chân đạp bà T2 01 cái nhưng không trúng và nói “Móc điện thoại ra” nhưng bà T2 không đưa điện thoại nên T1 dùng chân đạp thêm 01 cái nữa thì bà T2 dùng tay đỡ được. Lúc này, do có chó xung quanh sủa nhiều, sợ bị phát hiện nên cả nhóm cũng không tiếp tục đe dọa bà T2 lấy điện thoại nữa mà lên xe mang túi xách vừa cướp được tẩu thoát.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 188.000 đồng.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

(1) Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn Minh N và Nguyễn Phúc Gia H tại tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; ; phù hợp với lời khai của bị hại bà Bùi Thị T2; phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, các kết quả giám định, kết quả điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn 7 Minh N và Nguyễn Phúc Gia H đã phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm được quy định tại Điều 168 của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đây là vụ án có đồng phạm bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê, chủ mưu các bị cáo còn lại đều là người thực hiện tội phạm. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ và chuẩn bị hung khí từ trước nên có sự cấu kết chặt chẽ là thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Đây là các tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d Khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo, khi lượng hình Hội đồng xét xử có mức án tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với Nguyễn Xuân A sinh ngày 04/10/2010: Qua điều tra xác định tại thời điểm phạm tội là ngày 11/6/2024 thì Xuân A chưa đủ 14 tuổi. Căn cứ vào Điều 12 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Xuân A không chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi loại tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xử lý hình sự mà đã có Công văn thông báo hành vi vi phạm của Nguyễn Xuân A đến Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo quy định, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

(2) Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn; khi phạm tội và đưa vụ án ra xét xử các bị cáo là người dưới 18 tuổi. Cụ thể: Các bị cáo T1, Thái, K từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; các bị cáo N và H từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình và xã hội. Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án sơ thẩm quyết định:

Xử phạt bị cáo Lê Quốc T 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T1 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Anh K 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Gia H 04 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

	Ngoài ra, tòa án còn tuyên án về vật chứng; trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo.	
3	Bản án số 254/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/10/2011, do không có tiền tiêu xài nên Võ Hoài N cùng Lê Hoàng T và N1 (không rõ lai lịch) rủ nhau chiếm đoạt tài sản của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài, thống nhất thủ đoạn là N sẽ đóng giả gái bán dâm đứng trên lề đường Nguyễn Văn Linh đón khách. Khi có khách đến trao đổi mua bán dâm thì T và N sẽ chặn xe của khách lại và dùng hung khí tấn công để cướp tài sản, tất cả đồng ý. Một lúc sau, N và T phát hiện anh Nguyễn Tấn S điều khiển xe mô tô biển số 54Z7-8315 đến gần chỗ N đang đứng nên N chờ T đến chặn đầu xe của anh Sang. N xuống xe dùng roi điện chích vào người anh S và đánh anh Sang. N lục lấy được chiếc ví của anh S bên trong có số tiền 4.600.000 đồng cùng một số giấy tờ tùy thân. Sau đó, N lên xe máy của N điều khiển bỏ chạy trước. Lúc này, N kêu T lấy xe mô tô biển số 54Z7-8315 của anh S nên T leo lên xe rồi để máy chờ N tẩu thoát về hướng Quốc lộ 1A, được khoảng 01 kilômét thì N và T gặp N tại một con hẻm nhỏ. N đưa cho N chiếc ví vừa cướp được của anh S rồi bỏ đi, còn N điều khiển xe mô tô biển số 54Z7-8315 chở T chạy về tỉnh Đồng Tháp gặp Trần Tuấn C. Tại đây, N nói cho C biết xe mô tô biển số 54Z7-8315 do N và T phạm tội mà có và nhờ C cầm giúp xe này. C đồng ý và đem xe đến cửa hàng cầm đồ Thẩm địa chỉ 81 Tỉnh lộ 854, khóm Phú Mỹ Hiệp, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp gặp anh Nguyễn Ngọc Thẩm cầm được xe với giá 10.000.000 đồng về đưa lại cho Nghi. N cho C 500.000 đồng và chia T, N, N mỗi người 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000 đồng và số tiền 4.600.000 đồng trong ví cả nhóm tiêu xài chung hết. Vào ngày 12/4/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã đưa ra xét xử đối với các bị can Lê Hoàng T mức án 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và Trần Tuấn C mức án 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 84/2012/HSST. Đối với Võ Hoài N do bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định truy nã. Đến ngày 05/3/2024, Võ Hoài N đến Công an xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, Đồng Tháp đầu thú. Nhận định của Tòa án sơ thẩm: (1) Về hành vi phạm tội:	37-42

	Căn cứ hành vi của bị cáo có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 16/10/2011, tại khu vực cầu Ông Bé thuộc Ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Võ Hoài N cùng với Lê Hoàng T và N (không rõ lai lịch) cùng bàn bạc, phân công vai trò cụ thể và có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, đồng thời sử dụng roi điện là hung khí nguy hiểm đối với anh Nguyễn Tấn S để thực hiện hành vi cướp xe mô tô biển số 54Z7-8315 trị giá 15.291.500 đồng và số tiền 4.600.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 19.891.500 đồng. Hành vi của bị can Võ Hoài N đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp có tổ chức và dùng thủ đoạn nguy hiểm. (2) Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. (3) Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại trong vụ Cướp tài sản nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án sơ thẩm quyết định: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Võ Hoài N: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2024. Ngoài ra tòa án còn tuyên án về án phí; quyền kháng cáo.	
4	Bản án số 192/2024/HS-ST ngày 24-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: Ngày 10/01/2024, Trương Đức T là người chủ mưu cùng với Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph đã bàn bạc, phân chia nhiệm vụ để Th dụ dỗ bị hại là Lê Văn Mười H đến khách sạn Minh Tú địa chỉ 100/27/4A ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn để quan hệ tình dục và cướp tài sản của H. Khi Lê Văn Mười H đến khách sạn thì Th đã mở cửa và báo cho T và Ph đi vào phòng. Ph lấy điện thoại để quay hình ảnh H không mặc đồ và đe dọa, T dùng chân tay và cây chà bồn cầu đánh H, sau đó dùng 01 con dao dài khoảng 20cm đe dọa và dùng cán dao đánh vào đầu H. Khi H không thể chống cự thì T và Ph đã lấy trong bóp của H số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại Samsung A33 trị giá 3.000.000 đồng và 01 xe gắn máy Honda	43-56

Wave biển số 59S2-961.03 trị giá 8.000.000 đồng. Tổng tài sản bị hại bị chiếm đoạt là 12.500.000 đồng.

Ngày 10/01/2024, Dương Ngọc H biết rõ xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 do bị can T phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua với giá 3.500.000 đồng, sau đó bán lại cho một đối tượng có tài khoản zalo tên “Nam ice” không rõ lai lịch với giá 5.000.000 đồng. H thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 12/01/2024 và 13/01/2024, Đinh Văn M lên mạng xã hội mua xe Honda Wave biển số 59S2-961.03 với giá 6.000.000 đồng và 01 xe Honda Future biển số 69B1-583.17 với giá 6.750.000 đồng từ những đối tượng không rõ lai lịch có tên Zalo “Nam ice” và “Thánh xạ l*n”. M biết rõ những xe này do người khác phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua để bán lại kiếm lời, M chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ.

Nhận định Tòa án sơ thẩm:

(1) Về tội danh: Hành vi của các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”, “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”. Bị cáo Trương Đức T đã từng có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích thì T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Viện Kiểm sát quyết định truy tố bị cáo Trương Đức T về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết: phạm tội có tổ chức; sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm a, d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết: phạm tội có tổ chức; sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS là đúng người, đúng tội.

(2) Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: trong vụ án này, giữa các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph có sự hân công, bàn bạc công việc cụ thể, trong đó bị cáo Trương Đức T là người chủ mưu, các bị cáo Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph có vai trò đồng phạm giúp sức cùng bị cáo T có hành vi làm cho bị hại Lê Văn Mười H lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt của bị hại số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại Samsung A33 và chiếc xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03.

Đối với các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng các bị cáo nhận thức rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vì mục đích tư lợi, muốn kiếm tiền nên bị cáo H và bị cáo M đã đồng ý tìm cách

tiêu thụ tài sản của bị hại Lê Văn Mười H là chiếc xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 để hưởng lợi.

(3) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trương Đức T có nhân thân xấu, 04 bị cáo Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết giảm nhẹ: Cả 05 bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Dương Ngọc Huy phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tình tiết tăng nặng: 04 bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đinh Văn M phạm tội 02 lần trở lên.

(4) Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện tại các bị cáo không nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

(5) Về dân sự: Bị hại Lê Văn Mười H đã nhận lại tài sản là xe máy bị chiếm đoạt. Đối với tiền và điện thoại bị chiếm đoạt bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tòa án sơ thẩm quyết định:

1.1. Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trương Đức T về tội “Cướp tài sản” 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

1.2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh Th về tội “Cướp tài sản” 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

1.3. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

	- Xử phạt bị cáo Trần Hữu Ph về tội “Cướp tài sản” 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024. 1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): - Xử phạt bị cáo Đinh Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024. 1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): - Xử phạt bị cáo Dương Ngọc H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024. Ngoài ra Tòa án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.	
5	Bản án số 122/2024/HS-ST ngày 01-8-2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nội dung vụ án: Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 cùng nhau bàn bạc sẽ điều khiển xe mô tô mang theo hung khí nguy hiểm là tuýp sắt, dao tự chế đi đến quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Cụ thể, K, P mang theo dao tự chế trực tiếp đi vào trong quán dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với chủ quán hoặc khách đến uống nước để cướp tài sản, L mang theo tuýp sắt để hỗ trợ K, P và đập bể các Camara trong quán (nếu có), còn A, V, Q, K3, A, N1, L1 sẽ đứng ở bên ngoài canh giới và nổ máy xe chờ sẵn. Sau khi K, P, L cướp được tài sản sẽ chạy ra ngoài lên xe rồi cả nhóm tẩu thoát. Với thủ đoạn như trên, từ ngày 17/12/2023 đến ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau: Vụ thứ 01: Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2023 tại quán cà phê “Kim Ngân” ở khu phố V, phường P, thị xã P do bà Lê Thị H3 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài canh giới và nổ máy xe đợi sẵn, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà H3 cướp số tiền 220.000 đồng rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn. Vụ thứ 2: Sau khi rời quán cà phê “Kim Ngân” , tại quán cà phê vũng “368” ở khu phố S, phường T, thị xã P do bà Trương Thị T8 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài canh giới và nổ máy xe đợi sẵn, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà T8 cướp số tiền 500.000 đồng rồi ra ngoài tẩu thoát.	57-79

Vụ thứ 3: Sau khi rời khỏi quán cà phê vông “368”, tại quán cà phê “Biển Nhớ” thuộc khu phố S, phường T, thị xã P do bà Nguyễn Thị Bích L2 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài cảnh giới, còn K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa không chế bà L2 cướp số tiền 200.000 đồng. Lúc này, trong quán còn có một vị khách nam (không rõ nhân thân, lai lịch) đến uống nước cũng bị K, L đe dọa cướp số tiền 200.000 đồng. Sau khi cướp được tài sản của bà L2 và người khách nam, K, L chạy ra trước quán lên xe tàu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 4: Sau khi cướp tài sản ở quán cà phê “Biển Nhớ”, tại quán cà phê “Hồ N” thuộc khu phố V, phường P, thị xã P do bà Lý Thị T9 làm chủ. Quốc A1 dừng xe trước quán nổ máy đứng đợi sẵn còn K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa không chế bà T9 cướp số tiền 100.000 đồng. Sau khi cướp được tài sản của bà T9, K, L chạy ra trước quán lên xe tàu thoát cùng Quốc A1.

Vụ thứ 05: Khoảng 22 giờ ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản, cả nhóm đồng ý. Tại quán “Cà phê giải khát” ở khu phố S, phường T, thị xã P do bà Đặng Thị Tuyết D làm chủ. A, Q đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K tiếp tục cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà D cướp số tiền 500.000 đồng rồi ra ngoài lên xe tàu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 06: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/12/2023, tại quán cà phê “Trở Lại” thuộc thôn P, xã T, thị xã P do bà Nguyễn Thị H4 làm chủ. A, Q, L1 đứng bên ngoài cảnh giới còn K, P, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà H4 rồi cướp số tiền 300.000 đồng. Sau đó, K, L, P còn đập phá thêm 05 cái bàn và 02 cái ghế nhựa rồi ra ngoài lên xe tàu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 07: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Trở lại tại quán cà phê “Chờ bạn 72” thuộc thôn P, xã T, thị xã P do bà Lê Thị N3 làm chủ. Lúc này A, Q, L1 dừng xe trước quán, nổ máy xe đợi sẵn còn K, L, P xuống xe cầm hung khí chạy vào quán. Trong quán lúc này có ông Nguyễn Duy P4 đang ngồi uống cà phê nói chuyện với bà Hồ Thị Cẩm L3 và bà Phạm Thị H5. Lúc này K, L và P cầm hung khí đập phá bàn ghế trong quán và chạy về phía anh P4 đang ngồi, đưa dao tự chế hướng vào người anh P4 để đe dọa và yêu cầu anh P4 đưa tiền. P lục trong người anh P4 lấy ra 01 cái ví, P mở ví lấy số tiền 8.000.000 đồng và 300 USD rồi đưa ví lại cho anh P4, khi anh P4 định chống trả thì P dùng dao chém một nhát vào tay phải gây thương tích cho anh P4. P, K, L còn dùng hung khí đe dọa cướp của bà L3 cướp số tiền 400.000 đồng. Riêng bà H5 chạy ra phía sau trốn được nên không bị thiệt hại tài sản. Khi cướp tài sản, P và L còn đập phá thêm 02 mắt camera của quán rồi mang theo ra ngoài tàu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 08: Khoảng 22 giờ ngày 26/12/2023, tại quán cà phê “Hoa Hồng Đỏ” thuộc ấp F, xã T, thị xã P, tỉnh BR-VT do ông Nguyễn Văn P5 làm chủ. A3 và V đứng bên ngoài cạnh giới và nổ máy xe đời sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào quán rồi dùng dao chém vào những chai nước trên quầy, đồng thời yêu cầu ông P5 phải đưa tiền, còn L đi tìm, đập phá 01 mắt camera trong quán và lấy mang ra ngoài đứng cạnh giới cùng với V, A3. Lo sợ sẽ bị các đối tượng chém gây thương tích cho mình nên ông P5 đã đưa cho K, P số tiền khoảng 400.000 đồng. Sau khi lấy tiền xong P, K đi ra ngoài lên xe của V, A3, L đang đợi trước quán rồi tẩu thoát.

Vụ thứ 09: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Hoa Hồng Đỏ”, tại quán cà phê “P” thuộc ấp A, xã T, thị xã P, tỉnh BR-VT do ông Trần Văn M1 cùng vợ là Trần Thị N4 làm chủ. Trong quán lúc này có ông Nguyễn Văn Đ2 đang ngồi uống nước. A3 và V dừng xe trước quán đứng bên ngoài cạnh giới và nổ máy xe đời sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào quán. L cầm hung khí đi tìm camera của quán để đập rồi lấy mang ra ngoài đứng cạnh giới cùng A3, V. K, P chạy đến vị trí chòi nơi anh Đ2 đang ngồi uống nước, P dùng hung khí chém vào cánh tay phải, đầu gối phải, đầu gối trái và yêu cầu ông Đ2 đưa tiền. Do ông Đ2 không có tài sản trong người nên K, P, L chạy vào phòng khách nơi ông M1 và bà N4 đang ngồi rồi dùng hung khí đe dọa ông M1, bà N4 để cướp tài sản. Lo sợ bị chém nên ông M1 đưa ví cho P, P lấy hết số tiền 200.000 đồng trong ví rồi trả lại ví cho ông M1. Sau đó, K, P yêu cầu ông M1 bà N4 đi vào trong nhà đóng cửa lại để cả hai ra ngoài lên xe tẩu thoát.

Vụ thứ 10: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Phát Đạt”, tại quán Cà phê “Nhụy Thủy” ở thôn P, xã T, thị xã P do bà Danh Thị Bích H6 làm chủ. Lúc này trong quán có ông Lê Văn T10 đang ngồi uống nước tại quán. A và V đứng bên ngoài cạnh giới và nổ máy xe đời sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào trong quán, P kẻ dao vào cổ của ông T10 đe dọa, còn K, L lục lọi trên người ông T10 lấy số tiền 520.000 đồng và 100USD. Sau đó, cả ba ra ngoài lên xe của A, V đang đợi sẵn để tẩu thoát.

Vụ thứ 11: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Nhụy Thủy”, tại quán cà phê “Loan A4” ở khu phố P, phường M, thị xã P do bà Nguyễn Thị Thúy A2 làm chủ. A2, V đứng bên ngoài cạnh giới và nổ máy xe đời sẵn còn P, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán để đe dọa cướp tài sản. Lúc này trong quán có ông Lê Minh T11 đang chuẩn bị lấy xe về thì K, P cầm hung khí chạy tới chỗ ông T11 đe dọa cướp tài sản. Khi P thấy ông T11 có tiền ở túi áo sơ mi nên đã choàng tay lấy đồng thời dùng sòng dao chém một nhát vào bắp tay trái để đe dọa, lúc này ông T11 giật tiền lại rồi chạy vào trong quán cà phê Loan A4 và kêu bà Thúy A2 báo Công an. P, L, K cầm hung khí đuổi theo vào bên trong. Lúc này, ông T11 lấy được 01 cây sắt ở trong quán dùng để tự vệ thì bị P dùng dao chém vào tay gây thương tích, ông T11 hoảng sợ nên trốn vào trong quán. P, K, L không đuổi theo nữa mà leo lên bệ camera cùng bộ nhớ camera lấy đi rồi ra tiếp tục đập phá một cái bàn và 02 ghế nhựa trong quán.

Trước khi ra ngoài tàu thoát L còn lấy thêm 01 lốc nước 06 chai Sting và 01 lốc nước 06 chai C2.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy P4 tại thời điểm giám định là 02% (Hai phần trăm).

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Minh T11 tại thời điểm giám định là 05% (Năm phần trăm). Ông Lê Minh T11 có đơn yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của K, L, P, A, V.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L đã tham gia 04 ngày, thực hiện tất cả 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 21.070.000 đồng; Lê Tấn P, Nguyễn Thành A đã tham gia 03 ngày, thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 20.050.000 đồng; Nguyễn Trường V đã tham gia 02 ngày, thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 4.540.000 đồng; Lê Minh Q đã tham gia 02 ngày, thực hiện 03 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 16.430.000 đồng; Nguyễn Lê Quốc A1 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 04 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 1.020.000 đồng; Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Đình Sơn N2 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 03 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 920.000 đồng; Nguyễn Văn L1 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 02 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 15.930.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Loan Anh” ở khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V còn có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế chém gây thương tích cho ông Lê Minh T11 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 05%. Ông T11 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của K, L, P, A, V. Do đó, hành vi của các bị cáo K, P, L, A, V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự.

2. Về khung hình phạt:

Các bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là ống tuýp sắt, dao tự chế để khống chế, đe dọa các bị hại, tấn công các bị hại để nhằm chiếm đoạt tài sản. Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nhưng các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ, tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo khi thực hiện các vụ cướp tài sản. Trong một khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, gây mất an ninh trật tự, tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc điểm a, d, g Khoản 2 Điều

168 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi gây thương tích cho ông T11, các bị cáo K, P, L, A, V đã sử dụng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho ông T11 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%, ông T11 có đơn yêu cầu truy tố các bị cáo. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

3. Về vai trò và tính chất mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tuy không có sự bàn bạc, phân công, lên kế hoạch cụ thể cho từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo, khi thực hiện các vụ cướp các bị cáo đều có sự câu kết chặt chẽ với nhau do đó hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức.

Trong vụ án này Nguyễn Minh K đã khởi xướng và rủ rê các bị cáo L, V, P, A, K3, A, L1 tham gia, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cũng trực tiếp dùng hung khí đe dọa bị hại để cướp tài sản. Do đó bị cáo tham gia với vai trò chính, các bị cáo P, L, V, A, Q, K3, A, N2, L1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực.

4. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh K là người đã thành niên nhưng có hành vi xúi dục người chưa thành niên là các bị cáo L, V, A, K3, Quốc A1 thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Đối với các bị cáo L, A, V, Q, K3, A, N2, Lũy quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại có yêu cầu bồi thường. Do đó cần áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

5. Về mức hình phạt:

- Xem xét từng vai trò của các bị cáo, tổng số vụ cướp tham gia, tài sản chiếm đoạn, độ tuổi để xem xét mức hình phạt tương ứng với hành vi.

Tòa án sơ thẩm quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P (tức P), Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V phạm tội “Cướp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”;

Các bị cáo Nguyễn Văn L1, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm o, g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh K 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh K 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Minh K phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

2. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Lê Tấn P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2024.

3. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Tấn L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

4. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trường V 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trường V 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Trường V phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

6. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Thành A phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

6. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

7. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Minh Q 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

8. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Phạm Tuấn K3 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

9. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Sơn N2 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

10. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Lê Quốc A1 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

	Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vấn chứng; án phí và quyền kháng cáo.	
6	Bản án số 244/2024/HS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: Do cần tiền tiêu xài nên T rủ N2 và N1 cướp tài sản thì N2 và N1 đồng ý. Tín phân công nhiệm vụ cho từng người như sau: Tín chuẩn bị dao, N2 sử dụng ứng dụng Facebook, Z kết bạn với các nam thanh niên và hẹn bị hại gặp mặt, còn N1 là người dẫn đường cho bị hại đến khu vực vắng vẻ rồi cùng T dùng hung khí đe dọa để cướp tài sản. Với phương thức và thủ đoạn nêu trên Nguyễn Minh T, Dương Văn N1 và Đặng Thị Yến N2 đã thực hiện 04 vụ cướp tài sản trên địa bàn huyện B, cụ thể như sau: Vụ thứ nhất: Ngày 21/7/2023, N2 nhắn tin hẹn gặp một nam thanh niên trên mạng xã hội tại bãi đất trống thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B. Sau đó, N1 điều khiển xe Honda Cup biển số 62M1-1096 đón nam thanh niên chở đến địa điểm trên. Đến nơi, N1 cầm dao Thái Lan, còn T từ trong bụi rậm đi ra cầm theo dao tự chế và bình xịt hơi cay đe dọa cướp của nam thanh niên 01 điện thoại di động và số tiền 50.000 đồng. Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 23/7/2023, N2 sử dụng tài khoản Z lấy tên “H1” nhắn tin hẹn gặp ông Phùng Quốc T2 tại chân cầu C thuộc Ấp A, xã H, huyện B. Khi T2 đến điểm hẹn thì N2 nhắn tin kêu T2 đến khu đất 2 trống thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B. Đến nơi, T2 nhìn thấy T đã dừng xe mô tô loại Wave (không rõ biển số) chờ sẵn. Lúc này, N1 cầm dao Thái Lan đe dọa và cướp của T2 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, 01 cái bóp da trong bóp có số tiền 250.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân đã cắt góc, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM ngân hàng T5 (trong tài khoản không có tiền), 01 giấy đăng ký xe biển số 62F1-223.02 mang tên Phùng Quốc T2. Tổng giá trị tài sản T, N1 và N2 định chiếm đoạt của bị hại T2 là 1.240.000 đồng. Vụ thứ ba: Ngày 05/8/2023, N2 nhắn tin hẹn gặp một nam thanh niên trên mạng xã hội. Khoảng 20 giờ cùng ngày, nam thanh niên đi xe ô tô công nghệ Grap đến, N1 điều khiển xe Honda Cup biển số 62M1-1096 đến đón nam thanh niên chở đến bãi đất trống thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B. Khi vừa đến địa điểm trên, N1 cầm dao Thái Lan, còn T cầm theo dao tự chế đe dọa và cướp của nam thanh niên 01 điện thoại di động bị bể màn hình và số tiền 350.000 đồng, lúc này do nam thanh niên xin lại số tiền 200.000 đồng nên T trả lại. Sau đó, T cùng với N1 bỏ đi về. Vụ thứ tư: Vào khoảng đầu tháng 8/2023, ông Huỳnh Tấn V1 quen biết với N2 qua mạng xã hội Facebook. Sau đó, N2 sử dụng tài khoản Z lấy tên “Lâm Gia	80-89

K1” kết bạn Zalo với V1. Ngày 22/8/2023, T sử dụng điện thoại của N2 nhắn tin cho V1 hẹn xuống nhà chơi thì V1 đồng ý. Sau đó, T nhắn tin tiếp kêu V1 đứng đợi ở cuối đường V nhưng do không rành đường nên V1 đứng ở đường P thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B rồi gửi vị trí vào điện thoại của N2. Khoảng 12 giờ 35 phút cùng ngày, N1 điều khiển xe Honda Cup biển số 62M1-1096 đến hỏi V1 có phải bạn của “chị K1” không rồi N1 dẫn V1 đến bãi đất trống thuộc Ấp A, xã H, huyện B để thực hiện hành vi cướp tài sản của Huỳnh Tấn V1 bao gồm tiền mặt và điện thoại di động thì bị Công an tuần tra phát hiện, bắt giữ N1. Qua điều tra, N1 đã khai nhận cùng với T, N2 đang chuẩn bị thực hiện hành vi cướp tài sản của Huỳnh Tấn V1 bao gồm tiền mặt và điện thoại di động thì bị Công an bắt.

Tổng giá trị tài sản T, N1 và N2 định chiếm đoạt của bị hại V1 là 7.845.000 đồng.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

Trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại, các bị cáo Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị yến N2 có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể từng người Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Có tổ chức” và “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội hai lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên khi quyết định hình phạt; Đối với bị cáo N2 phạm tội khi đang mang thai nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phùng Quốc T2 đã nhận số tiền bồi thường 5.000.000 đồng và đã làm đơn bãi nại cho Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị Yến N2 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại Huỳnh Tấn V1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tòa án sơ thẩm quyết định:

* Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

	Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2023. * Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Dương Văn N1 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2023. * Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đặng Thị Yến N2 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2024. Ngoài ra Tòa án còn quyết định về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo.	
7	Bản án số 120/2022/HS-ST ngày 08-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nội dung vụ án: Vào khoảng đầu tháng 10/2010, Trần Đình T, Dương Minh Ch, Trần Hoàng Ph, Dương Tiến D, Phan Quốc C, Trần Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Viết Tú, Dương Chí H và đối tượng tên Nghĩa (chưa xác định được lai lịch) cùng rủ nhau đi cướp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bằng thủ đoạn Tuấn lên mạng Internet rao bán các loại xe mô tô giá rẻ và để lại số điện thoại. Khi những người có nhu cầu mua xe mô tô điện thoại cho Tuấn thì Tuấn hẹn mang tiền đến khu vực ngã ba Trị An, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom để mua xe, sau đó Tuấn gọi điện báo cho Chính để Chính phân công Tú hoặc Phong đi xe mô tô ra đón và chở vào khu vực vườn trà ở tại khu vực ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn nói dối là để xem xe, nhưng Tuấn và đồng bọn đã mai phục sẵn, cầm dao xông ra không ché trời nạn nhân lại, lục soát người nạn nhân lấy tiền và điện thoại di động. Liên tục trong khoảng thời gian từ tháng 12/2010 đến ngày 15/02/2011, Dương Chí H cùng đồng phạm đã thực hiện 05 vụ cướp tài sản, cụ thể như sau: - Vụ thứ nhất: Vào khoảng giữa tháng 12/2010 (H khai không nhớ rõ ngày), Tuấn lên mạng Internet rao bán xe thì có anh Tăng Bình V liên hệ với Tuấn hỏi mua xe, Tuấn hẹn anh Vũ đến ngã 3 Trị An, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom để mua xe. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Vũ đi cùng anh Nguyễn Văn Thức xuống ngã 3 Trị An, Tuấn điện thoại báo cho đồng bọn biết để phân công nhiệm vụ cướp tài sản. Sau đó H, Tuyên, Cường, Phong và Ngân chở nhau ra bãi đất trống phía sau Công ty dinh dưỡng Á Châu, khu công nghiệp Sông Mây ngôi núp trong đám cỏ, còn Tú chạy xe mô tô ra ngã 3 Trị An đón anh Vũ vào chỗ đồng bọn phục sẵn, khi thấy anh	90-97

Vũ đến, H, Tuyên, Cường, Phong cầm dao xông ra khống chế rồi trói anh Vũ lại, lục trong người anh Vũ lấy được số tiền 1.300.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Q-Mobile và một số giấy tờ của anh Vũ.

Anh Vũ nói số tiền 14.000.000 đồng mang đi mua xe đang gửi anh Thức giữ chờ ở ngoài ngã 3 Trị An nên cả bọn không chế buột anh Vũ gọi điện cho anh Thức giao số tiền 14.000.000 đồng cho bọn chúng. Sau đó Tú chạy xe ra ngã 3 Trị An gặp anh Thức lấy số tiền 14.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh Vũ là 16.420.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 08/01/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô. Sau đó Tuấn hẹn anh Võ Minh Trí đến ngã 3 Trị An để mua xe. Anh Trí rủ anh Cao Xuân K cùng đi. Tuấn nói Phong đến ngã 3 Trị An đón và nói chỉ cho 1 người vào xem xe, Phong chở anh Khoa vào vườn trà sau trường Tiểu học Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn, H, Phong, Chính, Dẫn và Tú phục sẵn dùng dao khống chế trói anh Khoa lại lục trong người anh Khoa lấy được số tiền 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia E71 và 01 roi điện. Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh Khoa là 5.240.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Vào sáng ngày 29/01/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô. Sau đó Tuấn hẹn anh Nguyễn Thanh T đến ngã 3 Trị An để mua xe. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày anh Tâm cùng vợ là chị Đinh Trần Minh T chạy xe mô tô đến ngã 3 Trị An Tú chạy xe ra đón vợ chồng anh Tâm vào khu vực vườn trà phía sau công ty Moland, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn cùng Tú, Phong Dân, Cường và đối tượng Nghĩa dùng dao Thái Lan xông ra khống chế vợ chồng anh Tâm lấy số tiền 28.000.000 đồng rồi lên xe bỏ chạy, còn H bị đau tay nên không trực tiếp tham gia cướp tuy nhiên H có tham gia bàn bạc và đưa dao Thái Lan cho đồng bọn đi cướp, và cũng được chia tiền sau khi cướp.

- Vụ thứ tư: Vào sáng ngày 15/02/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô. Tuấn hẹn anh Nguyễn Bảo Á đến ngã 3 Trị An để mua xe. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh Ân đi cùng anh Nguyễn Thời Lâm đến ngã 3 Trị An, Phong chạy xe ra đón chở anh Ân vào khu vực vườn trà phía sau Công ty Moland, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn cùng H, Phong, Dẫn, Cường và đối tượng Nghĩa dùng dao Thái Lan khống chế trói anh Ân lại và lấy số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu K-Touch B2010 và 01 sợi dây chuyền bằng Inox. Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh Ân là 3.480.000 đồng.

- Vụ thứ năm: Vào chiều ngày 15/02/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô. Tuấn hẹn anh Nguyễn Huy V đến ngã 3 Trị An để mua xe. Anh Vương đi cùng anh trai là Nguyễn Huy Dương đến ngã 3 Trị An, Phong chạy xe ra đón chở anh Vương vào khu vực vườn trà phía sau Công ty Moland, khu công nghiệp

Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn cùng H, Phong, Dẫn, Cường và đối tượng Nghĩa dùng dao Thái Lan khống chế trói anh Vương lại và lấy số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110. Anh Vương nói số tiền 15.000.000 đồng mang đi mua xe anh Dương đang giữ chờ ở ngã 3 Trại An, bọn chúng khống chế buộc anh Vương gọi điện báo anh Dương cầm tiền vào để bọn chúng cướp tiếp, trên đường đi thì Phong, Dẫn, Cường, Tuyên và Chính bị bắt, Tuấn cầm chiếc điện thoại di động Nokia 1110 của anh Vương chạy trốn sau đó làm rơi mất chiếc điện thoại. Còn số tiền 800.000 đồng H cầm và bỏ chạy thoát.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

Dương Chí H đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì hành vi của Dương Chí H đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Dương Chí H và đồng phạm đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm có tổ chức vì giữa các bị cáo có sự phân công, bàn bạc và liên kết chặt chẽ với nhau. Trong đó, bị cáo Trần Đình T là người chủ mưu, khởi xướng, cầm đầu. Bị cáo Dương Chí H tham gia thực hành tích cực, cầm dao là phương tiện nguy hiểm (theo H dẫn tại mục 2 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) khống chế, trói người bị hại để đồng phạm lục soát lấy tiền và tài sản của bị hại có trị giá là 54.240.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tòa án sơ thẩm quyết định:

Căn cứ vào điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Dương Chí H phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Dương Chí H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2021.

Ngoài ra Tòa án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

8	Bản án số 57/2024/HS-ST ngày 15-7-2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Nội dung vụ án: Vào giữa tháng 01/2024, Hà Thanh T rủ Lê Thanh D đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D đồng ý. Cả 2 bàn bạc, phân công T là người trộm cắp tài sản, D là người cảnh giới; T chuẩn bị một cây đoản bằng kim loại dùng để bẻ khóa xe, 01 bình xịt hơi cay; D chuẩn bị 01 gậy điện màu đen, 01 gậy ba khúc dùng để chống trả khi bị phát hiện truy đuổi. Đến khoảng 16 giờ ngày 23/01/2024, D mượn và điều khiển xe mô tô biển số 70F1-8360 của chị Trương Thị Tuyết Ngân đi đến khu vực xã An Ninh Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để gặp T. Tại đây, T đưa 01 biển số xe mô tô 62K2-5570 để D gắn vào xe mô tô biển số 70F1-8360. Sau đó, T trực tiếp điều khiển xe mô tô chở D đi quanh các tuyến đường tìm xe mô tô để lấy trộm. Do không tìm được xe mô tô lấy trộm nên T bàn bạc với D chặn đường những người phụ nữ đi một mình, đe dọa dùng vũ lực để cướp xe mô tô thì D đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở D đi đến khu vực đường Hương lộ 2 thuộc khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện chị Nguyễn Thị Tuyết N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, biển số 70L1-675.22 đi một mình theo hướng ngược lại. Lúc này, T điều khiển xe mô tô quay lại, đuổi theo rồi áp sát, chặn đầu xe mô tô của chị N vào lề bên phải, T cảnh giới để D bật gậy điện cầm chỉ vào người chị N đe dọa, chị N hoảng sợ, không dám kháng cự nên đã giao xe mô tô biển số 70L1- 675.22 cho D. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của chị N, D điều khiển xe về khu vực xã Lộc Giang, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Tại đây, D tìm thấy trong cốp xe số tiền 2.800.000 đồng nên cất giấu sử dụng riêng và đưa xe mô tô biển số 70L1- 675.22 cho T đem đến khu vực huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bán cho người phụ nữ tên “Mười” (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 7.000.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết. Qua xác minh, ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng mời T, D làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Nhận định của Tòa án sơ thẩm: Hành vi của các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này các bị cáo có sự bàn bạc phân công vai trò, chuẩn bị công cụ phạm tội, sử dụng “xe mô tô” để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với 02 tình tiết định khung là “Có tổ chức” và “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.	98-104
---	--	--------

	Riêng bị cáo T đã tái phạm chưa được xóa án tích nên lại phạm tội mới với lỗi cố ý. Do đó, viện kiểm sát tuy tố bị cáo T với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng và chủ động rủ rê bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính và cao hơn bị cáo D. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo D đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Do đó, bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T không có tình tiết tăng nặng nhưng xét thấy nhân thân của bị cáo xấu, bị cáo có 02 tiền án. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm quyết định: 1. Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thanh T 09 (chín) năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024. 2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh D 08 (tám) năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024. Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về Bồi thường thiệt hại, Xử lý vật chứng; Án phí; Quyền kháng cáo.	
9	Bản án số 119/2023/HS-ST ngày 13-06-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: Ngày 09/8/2022, H rủ Ngh, Ph đi tìm ông Gi để lấy tiền nợ cho Ph, nếu ông Gi không có tiền thì lấy xe của ông Gi để ép Gi trả nợ cho Ph, cả nhóm đồng ý. Trên đường đi, Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph gặp ông Gi ngồi trên xe Ablade, biển số 54P5 6555 đang dừng trước địa chỉ F4/4F tổ 6, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhâm Quốc Ph liền chạy đến chặn đầu xe, còn H chạy đến cản đuôi xe ông Gi làm ông Gi ngã xe xuống đường, ông Gi hoảng sợ nên bỏ lại xe chạy bộ, Ngh xuống xe cầm nón bảo hiểm rượt đuổi theo ông Gi và dùng tay phải định nắm lấy cổ áo ông Gi nhưng không được nên quay lại. Sau khi ông Gi chạy thoát, Thái Chí H nói với cả nhóm lấy xe mô tô biển	105-113

số 54P5-6555 của ông Gi, khi nào ông Gi trả tiền cho Ph thì trả lại xe cho ông Gi. Cả 3 bàn bạc cho Ph giữ xe máy trên.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô biển số 54P5-6555 trị giá 8.300.000 đồng.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

Ngày 09/8/2022, tại trước địa chỉ F4/4F tổ 6, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc và dùng vũ lực bảo hiểm tấn công bị hại ông Trần Sách Gi làm cho ông Gi lâm vào tình trạng không thể chống cự bỏ chạy để lại tài sản xe mô tô biển số 54P5-6555 và sau đó các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt xe này.

Có căn cứ xác định thì trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph có gặp nhau cùng thống nhất là cả.

Từ những diễn biến và phân tích như trên, xét thấy hành vi của các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, có sự phân công vai trò nhiệm vụ của từng bị cáo nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, các bị cáo biết việc cướp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức (như nhận định trên) và sử dụng hung khí là nón bảo hiểm đe dọa, tấn công bị hại là thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm. Đây là các tình tiết định khung hình phạt được quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho các bị cáo.

	Xét về nhân thân thì các bị cáo Thái Chí H, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph có nhân thân xấu đã vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (đã được xóa án tích hoặc không thuộc trường hợp xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm) hoặc bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức như nhận định trên. Trong đó, bị cáo Thái Chí H là người chủ mưu khởi xướng việc phạm tội và là người thực hành tích cực; Các bị cáo Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, các bị cáo này là người trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và dùng vũ lực tấn công, khống chế bị hại để lấy tài sản. Tòa án sơ thẩm quyết định: * Tuyên bố các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph phạm tội “Cướp tài sản”. - Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Thái Chí H 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022. - Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh Ngh 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022. - Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Teng Hồng Ph 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022. - Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nhâm Quốc Ph 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.	
10	Bản án số 01/2023/HS-ST ngày 03-01-2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: T và R rủ nhau lấy xe gắn máy của anh N, cả hai đến nhà anh Lê Hiếu E chơi thì T rủ anh E cùng tham gia chặn xe gắn máy đánh anh N để cướp xe nhưng anh E không đồng ý tham gia nên cả hai đi về. Sau đó, cả hai cùng bàn bạc về việc	114-124

cướp, cụ thể như sau: R có nhiệm vụ rủ anh N đi nhậu chuốc cho anh N uống say rồi kêu anh N chở R và rủ thêm bạn để cướp xe còn T có nhiệm vụ cùng với bạn do R rủ đi theo phía sau xe của anh N, khi đến đoạn đường vắng sẽ 2 chặn xe đánh anh N để cướp xe, R đồng ý và thống nhất ngày 30/04/2022 sẽ thực hiện kế hoạch trên. Sau đó, R nhắn tin cho Nguyễn Hồ Chí K nhờ đánh dẫn mặt anh N.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/4/2022 Thành, R và X (bạn T) đến quán ốc KA trên đường số 5, phường BH, quận BT để uống bia, T nói R gọi điện thoại rủ anh N đến uống bia, thì anh N đồng ý. Sau đó, anh X có việc về trước, lúc này R, T thấy anh N có biểu hiện say, T ra hiệu và nói R thực hiện kế hoạch.

R đã gọi điện thoại rủ K đi đánh anh N để cướp xe còn T điện thoại cho Lê Nguyễn Thanh U rủ đi uống cà phê nhưng mục đích là để mượn xe của T. T mượn xe máy của anh N đi đón K, rồi cả hai đến khu vực ngã tư NA và TK, Quận 12 đón T; Sau đó cả ba điều khiển xe đến quán cà phê M nằm trên đường số 5, phường BH, quận BT (gần quán ốc KA) rồi Thành chạy xe về quán ốc KA trả xe cho anh N và báo cho R biết đã đón đủ người đồng thời dặn R khi nào anh N về thì gửi định vị cho T biết.

Sau đó T gọi điện thoại nói U đến đón T quay lại quán cà phê M, tại đây T phân công, nhiệm vụ của T sẽ tập đầu xe của anh N, còn K có nhiệm vụ đánh anh N để cướp xe đồng thời phân công cho U có nhiệm vụ chở T và K đi đánh anh N, sau khi đánh cướp được xe thì U chở K tẩu thoát; U và K đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, anh N điều khiển xe gửi định vị cho T và K biết, lúc này U điều khiển xe gắn máy biển số 50Y1-242.XX chở T ngồi giữa, K ngồi sau cùng chạy phía sau anh N theo định vị R gửi, khi đến trước số 248 Kênh 19/5B, phường TT, quận T thì R nói T dừng xe bên lề đường, U liền điều khiển xe gắn máy chặn đầu xe của anh N để K nhảy xuống xe dùng tay đánh 04 đến 05 cái vào mặt anh N làm anh N và xe gắn máy bị ngã xuống đường. Lúc này, T chạy lại dựng lên xe gắn máy của anh N lên rồi leo lên xe nổ máy nhưng không được, thấy vậy anh N liền chạy lại nắm đầu xe không cho T lấy xe thì bị T và K tiếp tục dùng tay đánh anh N và xô ngã xuống đường, T tiếp tục đề máy xe nổ được rồi tăng ga tẩu thoát, lúc này anh N tri hô “cướp, cướp

Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Sonic trị giá 45.000.000 đồng.

Nhận định tòa án sơ thẩm:

Bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U có hành vi phạm tội: “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ để thực hiện hành vi cướp tài sản của anh Huỳnh Công N. Do đó, các bị cáo phạm tội có tổ chức là phù hợp.

Để có cơ sở lượng hình. Hội đồng xét xử phân tích vai trò tham gia của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Trịnh Minh T: là người có nhân thân xấu. Xuất phát từ việc anh Huỳnh Công N nợ T số tiền 3.000.00 đồng nhưng không trả. T đã bàn bạc cùng với bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R tìm cách đánh anh N để lấy xe gắn máy của anh N. Vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án rất tích cực. Chính bị cáo là người rủ rê bị cáo U thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người phân công nhiệm vụ cho K đánh người bị hại, phân công cho U chở bị cáo cùng K thực hiện cướp tài sản. Cũng chính bị cáo là người trực tiếp chiếm đoạt 01 xe máy của anh N.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R: vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án cũng rất tích cực. Khi được T kể anh N còn nợ tiền thì bị cáo đã bàn bạc cùng T lên kế hoạch để chiếm đoạt xe máy của anh N. Bị cáo đã trực tiếp điện thoại nhờ K đánh anh N để đồng bọn thực hiện hành vi chiếm đoạt xe máy của anh N. Bị cáo trực tiếp dàn xếp rủ rê anh N đi nhậu để tạo điều kiện cho đồng bọn tiếp cận và thực hiện hành vi cướp xe máy của anh N.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hồ Chí K: khi được R rủ đi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đồng ý ngay và cùng tham gia bàn bạc, phân công nhiệm vụ của T, bị cáo là người thực hiện hành vi dùng vũ lực đánh anh N để đồng bọn thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe máy của anh N.

- Đối với bị cáo Lê Nguyễn Thanh U: khi được bị cáo T rủ đi thực hiện tội phạm thì U đã đồng ý ngay, vai trò của bị cáo trong vụ án là chở đồng bọn đi thực hiện tội phạm. Được sự phân công của T, U đã chở đồng bọn ép xe của anh N để đồng bọn đánh và chiếm đoạt xe của anh N. Sau khi đồng bọn chiếm đoạt xe của anh N, U là người chở đồng bọn tẩu thoát.

Xét tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét về động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo chiếm đoạt 01 xe máy của anh N nhằm mục đích để anh N trả tiền nợ cho bị cáo T. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố.

	Đối với thương tích của anh N do Trịnh Minh T, Nguyễn Hồ Chí K gây ra thì anh N từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự nên chưa đủ cơ sở để xử lý T, K về tội “Cố ý gây thương tích”. Đối với anh Lê Hiếu E chỉ biết được T, R rủ đi đánh anh Huỳnh Anh N, còn anh E không biết việc T, R cùng đồng phạm cướp tài sản của anh N nên Cơ quan điều tra không khởi tố với vai trò đồng phạm là có cơ sở. Tòa án sơ thẩm quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U đều phạm tội "Cướp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 24/4/2022. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/4/2022. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Chí K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/4/2022. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thanh U 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/4/2022. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. - Buộc các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U. Mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Huỳnh Công N số tiền: 500.000 đồng.	
11	Bản án số 56/2023/HS-ST ngày 09-03-2023 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung vụ án: Ông Trịnh Tấn T có quen biết với Phạm Thị Kim Đ. Ngày 25/5/2019, Ông T rủ bà Đ đi chơi, khi cả hai cùng đến khách sạn thì Đ nảy sinh ý định khi vào khách sạn sẽ chiếm đoạt xe mô tô của ông T. Đ nhắn tin Ph đang ở cùng với nhóm bạn là Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1 và Mai (chưa rõ lai lịch) thì các bên hẹn gặp tại khách sạn MD. Trần Thanh D - bạn trai của Phạm Thị Kim Đ nhắn tin cho Ph cũng biết Đ mục đích và vị trí của Đ. Khi T và Đ vào phòng khách sạn Ph gõ cửa vào rồi dùng chai nước bằng nhựa chứa nước ném vào người ông T. D hỏi và đe dọa ông T “mày có biết mày chở vợ	125-137

ai không”, “mày chở vợ tao vào đây để làm gì” rồi lao vào dùng tay đánh ông T. Thấy ông T đang bị D đánh, Đ liền lấy chìa khóa xe mô tô của ông T để trên giường rồi đi xuống bãi xe lấy xe mô tô biển số 83P3-677.46 của ông T chạy đi. Đ đi thì D cũng bỏ đi.

Ph tiếp tục đe dọa ông T và nói “vợ của người ta mày chở đi người ta đánh mày chết, gặp tao, tao phạt mày 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng mày mới sợ”. Ông T hoảng sợ nên lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 cùng bóp tiền bên trong có số tiền 400.000 đồng đưa cho Ph. Ph đưa 02 điện thoại di động của ông T cho Ph1 giữ.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: xe mô tô biển số 83P3-677.46 trị giá 15.750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 trị giá 700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 trị giá 2.459.400 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 19.309.400 đồng.

Nhận định của Tòa án sơ thẩm:

Quá trình điều tra, thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa và trích xuất hình ảnh camera thu giữ tại hiện trường vụ án có căn cứ xác định phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi của các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, có sự phân công vai trò nhiệm vụ của từng bị cáo nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, các bị cáo biết việc Cướp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét thấy, quá trình điều tra và tại các phiên tòa trước đây tất cả các bị cáo khai báo không thành khẩn, không thừa nhận hành vi phạm tội như phân tích nêu trên và chưa thể hiện sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thay đổi lời khai thừa nhận hành vi như nội dung cáo trạng truy tố và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) cho các bị cáo.

Riêng bị cáo Phạm Thị Kim Đ, bị cáo Nguyễn Thị Huyền Tr, gia đình bị cáo Trần Thanh D (bị cáo D tác động nhờ gia đình bồi thường) đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn bãi nại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét về nhân thân thì các bị cáo Văn Đại Ph, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D, Nguyễn Thị Huyền Tr có nhân thân rất xấu nhiều lần vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (đã được xóa án tích hoặc không thuộc trường hợp xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm) hoặc bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức như nhận định trên. Trong đó, bị cáo Phạm Thị Kim Đ, bị cáo Văn Đại Ph là người chủ mưu khởi xướng việc phạm tội và là người thực hành tích cực; Các bị cáo Trần Thanh D, Nguyễn Văn Ph1 tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, các bị cáo này là người trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và dùng vũ lực tấn công, khống chế bị hại để lấy tài sản; bị cáo Tr tham gia với vai trò đồng phạm thực hành, giúp sức nhưng tính chất mức độ hành vi của bị cáo Tr thấp hơn các bị cáo khác. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, nhân thân, tính chất mức độ vi phạm và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Hiện tại các bị cáo Ph, D đang thi hành hình phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST của Tòa án nhân dân huyện B nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt tù buộc các bị cáo D, Ph chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án.

Tòa án sơ thẩm quyết định:

* Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Văn Đại Ph 09 (chín) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Văn Đại Ph chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Trần Thanh D chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 1 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/01/2020

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền Tr 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến ngày 28/01/2022.

FDVN LAW FIRM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày 11 – 3 – 2025

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thành Công

Bà Ng Thu Ah

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Quách Xía Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình Sx sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Chí Be**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Vàm Đầm, xã Ng Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; con ông Lê TT DAh và bà Ng Kim C; vợ: Huỳnh Ngọc N và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Bản án số 16/2011/HS-ST, ngày 13/5/2011 Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, xử phạt 01 năm tù, tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành án xong ngày 06/3/2012.

+ Bản án số 86/2013/HSPT, ngày 20/8/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xử phạt 01 năm tù, tội “*Trộm cắp tài sản*” và Bản án số 234/2013/HSPT, ngày 17/12/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xử phạt 01 năm tù, tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong 02 bản án ngày 28/01/2015.

+ Bản án số 24/2016/HSPT, ngày 28/3/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xử phạt 02 năm tù, tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 05/10/2017.

+ Bản án số 07/2018/HS-ST, ngày 23/02/2018 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, xử phạt 07 tháng tù, tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 28/6/2018.

+ Ngày 07 tháng 12 năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 06/QĐ-UBND đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24

tháng, chấp hành xong quyết định ngày 12/12/2008.

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Hoàng Hảo là Trợ giúp viên pháp lý của Trung Ta trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Lộc Ng**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2001 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Vàm Đầm, xã Ng Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; con ông Trần TT H và bà Ng Thị L; vợ, con: Không; tiền án: Không;

Tiền sự: 01 lần, ngày 19/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 29/7/2023.

Nhân thân: Bản án số 10/2019/HS-ST, ngày 14/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, xử phạt 04 tháng 14 ngày tù, tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành án xong ngày 14/6/2019.

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Kh Dương – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Đất Mũi thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị hại:*

01. Ông Trần Vn Hu, sinh năm 1984 và bà Ngô Thị Kim Kie, sinh năm 1985; cùng nơi cư trú: Ấp Tây Huê, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Bà Kie ủy quyền cho ông Hu; vắng mặt.

02. Ông Ng Vn Mi, sinh năm 1965 và bà Ng Thị N, sinh năm 1967; cùng nơi cư trú: Ấp Phước Hòa Tiên, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Bà N ủy quyền cho ông Mi; vắng mặt.

03. Ông Bùi Duy Kh, sinh năm 1988 và bà Trương Hằng N, sinh năm 1989; cùng nơi cư trú: Ấp Bờ Càng, xã Điền Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

04. Bà Trương Thị Ci, sinh năm 2001 và ông Trương Quốc TT, sinh năm 1995; cùng nơi cư trú: Ấp 5, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Ông TT ủy quyền cho bà Ci; có mặt.

05. Bà Trương Tuyết NN, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp Nam Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Bà NN ủy quyền cho bà Ci;

06. Bà Ng Thị Kim Cu, sinh năm 1981 và ông Trầm Chí Ta, sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: Ấp Trẹm, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Ông Ta ủy quyền cho bà Cu; có mặt.

07. Bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1973 và ông Mai Ah Tu, sinh năm 1971; cùng nơi cư trú: Ấp Phú Mỹ Hạ, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông Tu ủy quyền cho bà Ph; vắng mặt.

08. Ông Trần Vn Đs, sinh năm 1984 và bà Trần Thị Sx, sinh năm 1990; cùng nơi cư trú: Ấp Ngã Năm, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà Sx ủy quyền cho ông Đs; vắng mặt.

09. Ông Trần Vn To, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp 5, xã Trần Hợi, huyện Trần Vn Thời, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

10. Ah Ng Minh Ho, sinh năm 2005; nơi cư trú: Ấp Ngọc Hòa, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

11. Cháu Lâm Thành Ph, sinh ngày 10/8/2008;

Người giám hộ: Bà Ngô Thị Mỹ Châu, sinh năm 1983 là mẹ ruột; nơi cư trú: Ấp Đg kéo, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

12. Bà Ng Thị Ln, sinh năm 1973 và ông Đoàn Hận Ah, sinh năm 1965; cùng nơi cư trú: Ấp Nnh Phước, xã Nnh Quới, huyện Ho Dân, tỉnh Bạc Liêu. Ông Ah ủy quyền cho bà Ln; vắng mặt.

13. Ông Ng Vn Lt, sinh năm 2002 và bà Huỳnh Ho Lm, sinh năm 2001; cùng nơi cư trú: Ấp Phước Hòa A, thị TrAm Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Bà Lm ủy quyền cho ông Lt; có mặt.

14. Bà Phạm Thị Tc, sinh năm 1976 và ông Huỳnh TT Dn, sinh năm 1970; cùng nơi cư trú: Ấp Thuận Hòa, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Ông Dn ủy quyền cho bà Tc; vắng mặt.

15. Ông Dương Vn Vn, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp Phước Hòa Tiền, thị trAm Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

16. Ông Ng Vn Tht, sinh năm 1977 và bà Ng Thị Ngoãn, sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: Ấp 6, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Bà Ngoãn ủy quyền cho ông Tht; vắng mặt.

17. Ông Lưu Trọng Ng, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp 6, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt.

18. Ông Đinh Vn Toh, sinh năm 1966 và bà Đinh Thu Ngm, sinh năm 1972; cùng nơi cư trú: Ấp Hòa Hiệp, xã Ng Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Bà Ngm ủy quyền cho ông Toh; vắng mặt.

19. Ông Huỳnh Minh Đg, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau; vắng mặt.

20. Ông Phan TT Vg, sinh năm 2005; nơi cư trú: Ấp Thị Tường B, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

21. Bà Trương Kim Ld, sinh năm 1963 và ông Trần Chí Dn, sinh năm 1957; cùng nơi cư trú: Ấp Kinh Tắc, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Ông Dn ủy quyền cho bà Ld; có mặt.

22. Ông Ngô Ngọc Am, sinh năm 1977 và bà Ng Thị CC, sinh năm 1978; cùng nơi cư trú: Ấp Tân Quang 1, xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Bà CC ủy quyền cho ông Am; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

01. Ông Trần TAm Đ, sinh năm 1991; có mặt.

02. Ông Lê Vn N, sinh năm 1987; có mặt.

03. Ông Ho Vn Hây, sinh năm 1997; có mặt.

04. Bà Ng Thị Le, sinh năm 1963; có mặt.

05. Ông Huỳnh TK, sinh năm 1997; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Vàm Đàm, xã Ng Huân, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Chí Be và Trần Lộc Ng là bạn bè, cùng trú tại ấp Vàm Đàm, xã Nguyễn Huân, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, rủ nhau đi cướp tài sản lấy tiền tiêu xài. Cả hai bàn bạc thống nhất sử dụng võ máy làm phương tiện đi lại, mang theo dao tự chế (dài khoảng 60cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng), khẩu trang loại trùm kín mặt, đèn pin loại đội đầu, nón, bao tay và tất chân. Đêm đến, tiến hành lưu thông dọc theo các tuyến sông thuộc địa bàn huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau và các địa bàn giáp ranh, tiếp cận các phương tiện như ghe, sà Lan... đang neo đậu trên sông để cướp tài sản. Khoảng thời gian từ ngày 15/8/2023 đến ngày 11/9/2023, Be và Ng đã thực hiện liên tục 17 vụ cướp tài sản, 01 vụ hiếp dâm.

Vụ thứ nhất: Trần Lộc Ng là em ruột của ông Trần Tr Đ và là em vợ của ông Lê Vn N. Ng hỏi mượn CC chiếc võ (thuyền nhỏ) của ông Đ để đi soi (bắt) bá khóa và hỏi mượn CC chiếc máy nổ của ông Nam để đi xiệc cá, tin là thật nên ông Đ, ông N cho mượn. Khoảng 22 giờ đêm ngày 14/8/2023, Ng và Be sử dụng võ máy làm phương tiện đi cướp. Đến khoảng 01 giờ đêm ngày 15/8/2023, Be và Ng phát hiện CC chiếc ghe chở vật liệu xây dựng của ông Trần Vn Hu đang neo đậu trên sông Cây Gừa, thuộc ấp Tân Thành, xã Nguyễn Huân, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông Hu và vợ là Ngô Thị Kim Kie cùng con là Trần Ngọc Thiên K. Be cầm dao leo qua ghe, nghe tiếng động ông Hu và bà Kie thức giấc. Be đưa dao khống chế ông Hu và bà Kie, các bị hại không dám phản kháng. Be lục soát lấy 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A92 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen.

* Kết luận định giá tài sản số 35/KL-ĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đàm Dơi kết luận: 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, có giá trị 150.000đ; 01 điện thoại OPPO A92 màu đen, có giá trị 2.250.000đ; 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 0,8 chỉ, có giá trị 2.584.000đ. Tổng giá trị tài sản bị CCếm đoạt **4.984.000 đồng**.

Vụ thứ hai: Sau khi cướp tài sản của vợ cHo ông Hu thì cả hai tiếp tục đi đến đoạn sông thuộc ấp Hải An, xã Nguyễn Huân, huyện Đàm Dơi. Lúc này khoảng 02 giờ đêm ngày 15/8/2023, phát hiện CC chiếc ghe chở cây tầm vông của ông Ng Vn Mi đang neo đậu trên sông Vàm Đàm. Trên ghe có ông Mi và vợ là Ng Thị N. Be cầm dao leo qua kè dao vào cổ bà N buộc đưa tài sản. Bà N đưa 2.400.000đ, Be tiếp tục lục soát lấy được 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300 màu đen, 01 gói thuốc lá hiệu War Horse. Trên đường đi về, Be ném bỏ điện thoại Nokia 105 và điện thoại Nokia 6300 xuống sông Vàm Đàm.

* Kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đàm Dơi kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, có giá trị 200.000đ; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17,

có giá trị 1.300.000đ; 01 gói thuốc lá hiệu War Horse, có giá 10.000đ; Tổng giá trị tài sản bị CC chiếm đoạt **3.910.000 đồng**.

Trong hai vụ cướp tài sản này, Be cất giữ tài sản CC chiếm đoạt được, sau đó đem bán điện thoại di động hiệu OPPO A92 và điện thoại di động hiệu OPPO A17 nhưng không nhớ người mua và số tiền. Sau khi trừ tiền mua xăng trong quá trình đi cướp tài sản, còn lại Be và Ng CCa nhau xài.

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ đêm ngày 17/8/2023, Ng và Be tiếp tục sử dụng võ máy của ông Đạt và ông Nam làm phương tiện đi cướp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút đêm ngày 18/8/2023, phát hiện ghe chở muối của ông Bùi Duy Kh đang đậu trên sông Đầm CCM, thuộc xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông Kh và vợ là Trương Hằng N cùng con là Bùi Kim CC. Be giả vờ hỏi xin thuốc hút, ông Kh nói không có. Be hỏi xin tiền, ông Kh chỉ cho Be thấy tiền để trong ông lược treo trên mũi ghe. Be liền cầm dao leo qua ghe khống chế ông Kh và bà N buộc đưa tài sản. Bà N đưa 01 điện thoại di động Nokia bị hỏng nên Be không lấy. Be lục soát lấy được 1.400.000đ và buộc bà N tháo đôi bông tai vàng 18K đang đeo trên người. Be tiếp tục lấy cây đèn pin màu xAh (loại đội đầu).

* Kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 25/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện tỉnh Cà Mau kết luận: 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng vàng 06 phân, có giá trị 2.073.000đ; 01 cây đèn pin, loại đội đầu màu xAh dương (không đủ căn cứ định giá). Tổng giá trị tài sản CC chiếm đoạt **3.473.000 đồng**.

Vụ thứ tư: Ngay sau khi cướp tài sản của vợ chồng ông Kh thì cả hai tiếp tục đi cướp tài sản. Đến khoảng 01 giờ đêm ngày 18/8/2023, phát hiện CC chiếc ghe bơm cát của ông Trương Quốc TT đang đậu trên sông Đầm CCM, thuộc ấp Phú Nhuận, xã Ng Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông TT và vợ là Trương Thị Ci cùng bà Trương Tuyết NN là chị ruột ông TT và Ng Vn Bình là con bà NN. Be giả vờ hỏi xin thuốc hút, ông TT lấy gói thuốc lá đưa Be. Be cầm lấy gói thuốc rồi cầm dao đưa lên trước mặt ông TT khống chế, các bị hại không dám phản kháng. Be và Ng lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77 màu đen và buộc bà Ci đưa trang sức đang đeo. Bà Ci tháo đôi bông tai vàng 18K, 02 CC chiếc vòng bằng bạc mạ vàng, 01 CC chiếc nhẫn bằng vàng 18K, 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21 màu xAh đưa cho Be. Trên đường đi về Be lấy 02 CC chiếc vòng tay đã cướp được của bà Ci ra kiểm tra, phát hiện là vàng giả nên ném bỏ xuống sông CCM.

* Kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐGTS ngày 08/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đầm Dơi kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77, có giá trị 3.500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21, có giá trị 2.000.000đ; 01 đôi bông tai vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 0,5 chỉ, có giá trị 1.620.000đ; 01 CC chiếc nhẫn vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 0,5 chỉ, có giá trị 1.620.000đ; 02 CC chiếc vòng đeo tay bằng bạc mạ vàng (từ chối định giá). Tổng giá trị tài sản CC chiếm đoạt **8.740.000 đồng**.

Trong hai vụ cướp tài sản vào ngày 18/8/2023, Be cất giữ tài sản đã CC chiếm đoạt được. Sau đó, Be bán một điện thoại (không nhớ giá tiền và người

mua), Ng bán một điện thoại được 1.000.000đ (không xác định người mua). Số tiền CC chiếm đoạt được CC trả tiền mua xăng, còn lại Be và Ng CCa nhau xài.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/8/2023, Ng và Be tiếp tục sử dụng võ máy của ông Đạt và ông Nam làm phương tiện đi cướp. Đến khoảng 01 giờ đêm ngày 22/8/2023, phát hiện sà Ld chở cộc bê tông của ông Trầm Chí Ta đang neo đậu trên sông Vàm Mương, thuộc ấp Hòa Hải, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên sà Ld có ông Ta và vợ là Ng Thị Kim Cu và ông Võ Vn Công là em họ ông Ta. Be và Ng cầm dao leo lên sà Ld khống chế, các bị hại không dám phản kháng. Be và Ng lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77s màu xAh, 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y22s màu đen, 01 cái bóp (ví), tiền 5.340.000đ, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio (dây đeo là kim loại màu vàng), 01 dây chuyền vàng 18K (khoen kiểu mắt xích) có mặt dây chuyền bằng đá màu xAh, 01 CC chiếc nhẫn vàng 18K (mặt nhẫn) có gắn viên đá màu xAh, bộ vòng simen 27 CC chiếc vòng vàng 18K, 01 CCéc nhẫn vàng 18K (mặt nhẫn có hoa Vn hình con cóc), 01 dây chuyền vàng 18K (khoen lật). Bà Cu hỏi xin lại tiền thì Ng đưa lại bà Cu 540.000đ. Tài sản lấy được, Ng lấy điện thoại di động hiệu OPPO A77s màu xAh, Be lấy điện thoại di động hiệu Vivo Y22s màu đen và cất giữ trang sức vàng, tiền, đồng hồ đã CC chiếm đoạt được. Ng bán dây chuyền vàng 18K và bộ vòng Simen vàng 18K được 18.500.000đ (không xác định điểm bán cụ thể), tiền mặt CC chiếm đoạt được 4.800.000đ, sau khi trừ CC phí tiền mua xăng, còn lại Be và Ng CCa nhau xài.

* Kết luận định giá tài sản số 38/KL-ĐGTS ngày 08/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình Sx huyện Đầm Dơi kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng vàng 15 chỉ (hình phạt di lạc), có giá trị 48.600.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 3,5 chỉ (khoen lật), có giá trị 11.340.000đ; 27 CCéc vòng simen vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 24 chỉ, có giá trị 77.760.000đ; 01 CCéc nhẫn vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 1,5 chỉ (mặt nhẫn có hình con cóc), có giá trị 4.860.000đ; 01 CCéc nhẫn vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 02 chỉ (mặt nhẫn có đính viên đá màu xAh), có giá trị 6.480.000đ; 01 điện thoại Vivo Y22s màu đen, có giá trị 3.000.000đ; 01 điện thoại OPPO A77s màu đen, có giá trị 3.000.000đ; 01 đồng hồ đeo tay màu vàng, hiệu Casio (không đủ cơ sở giám định). Tổng giá trị tài sản CCém đoạt **159.840.000 đồng**.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 20 giờ ngày 04/9/2023, Ng và Be tiếp tục sử dụng võ máy của ông Đạt và ông Nam làm phương tiện đi cướp. Đến khoảng 22 giờ đêm ngày 04/9/2023, Be và Ng đến đoạn sông thuộc ấp Tân Hiệp Lợi B, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau thấy CC chiếc sà Ld chở xi măng của ông Mai Ah Tu đang neo đậu trên sông. Trên sà Ld có ông Tu và vợ là Trần Thị Kim Ph. Be giả vờ hỏi xin thuốc hút, ông Tu lấy gói thuốc lá đưa cho Be. Be dùng dao đưa lên trước ngực ông Tu khống chế buộc đưa tài sản, ông Tu và bà Ph sợ nên không dám phản kháng. Be và Ng lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10 màu xAh, 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8 màu bạc, 02 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Black Shark 2 màu đen, tiền Việt Nam 26.000.000đ, 01 dây chuyền vàng 18K (khoen mắt xích).

* Kết luận định giá tài sản số 39/KL-ĐGTS ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đàm Dơi kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 10 chỉ (khoen lật), có giá trị 32.700.000đ; 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 10, có giá trị 1.200.000đ; 01 điện thoại OPPO Reno 8, có giá trị 7.500.000đ; 02 điện thoại Nokia 3310, có giá trị 300.000đ; 01 điện thoại Xiaomi Black Shark 2, có giá trị 50.000đ. Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **67.750.000 đồng**.

Vụ thứ bảy: Ngay sau khi cướp tài sản của vợ chồng ông Kh thì cả hai tiếp tục đi cướp tài sản. Khi đến đoạn sông thuộc ấp Hồ Gui, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 05/9/2023 phát hiện CC chiếc sà Ld chở đá của ông Trần Vn Đs đang neo đậu trên sông Hồ Gui. Trên sà Ld có ông Đs và vợ là Trần Thị Sx (bà Sx đang mang thai) cùng con là Trần Thị Bảo Trân. Be và Ng cầm dao khống chế nên các bị hại không dám phản kháng. Be lấy được 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y16 màu bạc, 160.000đ, 01 cây đèn pin (loại đội đầu).

* Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Năm Căn kết luận: 01 điện thoại Vivo Y16, có giá trị 1.666.000đ; 01 cây đèn pin, loại đội đầu màu xAh (không đủ căn cứ định giá). Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **1.826.000 đồng**.

Vụ thứ tám: Sau khi thực hiện xong vụ cướp tài sản trên sà Ld của ông Đs, Ng và Be về hướng cửa biển Hồ Gui. Đến khoảng 01 giờ 45 phút đêm ngày 05/9/2023, phát hiện CC chiếc phà chở xăng cuốc của ông Trần Vn To đang neo đậu ở cửa biển Hồ Gui, thuộc ấp Hồ Gui, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Trên phà có ông To đang ngủ phía trước cửa cabin, Ah Ng Minh Ho, sinh năm 2005 và cháu Lâm Thành Ph, sinh ngày 10/08/2008 đang ngủ trong cabin. Be và Ng cầm dao khống chế các bị hại không dám phản kháng. Các bị cáo lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen của ông To, 01 điện thoại di động hiệu Realme C55 màu đen của Ah Ho, 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 màu bạc của cháu Ph. Do thấy điện thoại di động OPPO A53 màu đen đã củ nên Be bỏ lại.

Trên Đg về, Be lấy điện thoại đã cướp được ra kiểm tra, thấy điện thoại hiệu iPhone 6 màu bạc có cài mật khẩu và đã cũ, không có giá trị nên Be ném bỏ xuống sông.

* Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Năm Căn kết luận: 01 điện thoại OPPO A53, có giá trị 1.333.000đ; 01 điện thoại Realme C55, có giá trị 1.733.000đ; 01 điện thoại iPhone 6, có giá trị 866.000đ. Tổng giá trị tài sản CC chiếm đoạt **3.932.000 đồng**.

* Tài sản CC chiếm đoạt được trong ba vụ cướp tài sản vào đêm ngày 04/9/2023 rạng sáng ngày 05/9/2023; Ng lấy cây đèn pin để sử dụng, khi sử dụng hết pin, Ng đã ném bỏ xuống sông Vàm Đàm; Be lấy điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8 màu bạc để sử dụng; Be cất giữ số tài sản còn lại. Đến ngày 11/9/2023, Be và Ng lấy 01 điện thoại di động hiệu Realme C55 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10 màu xAh đến cửa hàng điện thoại

di động Đăng Ngoan ở Khóm 4, thị trấn Am Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bán được số tiền 2.000.000đ CCa nhau.

Ngày 13/9/2023, Be và Ng tiếp tục đem điện thoại OPPO Reno 8 đã cướp được đến cửa hàng điện thoại di động Đăng Ngoan để bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi phát hiện và thu giữ.

Vụ thứ chín: Be hỏi mượn võ máy của ông Ho Vn Hây để đi xiệc cá dưới sông, ông Hây tin là thật nên cho mượn. Khoảng 20 giờ 00 ngày 06/9/2023, Be sử dụng võ máy của ông Hây điều khiển đến bến tàu Vàm Đầm cùng Ng đi cướp tài sản. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/9/2023, phát hiện CC chiếc ghe chở cây tràm của ông Đoàn Hận Ah, đang neo đậu trên sông Cây Gừa, thuộc ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Trên ghe có ông Ah và vợ là Ng Thị Ln. Be và Ng dùng dao khống chế ông Ah và bà Ln, các bị hại sợ không dám phản kháng. Các bị cáo lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 màu xAh, 770.000đ và buộc bà Ln tháo 01 đôi bông tai vàng 18K. Be đổ thùng gạo lấy được số tiền 2.500.000đ rồi tiếp tục lục soát lấy được 01 điện thoại di động hiệu Realme C25 màu xAh.

* Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 06/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình Sx thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kết luận: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A51, có giá trị 2.983.500đ; 01 điện thoại Realme C25, có giá trị 1.030.500đ; 01 đôi bông tai vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 0,73 chỉ, có giá trị 3.109.800đ. Tổng giá trị tài sản CC chiếm đoạt **10.393.800 đồng**.

Vụ thứ mười: Thực hiện xong vụ cướp tài sản của ông Hận Ah thì Ng và Be tiếp tục đi theo kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu về hướng xã Tắc Vân rẽ vào sông Láng Trâm. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/9/2023 phát hiện CC chiếc ghe chở cây tầm vông của ông Ng Vn Lt đang đậu trên sông Láng Trâm thuộc ấp Xóm Mới, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Trên ghe có ông Lt và vợ là Huỳnh Ho Lm. Be và Ng cầm dao leo qua ghe, nghe tiếng động ông Lt và bà Lm thức dậy truy hô “*cướp, cướp*”. Be và Ng kê dao vào người ông Lt và bà Lm khống chế, các bị hại sợ không dám phản kháng. Be lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu Realme C35 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y22s màu xAh, 02 CC chiếc nhẫn (nhẫn cưới) bằng vàng 18K, tiền 200.000đ. Tiếp tục, Be và Ng đe dọa buộc ông Lt và bà Lm phải giao cầu với nhau để cho Be và Ng xem. Ông Lt và bà Lm cởi quần áo ra nhưng không thực hiện được. Be đưa dao lên đe dọa, buộc bà Lm ngâm dương vật của ông Lt. Lúc này, Be dùng ngón tay của Be đưa vào trong âm đạo của bà Lm. Sau đó, Be lấy cuộn băng keo trong mũi ghe trói hai tay của ông Lt lại và lấy cái áo thun trong mũi ghe trùm kín đầu ông Lt. Be tự cởi quần ra buộc bà Lm ngâm dương vật của Be khoảng 01 phút thì Be đưa dương vật của Be vào trong âm đạo của bà Lm thực hiện hành vi giao cấu với bà Lm đến khi thỏa mãn. Lúc Be giao cấu với bà Lm thì Ng cầm dao tự chế canh giới và lấy thêm 01 cây đèn pin màu đen, loại đèn cầm tay.

* Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình Sx thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kết luận: 01 điện thoại Realme C35, giá trị 2.445.500đ; 01 điện thoại Vivo Y22s, giá trị

3.832.000đ; 02 nhẫn cưới vàng 18K, loại vàng 610, tổng trọng lượng vàng 01 chỉ, giá trị 4.245.000đ; 01 cây đèn pin, loại cầm tay, màu đen (không đủ cơ sở định giá). Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **10.722.500 đồng**.

* Kết luận giám định xâm hại tình dục số 01/KLXHDTD-TTPY, ngày 29/11/2023 của Trung Ta pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận: Màng trinh rách cũ ở vị trí 03 giờ, 07 giờ, 09 giờ; Tại thời điểm giám định chưa phát hiện có thai.

Vụ thứ mười một: Sau khi thực hiện vụ “Cướp tài sản” và “Hiếp dâm” trên ghe của ông Lt thì Be và Ng điều khiển vỏ máy theo tuyến kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu, rẽ vào sông Gành Hào về hướng xã Tân Thuận. Đến khoảng 02 giờ đêm ngày 07/9/2023, phát hiện CC chiếc ghe chở vật liệu xây dựng của ông Huỳnh TT Dn đang đậu trên sông Gành Hào thuộc ấp Thuận Lợi B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông Dn và vợ là Phạm Thị Tc. Be giả vờ hỏi xin dầu, ông Dn định mức dầu thì Be và Ng cầm dao leo lên ghe không chế, các bị hại sợ không dám phản kháng. Be lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 6 màu đen, 01 túi xách, đôi bông tai vàng 18K, tiền 1.942.000đ. Sau khi lấy được tài sản, ông Dn xin lại sim điện thoại, Ng tháo 02 (hai) cái sim đưa lại ông Dn. Be kêu ông Dn nấu cho Be 02 gói mì Hảo Hảo, 02 trứng vịt để Be đem xuống vỏ. Trên đường đi, Ng ném bỏ đôi bông tai xuống sông Vàm Mương.

* Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đầm Dơi kết luận: 01 điện thoại OPPO Reno 6, giá trị 4.000.000đ; 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng vàng 06 phân 02 li, giá trị 2.015.000đ; 02 gói mì Hảo Hảo, giá trị 9.000đ; 02 trứng vịt, giá trị 7.000đ. Tổng giá trị tài sản CC chiếm đoạt **7.973.000 đồng**.

Vụ thứ mười hai: Sau khi thực hiện xong vụ cướp tài sản trên ghe của ông Dn thì Be điều khiển vỏ máy đi về hướng sông thuộc ấp Tân Hoà, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng 03 giờ 30 phút đêm ngày 07/9/2023, Be và Ng phát hiện CC chiếc ghe chở cây tầm vông của ông Dương Vn Vn đang neo đậu trên sông Tân Hoà. Trên ghe có ông Vn đang ngủ trong mui ghe. Be giả vờ hỏi xin dầu, ông Vn nói không có. Cả hai leo lên ghe đưa dao vào bụng ông Vn đe dọa, khống chế, bị hại sợ không dám phản kháng. Be lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7 màu xám, tiền 700.000đ.

* Kết luận định giá tài sản số 119/KL-HĐĐGTS ngày 21/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đầm Dơi kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 7, có giá 1.800.000đ. Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **2.500.000 đồng**.

Vụ thứ mười ba: Sau khi thực hiện xong vụ cướp tài sản trên ghe của ông Vn thì cả hai về hướng sông Kinh Mới. Khoảng 04 giờ, ngày 07/9/2023, Be và Ng nhìn thấy CC chiếc ghe chở củi đước của ông Ng Vn Tht đang neo đậu trên sông Kinh Mới thuộc ấp Hòa Hiệp, xã Ng Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông Tht cùng vợ là Ng Thị Ngoãn và ông Lưu Trọng Ng là cháu ông Tht. Be và Ng cầm dao leo lên ghe, nghe tiếng động nên ông Ng thức giấc. Be kẻ dao vào cổ ông Ng buộc đưa tiền, ông Ng nói không có tiền. Ông Tht và bà Ngoãn nghe tiếng động nên thức giấc. Ng giật đứt dây mùng cuộn lại và lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu Ho, 01 điện thoại di động hiệu

Samsung Galaxy A12 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K màu xám, tiền 1.000.000đ, đôi bông tai vàng 18K, 02 cây cưa máy (01 cây hiệu R340, 01 cây hiệu R370).

* Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đàm Dơi kết luận: 01 đôi bông tai vàng 18K, loại vàng 610, trọng lượng vàng 0,5 chỉ, có giá trị 1.625.000đ; 01 điện thoại OPPO A17K màu xám, có giá trị 1.700.000đ; 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, có giá trị 1.400.000đ; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7, có giá trị 700.000đ; 01 cái máy cưa cây hiệu R340 (không đủ cơ sở định giá); 01 (một) cái máy cưa cây hiệu R370 (không đủ cơ sở định giá). Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **6.425.000 đồng**.

Vụ thứ mười bốn: Sau khi thực hiện vụ cướp tài sản trên ghe ông Tht thì cả hai đi theo sông Kinh Mới về hướng đầu kinh Khạo Nhòng. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 07/9/2023, Be và Ng nhìn thấy CC chiếc ghe chở hàng tạp hóa của bà Đinh Thu Ngm đang neo đậu trên sông Kinh Mới thuộc ấp Hòa Hiệp, xã Nguyễn Huân, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe lúc này chỉ có bà Ngm. Be cầm dao leo qua ghe, giả vờ hỏi mua chai nước Sting, rồi kè dao vào cổ buộc bà Ngm đưa tài sản. Bà Ngm nói không có tiền, Be lục soát lấy 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus màu vàng đồng. Lợi dụng lúc Be đang lấy điện thoại, bà Ngm lùi ra sau lái ghe, nhảy lên mũi ghe truy hô. Lúc này, Be liền chui ra mũi ghe, xuống vỏ máy rồi điều khiển vỏ máy chở Ng chạy tàu thoát.

* Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx tỉnh Cà Mau kết luận: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 có giá trị **921.429 đồng**.

* Tài sản CCếm đoạt được trong 06 vụ cướp tài sản vào đêm ngày 06/9/2023 rạng sáng ngày 07/9/2023, Ng lấy cái điện thoại di động hiệu OPPO Reno 6 màu đen để sử dụng, gắn sim thuê bao số 0916657556, Becất giữ số điện thoại còn lại cướp được. Số tiền mặt đã cướp được, Begiữ để mua xăng dầu chạy vỏ máy trong quá trình đi cướp tài sản.

Ngày 13/9/2023, Be và Ng mang điện thoại di động đã cướp được đến cửa hàng điện thoại di động Đặng Ngo để bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đàm Dơi kiểm tra và thu giữ.

Vụ thứ mười lăm: Vào khoảng 15 giờ ngày 10/9/2023, Be tiếp tục sử dụng vỏ máy của ông Hây điều khiển đến bên tàu Vàm Đàm cùng Ng đi cướp tài sản. Đến khoảng 23 giờ, Be và Ng phát hiện CC chiếc ghe chở củi của ông Huỳnh Kim Đg đang neo đậu trên sông Bảy Háp, thuộc ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Trên ghe lúc này có ông Đg và Phan Vn Vg cháu ông Đg. Be và Ng cầm dao leo lên ghe, đưa dao không chế ông Đg và ông Vg. Lấy của ông Vg 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9 màu xanh; Lấy của ông Đg 2.200.000đ, 01 cái điện thoại di động hiệu Redmi 12 màu trắng và 01 cal có 30 lít dầu D.O.

* Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Cái Nước kết luận: 01 điện thoại Redmi 12, có giá trị 3.861.000đ; 01 điện thoại Samsung A9, có giá trị 2.697.000đ;

01 cal nhựa loại 30 lít, có giá trị 36.000đ; 30 lít dầu, có giá 721.800đ. Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **9.515.800 đồng**.

Vụ thứ mười sáu: Thực hiện xong vụ cướp tài sản trên ghe của ông Đg thì Be điều khiển vỏ máy về hướng chợ Chà Là. Đến khoảng 23 giờ 30 phút đêm ngày 10/09/2023, Be và Ng phát hiện CCghe chở củi của ông Trần Chí Dn đang đậu trên sông Bảy Háp thuộc ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông Dn và vợ là Trương Kim Ld. Be và Ng cầm dao leo lên ghe. Begiả vờ hỏi xin dầu, ông Dn nói không có dầu thì Be đưa dao khống chế ông Dn và bà Ld. Be và Ng lục soát lấy 03 điện thoại (01 hiệu Samsung Galaxy A12, màu trắng; 01 hiệu Nokia màu đen và 01 hiệu Nokia màu xAh – đen), 44.000.000đ. Ng lục soát bóp (ví) của ông Dn lấy được một số tiền lẻ, nhưng không xác định được số tiền.

* Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đầm Dơi kết luận: 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, có giá trị 1.150.000đ; 02 điện thoại Nokia (kiểu bàn phím), có giá trị 300.000đ. Tổng giá trị tài sản CCếm đoạt **45.450.000 đồng**.

Vụ thứ mười bảy: Thực hiện xong vụ cướp tài sản trên ghe của ông Dn thì Be điều khiển vỏ máy về hướng Chà Là một đoạn thì rẽ qua sông Mương Điều về sông Gành Hào. Đến khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 11/09/2023, phát hiện CC chiếc ghe bằng gỗ chở hàng bánh kẹo của ông Ngô Ngọc Am đang neo đậu trên sông Gành Hào, thuộc ấp Hàng Còng, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên ghe có ông Am và vợ là Ng Thị CC. Be giả vờ kêu bán cal dầu, ông Am trả lời không mua thì Be và Ng cầm dao leo lên ghe khống chế buộc ông Am và bà CC đưa tài sản. Be và Ng lục soát lấy 400.000đ, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A9 màu xAh, 01 CC chiếc nhẫn vàng 18K, 01 CC chiếc nhẫn vàng 18K, các trang sức không phải kim loại vàng (vàng giả) gồm: 01 CC chiếc lắc, 01 dây chuyền, 02 CC chiếc nhẫn.

Trên Đg về, Be đã ném bỏ điện thoại di động Samsung A9 màu xanh và cái điện thoại Nokia màu đen xuống sông (không xác định vị trí cụ thể).

Khi đến đoạn sông Đầm CCm, Be và Ng dùng vỏ máy để CCa tài sản đã cướp được. Sau khi trừ tiền mua xăng dầu chạy vỏ máy trong quá trình đi cướp tài sản, còn lại 42.000.000đ, Be và Ng CCa đều, mỗi người 21.000.000đ. Ng cất giữ 02 CC chiếc nhẫn, Be cất giữ điện thoại di động. Sau khi CCa tài sản, Be và Ng ném 02 cây dao tự chế, khâu trang, đèn pin, nón, quần áo, bao tay và tất chân xuống sông Đầm CCm. Khi về đến bến tàu Vàm Đầm, Be đổ cal dầu đã CCếm đoạt của ông Huỳnh Kim Đg vào máy xe rồi vứt bỏ cái cal xuống sông Đầm CCm.

Ngày 12/09/2023, Be và Ng nhờ bà Ng Thị Liễu là mẹ ruột Ng đem 02 CC chiếc nhẫn đã cướp được đến tiệm vàng Quốc Vững ở chợ Vàm Đầm bán được số tiền 4.875.000đ, Ng cất giữ số tiền này và CC xài cá nhân hết.

Ngày 13/09/2023, Be và Ng mang điện thoại di động đã cướp được đến cửa hàng điện thoại di động Đặng Ng bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi phát hiện, lập biên bản tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 12 màu trắng, CC chiếm đoạt được của ông Huỳnh Kim Đg. 01 điện thoại di động

hiệu Samsung Galaxy A12 màu trắng, CC chiếm đoạt được của ông Trần Chí Dn và bà Trương Kim Ld.

* Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình Sx huyện Đầm Dơi kết luận: 01 điện thoại OPPO A9 màu xAh, có giá trị 2.500.000đ; 01 điện thoại OPPO A53 màu xAh, có giá trị 2.000.000đ; 01 CCéc nhẫn vàng 18K, trọng lượng vàng 01 chỉ (có hình con công), có giá 3.260.000đ; 01 CC chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ (có đính hột màu đỏ), có giá trị 1.630.000đ. Tổng giá trị tài sản CC chiếm đoạt **9.790.000đ**.

* Tài sản Lê Chí Be và Trần Lộc Ng đã CC chiếm đoạt trong 17 vụ cướp tài sản nêu trên có giá trị thành tiền là **358.146.529đ**. Trong đó, tiền Việt Nam 88.472.000đ và giá trị tài sản theo kết luận định giá 269.674.529đ.

Cáo trạng số 97/CT-VKS-P1 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Lê Chí Be, Trần Lộc Ng về tội “Cướp tài sản” và tội “Hiếp dâm” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 và khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình Sx.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Chí Be, Trần Lộc Ng phạm tội “Cướp tài sản” và “Hiếp dâm”;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; Điểm a, b, g, i khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình Sự: Xử phạt bị cáo Lê Chí Be từ 15 đến 17 năm tù về tội “Cướp tài sản”, từ 05 đến 07 năm tù về tội “Hiếp dâm”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 20 năm tù đến 24 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm a, b, g, i khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình Sự: Xử phạt bị cáo Trần Lộc Ng từ 13 năm tù đến 15 năm tù về tội “Cướp tài sản”, từ 03 năm tù đến 05 năm tù về tội “Hiếp dâm”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 16 năm tù đến 20 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 586, 587, 589, 592 Bộ luật Dân Sx; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Buộc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền theo yêu cầu của các bị hại như kết quả định giá, được CCa theo tỷ lệ bằng nhau (50/50).

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu đen, trên nón có biểu tượng bằng kim loại không rõ hình, bên dưới có hoa Vn chữ “GUCC-I”; 02 đôi tất chân, màu đen; 01 cây dao tự chế, cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 41cm, mũi nhọn; 01 bao vải màu đen – xAh; 01 túi đeo, màu đen, hiệu “NKE”; 04 cái áo thun thể thao (02 cái dài tay, màu xAh; 01 cái dài tay, màu xám; 01 cái ngắn tay, màu xAh); 02 cái áo sơ mi dài tay (01 cái màu trắng, có chữ “GUC”; 01 cái áo màu đen (caro)); 01 cái quần sọt jean màu đen; 01 đôi bông chữ “X” (giả); 01 mặt dây chuyền chữ “H” (giả); 01 sợi dây chuyền loại lá me (giả); 01 sợi dây chuyền xích (giả); 01 dây chuyền khoen lật (giả); 01 điện thoại hiệu Xiaomi BLACK SHARK

2, màu đen (điện thoại này hai bị cáo cướp của ông Mai Ah Tu (vụ thứ 7), nhưng do điện thoại đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được nên ông Tu không nhận lại).

Trả cho ông Ho Vn Hây: 01 CC chiếc vỏ Composite hiệu Trọng Sĩ, dài 6m3, be vỏ màu xanh dương, lườn vỏ màu trắng, mặt ngoài be vỏ có chữ “Trọng Sĩ” và “Tốc độ 6m3”; 01 máy xe 3T68, thân máy màu đen, có ký hiệu “3TNE68-U1C”, giàn cầu và lắp máy bằng inox màu trắng.

Trả cho ông Trần TAM Đạt: 01 CC chiếc vỏ Composite, hiệu Hữu Vui, dài 5m4, mặt ngoài be vỏ có chữ “5m4 HỮU VUI CÀ MAU”, phần mũi vỏ có dấu vết bề cũ, học vỏ trước mũi không có nắp.

Trả cho ông Lê Vn Na: 01 máy nổ Hyundai 18HP dàn cầu inox màu trắng, không có lớp và bọc lớp, mặt nạ máy màu xanh, chụp giạt màu đỏ, không có bình xăng.

Trả cho bị cáo Lê Chí Be: 01 cây đèn pin đội đầu, màu xAh, có 03 sợi dây màu Ho – đen.

Trả cho bị cáo Trần Lộc Ng: 01 cây đèn pin đội đầu, trên thân đèn có dòng chữ “Sankara, model: SR-8898”, dây đèn màu vàng có dòng chữ “LED HEADLIGHT”; 01 cây đèn pin đội đầu, trên thân đèn có dòng chữ “LED”; 01 cây đèn pin đội đầu màu trắng, kẻ sọc xAh, trên viền chóa đèn có dòng chữ “lặn sâu 50m”; 01 cái điện thoại hiệu OPPO A55, màu xAh, màn hình bị nứt, số IMEI 1: 866787050725592, số IMEI 2: 866787050725584.

Trả cho Huỳnh T: 01 điện thoại hiệu OPPO A77s màu đen.

Trả cho bà Ng Thị Li: 01 điện thoại OPPO A17 màu xAh đậm, số IMEI 1: 869715060130336, IMEI 2: 869715060130328.

Giao Cơ quan thi hành án dân Sx tỉnh Cà Mau tiếp tục quản lý các tài sản để đảm bảo việc thi hành án gồm: 01 CC chiếc xe mô tô hiệu Honda WINNER, biển kiểm soát 69L1-157.70; Tiền Việt Nam: 2.723.000đ; 01 sợi dây chuyền, ký hiệu PGR, loại dây ống chữ công (610), trọng lượng 05 chỉ 04 phân của bị cáo Ng. 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy A71 màu xAh; 01 điện thoại hiệu Mobell ROCK 3, loại bàn phím; 01 điện thoại hiệu Xiaomi BLACK 2, màu đen; 01 CC chiếc đồng hồ màu đen, hiệu NEOS của bị cáo Bền.

- *Người bào chữa Lê Chí Bền*: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội dAh, điều luật áp dụng đối với bị cáo về tội cướp tài sản. Tuy NNên, xin Hội đồng xét xử xem xét lại số tài sản mà bị cáo CC chiếm đoạt tại lần cướp thứ 5 và thứ 6. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không xâm hại đến sức khỏe của các bị hại; học vAm thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn. Đối với Tội Hiếp dâm, bị cáo không thừa nhận. Cơ quan tiến hành tố tụng không thu nhận được tình dịch của bị cáo để lại hiện trường. Cơ quan điều tra có thu thập được lông tóc để lại hiện trường nhưng không phải là của bị cáo. Do đó, chưa có chứng cứ chứng minh một cách thuyết phục về tội hiếp dâm đối với bị cáo; yêu cầu hội đồng xét xử cân nhắc. Khi quyết định hình phạt yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đến mức thấp nhất có thể để tạo cơ hội cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Bền: Số tài sản là vàng CC chiếm đoạt ở vụ cướp thứ 5 và 6 theo cáo trạng là không đúng, thực tế các bị cáo lấy ít hơn. Các bị cáo lấy tiền chỉ có 6.000.000đ và 14 CC chiếc vòng simen. Bị cáo không có thực hiện vụ cướp tài sản của ai ở khu vực Bạc Liêu, bị cáo không có thực hiện hành vi hiếp dâm bị hại Lm.

- *Người bào chữa Trần Lộc Ng:* Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo; thống nhất với số tiền Viện kiểm sát truy tố bị cáo CC chiếm đoạt và số tiền bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại. Tuy nhiên, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại số tài sản mà bị cáo không thừa nhận có CC chiếm đoạt. Về Tội hiếp dâm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét kỹ vì các bị cáo không thừa nhận. Bị cáo học vAm thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Vai trò tham gia trong vụ án thấp hơn bị cáo Bền. Tại phiên toà bị cáo đồng ý lấy tài sản của bị cáo bị thu giữ bồi thường cho bị hại. Điều này thể hiện sự thiện chí bồi thường, khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt ở mức thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị đối với Tội cướp tài sản. Đối với Tội hiếp dâm thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Ng: Bị cáo không phạm tội Hiếp dâm; Lời khai của bị cáo về việc Behiếp dâm là do bị ép buộc.

- *Các bị hại:* Thống nhất với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà; Yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại tiền CC chiếm đoạt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không có ý kiến trAh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình Sx. Người bào chữa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Lê Chí Be và Trần Lộc Ng là bạn bè quen biết, cùng trú tại ấp Vàm Đàm, xã Ng Huân, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Các bị cáo không nghề nghiệp ổn định nhưng lười lao động, đã rủ nhau đi cướp tài sản của người khác để có tiền tiêu xài. Các bị cáo đã bàn bạc thống nhất mang theo dao tự chế, khẩu trang, đèn pin, bao tay và tất chân, sử dụng võ máy lưu thông dọc theo các tuyến sông thuộc địa giới huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau và các địa bàn giáp rAh vào ban đêm, tiếp cận các Ph tiện ghe, sà Ld... vận chuyển hàng hoá, mua bán đang neo đậu trên sông ở khu vực vắng vẻ để không ché, CC chiếm đoạt tài sản của Ngm người trên ghe, sà Ld.

Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 11/9/2023, các bị cáo đã thực hiện tổng cộng 17 lần CCém đoạt tài sản trên 17 ghe, sà Ld. Tài sản CCém đoạt phần lớn là điện thoại di động, nữ trang vàng 18K, tiền Việt Nam đồng, với tổng giá trị tài sản là 358.146.529đ. Trong đó, tiền Việt Nam đồng là 88.472.000đ và tài sản khác theo kết luận định giá là 269.674.529đ. Tài sản CCém đoạt được, các bị cáo bán tại các cửa hàng cầm đồ, tiệm vàng, ... lấy tiền CCa nhau tiêu xài. Để thực hiện được việc CCém đoạt tài sản các bị cáo đã sử dụng dao tự chế bằng kim loại có CCều dài khoảng 60cm, sắc, đe dọa, khống chế các bị hại. Do bị khống chế bằng hung khí, bị uy hiếp, sợ nguy hiểm đến tính mạng nên các bị hại không dám phản kháng để các bị cáo lục soát lấy tài sản. Hành vi này của bị cáo là hành vi cướp tài sản, vi phạm pháp luật hình Sx được quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình Sx.

Các bị cáo không thừa nhận có thực hiện cướp tài sản của vợ cHo ông Đoàn Hận Ah, không thừa nhận có thực hiện vụ cướp tài sản của vợ cHo ông Ng Vn Lt và hiếp dâm bà Huỳnh Ho Lm.

Xét thấy: Ngày 13/9/2023, Cơ quan Công an huyện Đầm Dơi tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo Becó thu giữ 01 điện thoại Samsung Galaxy A51 và 01 điện thoại Realme C25 màu xAh. Hai CCéc điện thoại này được xác định của vợ cHo ông Đoàn Hận Ah bị cướp vào đêm ngày 06/9/2023. Hai CCéc điện thoại này bị cáo Becho rằng của người thua bạc (không rõ nhân thân) đưa cho bị cáo. Lời trình bày này không có cơ sở; do đó, có căn cứ xác định chính bị cáo Bevà bị cáo Ng là người đã thực hiện cướp tài sản của vợ cHo ông Đoàn Hận Ah vào đêm ngày 06/9/2023.

Ngay sau khi bị cướp và bị hiếp dâm, ngày 07/9/2023 ông Lt và bà Lm đã trình báo với Công an thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Bà Lm đã trình bày CC tiết cụ thể về hành vi các bị cáo thực hiện cướp tài sản và hiếp dâm bà; mô tả CC tiết đặc điểm riêng trên cơ thể của người trực tiếp hiếp dâm bà. Ngày 14/9/2023, khi làm việc với Công an huyện Đầm Dơi, bị cáo Ng đã khai nhận hành vi của bị cáo và Bethực hiện cướp tài sản trên ghe bán cây đậu sông vào đêm ngày 06/9/2023 và khai hành vi bị cáo Betrực tiếp hiếp dâm người nữ trên ghe. Lời khai này của bị cáo Ng phù hợp với lời khai của bà Lm và ông Lt. Mặt khác, ngày 17/9/2023 tiến hành khám xét thân thể của bị cáo Bethì có Ngm đặc điểm riêng biệt phù hợp với lời trình bày của bà Lm về người đã hiếp dâm bà.

Do đó có đủ căn cứ xác định: Ngoài hành vi cướp tài sản, bị cáo Becòn có hành vi khống chế bị hại Lm và ông Lt để thực hiện việc giao cấu trái ý muốn đối với bị hại Lm vào khoảng 23 giờ 30 phút đêm ngày 06/9/2023 tại ghe của vợ cHo bị hại Lm đang neo đậu trên sông Láng Trâm thuộc ấp Xóm Mới, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Hành vi này của bị cáo Belà hành vi hiếp dâm, vi phạm pháp luật hình Sx được quy định tại Điều 141 Bộ luật Hình Sx.

Đối với bị cáo Ng, mặc dù bị cáo không thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Lm nhưng bị cáo đã cầm dao cAh giới cho bị cáo Bethực hiện hành vi giao cấu với bị hại Lm. Hành vi này của bị cáo Ng là giúp sức cho bị cáo Bethực hiện hành vi hiếp dâm nên bị cáo Ng là đồng phạm với bị cáo Bevới vai trò giúp sức về tội Hiếp dâm được quy định tại Điều 141 Bộ luật Hình Sx.

Do đó, lời bào chữa của bị cáo Ng, bị cáo Bekhông có căn cứ chấp nhận. Với hành vi các bị cáo thực hiện và hậu quả đã gây ra, Cáo trạng số 97/CT-VKS-

P1 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Lê Chí Bền, Trần Lộc Ng, về tội “*Cướp tài sản*” và tội “*Hiếp dâm*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 và khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình Sx là có căn cứ, đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3]. Đối với hành vi các bị cáo khống chế ép buộc ông Lt quan hệ tình dục với bà Lm có dấu hiệu của tội hiếp dâm. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để truy tố thêm hành vi này nhưng không được chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình Sx, Tòa án chỉ xét xử đối với hành vi các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố.

[4]. Trách NNêm hình Sx: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại một cách bất hợp pháp. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo biết rõ việc CCầm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật cũng như muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác mà các bị cáo đã thực hiện. Hành vi của các bị cáo không Ngm đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất ổn, không an Ta lao động sản xuất trong nhân dân và làm mất trật tự tại địa Ph. Bên cạnh đó, các bị cáo còn xâm phạm trực tiếp đến dAh dự, nhân phẩm và sức khỏe của bị hại Huỳnh Ho Lm. Hành vi này của các bị cáo gây ra bức xúc trong xã hội, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến dAh dự, nhân phẩm của bị hại cũng như gia đình bị hại. Nhân thân các bị cáo xấu, các bị cáo vi phạm pháp luật hình Sx phải chịu trách NNêm hình Sx. Khi quyết định hình phạt, hội đồng xét xử có xem xét: Khi thực hiện tội “*Cướp tài sản*”, các bị cáo đã có Sx bàn bạc, chuẩn bị công cụ, Ph tiện thực hiện tội phạm; các bị cáo thực hiện NNêu vụ cướp trong NNêu ngày, là nguồn thu nhập chính để phục vụ cho cuộc sống của các bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo là hành vi “*Phạm tội có tổ chức*” và “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình Sx.

Các bị cáo thực hiện 17 vụ cướp tài sản, mỗi vụ cướp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình Sx.

Các bị cáo cướp tài sản của bị hại Lâm Thành Ph là người dưới 16 tuổi; cướp tài sản của bị hại Trần Thị Sx khi bà Sx đang mang thai nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình Sx.

Bị cáo Belà người khởi xướng việc đi cướp tài sản, khi thực hiện tội phạm bị cáo cũng giữ vai trò chính nên mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Ng.

Đối với tội hiếp dâm: Bị cáo Ng giữ vai trò giúp sức, không trực tiếp thực hiện hành vi hiếp dâm nên mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Bền.

Sau khi bị bắt, các bị cáo có thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách NNêm hình Sx quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình Sx.

[5]. Về trách NNêm dân Sx: Bị cáo Be và bị cáo Ng CCầm đoạt tài sản của các bị hại thì phải có nghĩa bồi thường; Giá trị tài sản CCầm đoạt đã được định giá nên các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo kết quả định giá. Hai bị cáo cùng CCầm đoạt tài sản và cùng sử dụng nên hai bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường; trong

đó, phần nghĩa vụ liên đới của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$ của tổng giá trị bồi thường. Các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

01. Ông Trần Vn Hu và bà Ngô Thị Kim Kie số tiền 4.984.000đ.
02. Ông Ng Vn Mi và bà Ng Thị N số tiền 3.910.000đ.
03. Ông Bùi Duy Kh và bà Trương Hằng N số tiền 3.473.000đ.
04. Ông Trương Quốc TT và bà Trương Thị Ci số tiền 8.740.000đ.
05. Ông Trần Chí Ta và bà Ng Thị Kim Cu số tiền 159.840.000đ.

06. Các bị cáo CCầm đoạt tài sản của ông Mai Ah Tu và bà Trần Thị Kim Ph có tổng giá trị thành tiền là 67.750.000đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 10, có giá trị là 1.200.000đ; 01 điện thoại OPPO Reno 8 màu bạc, có giá trị là 7.500.000đ và hiện Cơ quan Thi hành án Dân Sx tỉnh Cà Mau đang quản lý 01 điện thoại Xiaomi Black Shark 2 màu đen, có giá trị là 50.000đ được giao trả lại bị hại nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả số tiền 59.000.000đ.

07. Ông Trần Vn Đs và bà Trần Thị Sx số tiền 1.826.000đ.
08. Cháu Lâm Thành Ph số tiền 866.000đ.
09. Ông Trần Vn To số tiền 1.333.000đ.

10. Các bị cáo CCầm đoạt của ông Ng Minh Ho CCéc điện thoại Realme C55 màu đen, có giá trị là 1.733.000đ; CCéc điện thoại được thu hồi và đã trả lại ông Ho xong.

11. Các bị cáo CCầm đoạt tài sản của ông Đoàn Hận Ah và bà bà Ng Thị Ln có tổng giá trị thành tiền là 10.393.800đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A51, có giá trị là 2.983.500đ; 01 điện thoại Realme C25 màu xAh, có giá trị là 1.030.500đ nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả số tiền 6.379.800đ.

12. Ông Ng Vn Lt và bà Huỳnh Ho Lm số tiền 37.123.000đ (trong đó: Giá trị tài sản đã CCầm đoạt là: 10.723.000đ; CC phí điều trị và đi lại để khám, chữa bệnh cho bà Huỳnh Ho Lm là: 3.000.000đ; Tiền tổn thất tinh thần do dAh dự, nhân phẩm bị xâm hại của bà Lm: 23.400.000đ).

13. Các bị cáo CCầm đoạt tài sản của ông Huỳnh TT Dn và bà Phạm Thị Tc có tổng giá trị thành tiền là 7.973.000đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 điện thoại OPPO Reno 6 màu đen, có giá trị là 4.000.000đ nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả số tiền 3.973.000đ.

14. Ông Dương Vn Vn số tiền 2.500.000đ.

15. Các bị cáo CCầm đoạt tài sản của ông Ng Vn Tht và bà Ng Thị Ngoãn có tổng giá trị thành tiền là 6.425.000đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, có giá trị là 1.400.000đ; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu Ho, có giá trị là 700.000đ nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả 4.325.000đ.

16. Các bị cáo CCầm đoạt của bà Đinh Thu Ngm 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 có giá trị là 921.429đ; CCéc điện thoại được thu hồi và đã trả lại bà Ngm xong.

17. Các bị cáo CCầm đoạt của ông Huỳnh Kim Đg có tổng giá trị thành tiền là 6.818.800đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 điện thoại Redmi 12 màu trắng, có giá trị là 3.861.000đ nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả 2.957.800đ.

18. Ông Phan Vn Vg số tiền 2.697.000đ.

19. Các bị cáo CCầm đoạt tài sản của ông Trần Chí Dn và bà Trương Kim Ld có tổng giá trị thành tiền là 45.450.000đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, có giá trị là 1.150.000đ nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả 44.300.000đ.

20. Các bị cáo CCầm đoạt tài sản của ông Ngô Ngọc Am và bà Ng Thị CC có tổng giá trị thành tiền là 9.790.000đ. Song, đã thu hồi và đã trả lại bị hại 01 điện thoại OPPO A9 màu xAh, có giá trị là 2.500.000đ; 01 CCéc nhẫn vàng 18K, trọng lượng vàng 01 chỉ (có hình con công), có giá là 3.260.000đ; 01 CCéc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ (có đính hột màu đỏ), có giá trị là 1.630.000đ nên được đối trừ, các bị cáo còn phải hoàn trả 2.400.000đ.

Bị cáo Bevà Ng cho rằng, số tài sản là vàng CCầm đoạt của vợ cHo ông Trầm Chí Ta và của vợ cHo ông Mai Ah Tu không NNều như Cáo trạng của Viện kiểm sát; CCầm đoạt tiền của vợ cHo ông Mai Ah Tu chỉ có 6.000.000đ, xét thấy: Ngay lần đầu làm việc với Cơ quan điều tra các bị hại đã khai rõ về loại tài sản, số lượng tài sản bị cướp. Mặc dù, các bị cáo không thừa nhận số lượng như lời khai của các bị hại nhưng phù hợp với lời khai của các bị cáo về loại tài sản CCầm đoạt. Do đó, chấp nhận lời khai của các bị hại là có cơ sở.

[6]. Đối tượng có liên quan.

Đối với bà Ng Thị Liễu, ngày 11/9/2023 bà nhận số tiền 20.200.000đ của bị cáo Ng nhờ bà đi mua dây chuyền và bán dùm 02 CCéc nhẫn của bị cáo Bền. Bà Liễu không biết tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có.

Ông Trần TAm Đạt, ông Lê Vn Nam, ông Ho Vn Hây cho các bị cáo mượn võ máy nhưng các ông không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Ông Huỳnh Trọng Hải (chủ Cửa hàng di động Đặng Ngoan), ông Hồ Quốc Vững (chủ Tiệm vàng Quốc Vững): Khi mua điện thoại và vàng của các bị cáo các ông không biết tài sản do phạm tội mà có.

Do đó, không có căn cứ để buộc bà Liễu, ông Nam, ông Đạt, ông Hây, ông Hải, ông Vững chịu trách nhiệm hình Sx, dân Sx trong vụ án.

[7]. Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) cái điện thoại hiệu OPPO A55, màu xAh, màn hình bị nứt, số IMEI1: 866787050725592, số IMEI2: 866787050725584 (đã qua sử dụng) Được Nêm phong vào túi Nêm phong mã số PS3-23005988); 01 (một) cái điện thoại hiệu OPPO A17, màu xAh đậm, số IMEI1: 869715060130336, IMEI2: 869715060130328 (đã qua sử dụng, được Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: P53-23005970). Đây là các tài sản của bà Ng Thị Liễu, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên giao trả lại bà Liễu.

- Đối với 01 (một) CCéc vỏ Composite, hiệu Trọng Sĩ, dài 6m3 (đã qua sử dụng), be vỏ màu xAh dương, lườn vỏ màu trắng, mặt ngoài be vỏ có chữ “Trọng

Sĩ' và 01 (một) máy nổ 3T68 (đã qua sử dụng), thân máy màu đen, có ký hiệu "3TNE68-U1C" giàn cầu và láp máy bằng inox màu trắng. Đây là các tài sản của ông Ho Vn Hây, việc các bị cáo sử dụng tài sản của ông Hây để thực hiện tội phạm, ông Hây không biết, ông Hây không có lỗi nên giao trả lại ông Hây.

- Đối với 01 (một) CCéc vỏ Composite, hiệu Hữu Vui, dài 5m4 (đã qua sử dụng), be vỏ màu xAh dương, lườn vỏ màu trắng, mặt ngoài be và có chữ "5m4 HỮU VUI CÀ MAU", phần mũi và có dấu vết bể cũ, hộc vỏ trước mũi không có nắp. Đây là tài sản của ông Trần TAm Đạt, việc các bị cáo sử dụng tài sản của ông Đạt để thực hiện tội phạm, ông Đạt không biết, ông không có lỗi; do đó, giao trả lại ông Đạt.

- Đối với 01 (một) máy nổ Hyundai 18HP, dàn cầu inox màu trắng, không có lập và bọc láp (đã qua sử dụng), mặt nạ máy màu xAh (xAh lá cây), chụp giạt màu đỏ, không có bình xăng. Đây là tài sản của ông Lê Vn Nam, việc các bị cáo sử dụng tài sản này thực hiện tội phạm, ông Nam không biết, ông không có lỗi; do đó giao trả lại ông Nam.

- Đối với 01 (một) cái điện thoại hiệu Xiaomi BLACK SHARK 2, màu đen (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005961). Đây là điện thoại của ông Mai Ah Tu nên giao trả lại ông Tu.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A77s, màu đen, số IMEI1: 866996064130430/IMEI2: 866996064130422 và 01 (một) cái ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xAh (xAh râu) gắn kèm vào điện thoại di động OPPO A77s (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005956) thu giữ tại nhà bị cáo Benhưng tài sản này của ông Huỳnh Tý không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên giao trả lại ông Huỳnh Tý.

- Đối với các tài sản, gồm: 01 (một) cái điện thoại hiệu Samsung Galaxy A71, màu xAh, nắp lưng bị hỏng, IMEI 1: 353408113922254, IMEI 2: 353409113922252 (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005960); 01 (một) cái điện thoại hiệu Mobell ROCK 3, loại bàn phím, màu xAh, IMEI 1: 810191600051046, IMEI 2: 810192600051044 (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005959); 01 (một) CCéc đồng hồ màu đen, hiệu NEOS (đã qua sử dụng). Các tài sản này thu giữ của bị cáo Bên, không có chứng cứ chứng minh là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên giao Cục Thi hành án Dân Sx tỉnh Cà Mau thi hành án các tài sản này để thi hành phần nghĩa vụ dân Sx của bị cáo Betrong bản án theo quy định của Luật Thi hành án Dân Sx.

- Quá trình điều tra thu giữ của Trần Lộc Ng 2.723.000đ; 01 sợi dây chuyên, ký hiệu PGR, loại dây ông chữ công (610), trọng lượng 05 chỉ 04 phân; 01 (một) CCéc xe mô tô hiệu Honda WINNER - imited 150, màu đen, biển kiểm soát 69L1-157.70 (đã qua sử dụng), số khung: RLHKC2602GY338028, số máy: KC26E1185321, hiện các tài sản này Cục Thi hành án Dân Sx tỉnh Cà Mau đang quản lý. Giao các tài sản này cho Cục Thi hành án Dân Sx tỉnh Cà Mau thi hành án để thi hành phần nghĩa vụ dân Sx của bị cáo Ng trong bản án theo quy định của Luật Thi hành án Dân Sx.

- Đối với các đồ vật còn lại tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 túi đeo, màu đen, hiệu “NKE” (đã qua sử dụng), (Nêm phong vào túi nylon có dán giấy Nêm phong); 01 cây đèn pin đội đầu, màu xAh, có 03 sợi dây màu Ho - đen (đã qua sử dụng), (đèn pin được Nêm phong vào túi nylon có dán giấy Nêm phong); 04 cái áo thun thể thao đã qua sử dụng (trong đó 02 cái dài tay, màu xAh; 01 cái dài tay, màu xám; 01 cái ngắn tay, màu xAh); 02 cái áo sơ mi dài tay (trong đó 01 cái màu trắng, có chữ “GUC” và 01 cái áo màu đen (caro) (đã qua sử dụng)); 01 cái quần sọt jean màu đen (đã qua sử dụng); 01 cây đèn pin đội đầu, trên thân đèn có dòng chữ “Sankara, model: SR- 8898, dây đèn màu vàng có dòng chữ “LED HEADLIGHT” (đã qua sử dụng); 01 cây đèn pin đội đầu, trên thân đèn có dòng chữ “LED” (đã qua sử dụng); 01 cây đèn pin đội đầu, màu trắng, kẻ sọc xAh, trên viền chóa đèn có dòng chữ “lặn sâu 50m” (đã qua sử dụng); 01 nón kết màu đen, trên nón có biểu tượng bằng kim loại không rõ hình, bên dưới có hoa Vn chữ “GUCC-I” (đã qua sử dụng); 02 đôi tất chân, màu đen; 01 cây dao tự chế, cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 41cm, mũi nhọn; 01 bao vải màu đen - xAh (đã qua sử dụng); 01 cuộn băng keo dính một mặt, trong suốt, không có nhãn hiệu; 01 cái áo thun (áo nữ), màu vàng, phía trước và phía sau có chữ, số “@dauies.brand”, “4:44AM” (mặt sau không có số 4:44AM); 01 (một) đôi bông chữ “X” (giả); 01 (một) mặt dây chuyền chữ “H” (giả); 01 (một) sợi dây chuyền loại lá me (giả); 01 (một) sợi dây chuyền xích (giả); 01 (một) dây chuyền khoen lật (giả).

[8]. Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình Sx sơ thẩm 200.000 đồng.

Án phí dân Sx có giá ngạch: Tổng số tiền các bị cáo còn phải tiếp tục có nghĩa vụ bồi thường là 350.627.600đ; Do bị cáo Be và bị cáo Ng có nghĩa vụ liên đới bồi thường nên bị cáo Lê Chí Bep phải chịu án phí dân Sx có giá ngạch $8.766.000đ = [5\% \times (350.627.600đ/2)]$, bị cáo Trần Lộc Ng phải chịu án phí dân Sx có giá ngạch $8.766.000đ = [5\% \times (350.627.600đ/2)]$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Trách NNêm hình Sx.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, i khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 17 Bộ luật Hình Sx.

- *Tuyên bố*: Các bị cáo Lê Chí Bền, Trần Lộc Ng phạm Tội cướp tài sản và phạm Tội hiếp dâm.

- *Tuyên phạt*:

+ Bị cáo Lê Chí Be **17 (mười bảy)** năm tù về Tội cướp tài sản và **07 (bảy)** năm tù về Tội hiếp dâm. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Chí Bep phải chấp hành là **24 (hai mươi bốn)** năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 17/9/2023.

+ Bị cáo Trần Lộc Ng **15 (mười lăm)** năm tù về Tội cướp tài sản và **05 (năm)** năm tù về Tội hiếp dâm. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Chí Bep phải chấp hành là **20 (hai mươi)** năm tù; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 17/9/2023.

2. Trách NNêm dân Sx, án phí, vật chứng.

Căn cứ khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình Sx; Điều 288, 592 Bộ luật Dân Sx; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình Sx; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Chí Be và Trần Lộc Ng có nghĩa vụ liên đới bồi thường (trong đó, phần nghĩa vụ cụ thể của mỗi bị cáo phải chịu là $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường cho bị hại) cho các bị hại, cụ thể:

01. Ông Trần Vn Hu và bà Ngô Thị Kim Kie số tiền 4.984.000 đồng.
02. Ông Ng Vn Mi và bà Ng Thị N số tiền 3.910.000 đồng.
03. Ông Bùi Duy Kh và bà Trương Hằng N số tiền 3.473.000 đồng.
04. Ông Trương Quốc TT và bà Trương Thị Ci số tiền 8.740.000 đồng.
05. Ông Trầm Chí Ta và bà Ng Thị Kim Cu số tiền 159.840.000 đồng.
06. Ông Mai Ah Tu và bà Trần Thị Kim Ph số tiền 59.000.000 đồng.
07. Ông Trần Vn Đs và bà Trần Thị Sx số tiền 1.826.000 đồng.
08. Châu Lâm Thành Ph số tiền 866.000 đồng.
09. Ông Trần Vn To số tiền 1.333.000 đồng.
10. Ông Đoàn Hận Ah và bà Ng Thị Ln số tiền 6.379.800 đồng.
11. Ông Ng Vn Lt và bà Huỳnh Ho Lm số tiền 37.123.000 đồng.
12. Ông Huỳnh TT Dn và bà Phạm Thị Tc số tiền 3.973.000 đồng.
13. Ông Dương Vn Vn số tiền 2.500.000 đồng.
14. Ông Ng Vn Tht và bà Ng Thị Ngoãn số tiền 4.325.000 đồng.
15. Ông Huỳnh Kim Đg số tiền 2.957.800 đồng.
16. Ông Phan Vn Vg số tiền 2.697.000 đồng.
17. Ông Trần Chí Dn và bà Trương Kim Ld số tiền 44.300.000 đồng.
18. Ông Ngô Ngọc Am và bà Ng Thị CC số tiền 2.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sx.

- Giao trả lại bà Ng Thị Liễu:

+ 01 (một) cái điện thoại hiệu OPPO A55, màu xAh, màn hình bị nứt, số IMEI1: 866787050725592, số IMEI2: 866787050725584 (đã qua sử dụng, được Nêm phong vào túi Nêm phong mã số PS3-23005988).

+ 01 (một) cái điện thoại hiệu OPPO A17, màu xAh đậm, số IMEI1: 869715060130336, IMEI2: 869715060130328 (đã qua sử dụng, được Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: P53-23005970).

- Giao trả lại ông Ho Vn Hây: 01 (một) CCéc vỏ Composite, hiệu Trọng Sĩ, dài 6m3 (đã qua sử dụng), be vỏ màu xAh dương, lườn vỏ màu trắng, mặt ngoài be

vỏ có chữ “Trọng Sĩ”; 01 (một) máy xe 3T68 (đã qua sử dụng), thân máy màu đen, có ký hiệu “3TNE68-U1C” giàn cầu và láp máy bằng inox màu trắng.

- Giao trả lại ông Trần TAM Đạt: 01 (một) CCéc vỏ Composite, hiệu Hữu Vui, dài 5m4 (đã qua sử dụng), be vỏ màu xAh dương, lườn vỏ màu trắng, mặt ngoài vỏ be có chữ “5m4 HỮU VUI CÀ MAU”, phần mũi có dấu vết bể cũ, hộc vỏ trước mũi không có nắp.

- Giao trả lại ông Lê Vn Nam: 01 (một) máy nổ Hyundai 18HP, dàn cầu inox màu trắng, không có láp và bọc láp (đã qua sử dụng), mặt nạ máy màu xAh (xAh lá cây), chụp giạt màu đỏ, không có bình xăng.

- Giao trả lại ông Huỳnh Tý: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A77s, màu đen, số IMEI1: 866996064130430/IMEI2: 866996064130422 và 01 (một) cái ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xAh (xAh râu) gắn kèm vào điện thoại di động OPPO A77s (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005956).

- Giao trả lại ông Mai Ah Tu: 01 (một) cái điện thoại hiệu Xiaomi BLACK SHARK 2, màu đen (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005961).

- Cơ quan Thi hành án dân Sx tỉnh Cà Mau thi hành án đối với: 01 (một) cái điện thoại hiệu Samsung Galaxy A71, màu xAh, nắp lưng bị hỏng, IMEI 1: 353408113922254, IMEI 2: 353409113922252 (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005960); 01 (một) cái điện thoại hiệu Mobell ROCK 3, loại bàn phím, màu xAh, IMEI 1: 810191600051046, IMEI 2: 810192600051044 (Nêm phong vào túi Nêm phong mã số: PS3-23005959); 01 (một) CCéc đồng hồ màu đen, hiệu NEOS (đã qua sử dụng) để thi hành án phần nghĩa vụ dân Sx của bị cáo Lê Chí Betrong bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân Sx.

- Cơ quan Thi hành án dân Sx tỉnh Cà Mau thi hành án đối với: 01 (một) CCéc xe mô tô hiệu Honda WINNER - imited 150, màu đen, biển kiểm soát 69L1-157.70 (đã qua sử dụng), số khung: RLHKC2602GY338028, số máy: KC26E1185321; số tiền 2.723.000 đồng (Biên lai số 0000226 ngày 28/11/2024); 01 sợi dây chuyền, ký hiệu PGR, loại dây ống chữ công (610), trọng lượng 05 chỉ 04 phân của Trần Lộc Ng để thi hành án phần nghĩa vụ dân Sx của bị cáo Trần Lộc Ng trong bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân Sx.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) túi đeo, màu đen, hiệu “NKE” (đã qua sử dụng, Nêm phong vào túi nylon có dán giấy Nêm phong).

+ 01 (một) cây đèn pin đội đầu, màu xAh, có 03 sợi dây màu Ho - đen (đã qua sử dụng, Nêm phong vào túi nylon có dán giấy Nêm phong).

+ 04 (bốn) cái áo thun thể thao đã qua sử dụng, trong đó: 02 (hai) cái dài tay, màu xAh, 01 (một) cái dài tay, màu xám và 01 (một) cái ngắn tay, màu xAh.

+ 02 (hai) cái áo sơ mi dài tay, trong đó: 01 (một) cái màu trắng, có chữ “GUC” và 01 (một) cái áo màu đen (caro) (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) cái quần sọt jean màu đen (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) cây đèn pin đội đầu, trên thân đèn có dòng chữ “Sankara, model: SR- 8898, dây đèn màu vàng có dòng chữ “LED HEADLIGHT” (đã qua sử dụng); 01 (một) cây đèn pin đội đầu, trên thân đèn có dòng chữ “LED” (đã qua sử dụng); 01 (một) cây đèn pin đội đầu, màu trắng, kẻ sọc xAh, trên viền chóa đèn có dòng chữ “lặn sâu 50m” (đã qua sử dụng). 03 (ba) cây đèn pin được Nêm phong vào túi nylon có dán giấy Nêm phong.

+ 01 (một) nón kết màu đen, trên nón có biểu tượng bằng kim loại không rõ hình, bên dưới có hoa Vn chữ "GUCC-I" (đã qua sử dụng); 02 (hai) đôi tất chân, màu đen. Nón và tất được Nêm phong vào túi nylon có dán giấy Nêm phong.

+ 01 (một) cây dao tự chế, cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 41cm, mũi nhọn; 01 (một) bao vải màu đen - xAh (đã qua sử dụng). Dao và bao vải được Nêm phong bằng cách dán giấy Nêm phong.

+ 01 (một) cuộn băng keo dính một mặt, trong suốt, không có nhãn hiệu.

+ 01 (một) cái áo thun (áo nữ), màu vàng, phía trước và phía sau có chữ, số “@dauies.brand”, “4:44AM” (mặt sau không có số 4:44AM).

+ 01 (một) mặt dây chuyền chữ “H” (giả).

+ 01 (một) sợi dây chuyền loại lá me (giả); 01 (một) đôi bông chữ “X” (giả).

+ 01 (một) sợi dây chuyền xích (giả); 01 (một) dây chuyền khoen lật (giả).

Tất cả các vật chứng đã được nêu ở trên Cục Thi hành án dân Sx tỉnh Cà Mau quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2024 và ngày 25/11/2024.

- Án phí hình Sx sơ thẩm bị cáo Lê Chí Bền, Trần Lộc Ng mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân Sx sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Lê Chí Bền phải chịu 8.766.000 đồng; bị cáo Trần Lộc Ng phải chịu 8.766.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân Sx thì người được thi hành án dân Sx, người phải thi hành án dân Sx có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân Sx; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân Sx.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ THA Hình Sx;
- Lưu hồ sơ , án Vn, Tòa hình Sx;
- Lưu VT (TA:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Xuân Miên

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2025

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Dũng – Phó Chủ tịch Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên – Ủy viên Ban chấp hành hội giáo chức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Nhã – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 384/2024/TLST - HS ngày 28/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2024/QĐXXST - HS ngày 23/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Quốc T; giới tính: Nam; sinh ngày 31/12/2009, tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Số 350 ấp P, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Lê H; họ tên mẹ: Võ Hồng T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Võ Thanh T1; giới tính: Nam; sinh ngày 05/8/2009, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 16/42 Lê T, Tổ 146, Khu phố 9, phường T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số thuộc tổ 10, ấp 60, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Võ Thanh H; họ tên mẹ: Trương Thị Minh T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 (có mặt).

3. Họ và tên: Lê Anh K; giới tính: Nam; sinh ngày 28/02/2010, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 303/41/8 Bến V, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số thuộc ấp 68, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Lê Văn V; họ tên mẹ: Lê Hà Thảo G; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 (có mặt).

4. Họ và tên: Nguyễn Minh N; giới tính: Nam; sinh ngày 17/02/2008, tại tỉnh Bắc Ninh; hộ khẩu thường trú: Thôn Thống H, xã Việt T, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Nhà không số thuộc ấp 41, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Nguyễn Như H; họ tên mẹ: Nguyễn Thị K; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 (có mặt).

5. Họ và tên: Nguyễn Phúc Gia H; giới tính: Nam; sinh ngày 12/01/2007, tại tỉnh Quảng Nam; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Duy T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Nhà không số thuộc ấp 41, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Nguyễn Văn A; họ tên mẹ: Lê Thị T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 (có mặt).

Bị hại: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 2004 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số, ấp 9, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Hồ Văn M, sinh năm: 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: 88/82 Phan S, Phường 11, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm Đắc M1, sinh năm: 1965 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 147A Đ, Phường 11, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Võ Hồng T, sinh năm: 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: 350 Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp 73, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Đương sự Nguyễn Xuân A, sinh ngày: 04/10/2010 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số, ấp 72, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

1. Bà Võ Hồng T, sinh năm: 1989 và ông Lê Hữu L, sinh năm: 1985 là cha mẹ ruột của bị cáo Lê Quốc T (bà T có mặt, ông L vắng mặt)

Cả hai cùng cư trú: 350 Ấp P, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bà Trương Thị Minh T, sinh năm: 1985 và ông Võ Thanh H, sinh năm: 1984 là cha mẹ ruột của bị cáo Võ Thanh T (có mặt).

Cả hai cùng cư trú: 16/42 Lê T, phường Tây T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Lê Hà Thảo G, sinh năm: 1978 và ông Lê Văn V, sinh năm: 1975 là cha mẹ ruột của bị cáo Lê Anh K (có mặt).

Cả hai cùng nơi cư trú: 303/41/8 đường Bến V, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1977 và ông Nguyễn Như H, sinh năm: 1961 là cha mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Minh N (có mặt).

Cả hai cùng cư trú: Thôn Thống H, xã V, thị xã Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

5/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1980 và bà Lê Thị T, sinh năm: 1984 là cha mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Phúc Gia H (có mặt).

Cả hai cùng cư trú: Thôn A, xã Duy T, huyện Duy X, tỉnh Quảng Nam.

6/ Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1973 và bà Lê Thị H, sinh năm: 1969 là cha mẹ ruột của đương sự Nguyễn Xuân A (cả hai có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cả hai cùng cư trú: 71/12 Bùi Đ, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa:

1/ Ông Huỳnh Tấn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Anh K (có mặt).

2/ Ông Hoàng Văn Q – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Quốc T (có mặt)

3/ Bà Phan Thị Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Thanh T1 (có mặt).

4/ Ông Nguyễn Thanh G - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Minh N (có mặt)

5/ Ông Trần Minh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa chỉ định cho bị Nguyễn Phúc Gia H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 470 Nguyễn Tri P, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân A (sinh 04/10/2010), Lê Quốc Thái, Lê Anh Khoa, Võ Thanh Trọng, Nguyễn Minh N và Nguyễn Phúc Gia H có mối quan hệ là bạn bè quen biết xã hội, chơi chung với nhau.

Khoảng 20 giờ ngày 10/6/2024, Nguyễn Xuân Anh, Lê Quốc Thái, Lê Anh K và Nguyễn Minh N đang ngồi uống nước tại nhà của Xuân A tại Nhà không số, ấp 72, xã Vĩnh Lộc A thì T rủ N, Xuân A, K cùng đi cướp tài sản, tất cả đồng ý. Tại đây, Nhật nhấn tin rủ thêm Võ Thanh T1 cùng tham gia, T1 đồng ý. T chạy xe qua nhà T1 chở T1 về nhà của Xuân A để tập hợp; Xuân A tiếp tục rủ Gia H cùng tham gia, Gia H đồng ý. Sau đó, Gia H điều khiển xe mô tô biển số 59D1-829.21 đến nhà Xuân A. Lúc này, cả nhóm gồm có 06 người cùng nhau thống nhất đi cướp tài sản để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Xuân A lấy trong nhà ra 01 dao bướm xếp đưa cho H, 01 dao tự chế đưa cho T mang theo giữ trong người, N mang theo 01 con dao bấm xếp (chuẩn bị sẵn từ nhà của N), T1 mang theo con dao tự chế dài (chuẩn bị sẵn từ nhà của Trọng). Sau khi chuẩn bị xong hung khí để cướp tài sản, K điều khiển xe mô tô biển số 59D1-829.21 (xe của Gia H) chở N và H ngồi sau; Xuân A điều khiển xe mô tô biển số 55P8-1533 (xe của Thái) chở T và T1 ngồi phía sau. Tất cả cùng đi với nhau qua các tuyến đường thuộc khu vực xã V, huyện Bình Chánh tìm người đi đường để cướp tài sản.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, khi tất cả đi đến đường Liên ấp 2-6, trước địa chỉ B6/29C, ấp 16, xã V, huyện Bình Chánh thì phát hiện bà Bùi Thị T đang điều khiển xe mô tô biển số 38L1-285.63 đi trên đường (hướng từ đường Liên ấp 2-6 ra đường Nguyễn Thị T). Lúc này, T1 nói với cả nhóm: “Có người đi một mình kia! Chịu không?” thì cả nhóm đều nói “Chịu” rồi quay đầu xe đuổi theo xe bà Trang. Khi đến trước nhà số 305, đường Nguyễn Thị Trọn, ấp 16, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh thì Xuân A điều khiển xe vượt lên chặn đầu xe của bà Trang; K điều khiển xe chặn đuôi xe của bà T2 lại. Cùng lúc thì T1, T, N và H xuống xe cầm dao ra vây quanh bà T; T lấy con dao tự chế ra cầm trên tay phải, T1 lấy dao tự chế cầm trên tay phải đe dọa bà T2 và nói: “Có bao nhiêu tiền lấy ra đưa hết”, “Ngoan đi, không làm bị thương mày đâu”. Do sợ nên bà T2 lấy túi xách đang đeo trên người ra đưa cho H. T1 tiếp tục dùng chân đạp bà T2 01 cái nhưng không trúng và nói “Móc điện thoại ra” nhưng bà T2 không đưa điện thoại nên T1 dùng chân đạp thêm 01 cái nữa thì bà T2 dùng tay đỡ được. Lúc này, do có chó xung quanh sủa nhiều, sợ bị phát hiện nên cả nhóm cũng không tiếp tục đe dọa bà T2 lấy điện thoại nữa mà lên xe mang túi xách vừa cướp được tẩu thoát.

Khi chạy đến trước bãi đất trống thuộc ấp 32, xã V, huyện Bình Chánh thì H, T, N, T1 cùng lực tìm trong túi xách vừa cướp được, thấy bên trong có 01 ví da chứa 18.000 đồng và 01 số giấy tờ của bà T. Các bị cáo lấy tiền đưa cho Xuân A giữ còn giấy tờ của bà T2 thì T giữ rồi N quăng túi xách và ví xuống kênh. Sau đó, cả nhóm tiếp tục cùng nhau đi xe đến cây xăng Song Đăng, số 2154 đường Vĩnh Lộc, ấp 50, xã V, huyện Bình Chánh thì Xuân A dừng xe, đưa 10.000 đồng trong số tiền cướp được cho T1 để trả tiền đổ xăng xe rồi cả nhóm đến khu vực công viên Hồ Trái Tim thuộc Khu phố 16, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân để chơi. Tại đây, T lấy giấy tờ của bà T2 ra cho cả nhóm xem rồi K lấy vứt bỏ 01 Căn cước công dân của bà T2, N lấy vứt bỏ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 thẻ ATM Techcombank của bà T2, H thì bẻ gãy đôi thẻ sinh viên mang tên bà T2 và bỏ lại. Dọc đường đi, Xuân A dùng 8.000 đồng tiền cướp được mua 01 chai nước suối để uống (cả nhóm không nhớ được địa chỉ mua nước). Sau đó, cả nhóm giải tán về nhà.

Đến khoảng 20 giờ ngày 11/6/2024, cả nhóm 06 người tiếp tục tụ tập ở nhà Xuân A rồi cùng bàn tính với cách thức và thủ đoạn như hôm qua để tìm người đi đường cướp tài sản. Cả nhóm 06 người đi lòng vòng các tuyến đường cho đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi đến trước địa chỉ B3/28C ấp 19, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh thì bị lực lượng Tổ tuần tra 363 Công an huyện Bình Chánh kiểm tra và đưa về trụ sở Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh làm việc. Sau đó, lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thụ lý, điều tra, giải quyết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 2078/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự định giá tài sản kết luận: 01 túi xách tương tự tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 11/06/2024 có giá là 100.000 đồng; 01 ví tiền tương tự tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 11/06/2024 có giá là 70.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 170.000 đồng và 18.000 đồng tiền mặt.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Xuân A, Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn Minh N và Nguyễn Phúc Gia H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A biển số: 55P8 - 1533, SK: RLHHC120AY034801, SM: HC12E2534869; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số: 59P1 - 829.21, SK: RLHJC5277DY058567, SM: C52E1087774.

01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 30cm có cán dài khoảng 09cm, lưỡi dài 21cm; 01 con dao tự chế có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 55cm, có lưỡi dài khoảng 36cm, cán gỗ dài khoảng 19cm; 01 con dao bấm loại xếp bằng kim loại dài khoảng 14 cm có cán dài khoảng 09 cm, lưỡi dài 05 cm; 01 con dao bướm loại xếp bằng kim loại dài khoảng 22cm có lưỡi dao dài 10cm, cán dao dài khoảng 12 cm; 01 áo khoác màu đen và 01 quần dài màu đen thu giữ Nguyễn Xuân A; 01 áo thun trắng có hình con báo hồng và 01 quần thun ngắn màu xanh thu giữ của Võ Thanh T1; 01 áo thun màu đen có họa tiết mặt người và 01 quần Jeans ngắn thu giữ của Nguyễn Phúc Gia H; 01 áo khoác màu đen và 01 quần ngắn

màu đen thu giữ của Nguyễn Minh N; 01 áo khoác màu đen và 01 quần dài màu đen thu giữ của Lê Anh K.

01 ĐTDĐ hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI 1: 353369289288922; số IMEI 2: 353369289088512 thu giữ của Lê Quốc T; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy J7+, số IMEI 1: 352808093343697; số IMEI 2: 352808093343695 thu giữ của Nguyễn Minh N; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A14 5G, số IMEI 1: 350440458070400; số IMEI 2: 353871618070400 thu giữ của Nguyễn Phúc Gia H; 01 phần thẻ sinh viên mang tên Bùi Thị T2 bị bể gãy.

Tại bản Cáo trạng số 360/CT – VKSBC ngày 26 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn Minh N và Nguyễn Phúc Gia H về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lê Quốc T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Anh K từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Gia H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị hại bà Bùi Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn bị hại không yêu cầu gì về dân sự, đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Các trợ giúp viên pháp lý Nhà nước bào chữa cho các bị cáo (trợ giúp viên Trần Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt kèm theo bài bào chữa cho bị cáo H) trình

bày: Thống nhất với tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố các bị cáo, các trợ giúp viên Pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo bởi các căn cứ sau: Các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, bị cáo K vừa mới bước qua 14 tuổi nên trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; các bị cáo thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình, nhà trường; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình. Từ những phân tích trên, các trợ giúp viên pháp lý Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị để các bị cáo sớm có cơ hội làm lại cuộc đời.

Những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo thống nhất với bài bào chữa của các trợ giúp viên pháp lý Nhà nước, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho con của các ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn Minh N và Nguyễn Phúc Gia H tại tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 246a – 251, 286 – 289, 310 – 314, 332 – 341, 375 – 379, 425 – 429, 474a - 474e); phù hợp với lời khai của bị hại bà Bùi Thị T2 (516 – 527); phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, các kết quả giám định, kết quả điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3] Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, tại trước địa chỉ số B6/29C ấp 16, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn Minh N và Nguyễn Phúc Gia H đã có hành vi sử dụng hung khí là dao để đe dọa, dùng vũ lực tấn công bị hại bà Bùi Thị T2 làm cho bị hại tê liệt ý để chiếm đoạt tài sản gồm 01 túi xách, 01 ví da và số tiền 18.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 188.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 2078/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh).

Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Quốc T, Võ Thanh T1, Lê Anh K, Nguyễn

Minh N và Nguyễn Phúc Gia H đã phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm được quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Tội phạm các bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đều là những người bỏ học sớm, thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình và xã hội, không có việc làm nên đã cố ý phạm tội. Tài sản, sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, vì vậy pháp luật nghiêm cấm việc xâm phạm trái phép. Những người có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ đều phải bị xử lý theo pháp luật. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê, chủ mưu các bị cáo còn lại đều là người thực hiện tội phạm. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ và chuẩn bị hung khí từ trước nên có sự cấu kết chặt chẽ là thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Đây là các tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo, khi lượng hình Hội đồng xét xử có mức án tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6] Đối với Nguyễn Xuân A sinh ngày 04/10/2010: Qua điều tra xác định tại thời điểm phạm tội là ngày 11/6/2024 thì Xuân A chưa đủ 14 tuổi. Căn cứ vào Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Xuân A không chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi loại tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xử lý hình sự mà đã có Công văn thông báo hành vi vi phạm của Nguyễn Xuân A đến Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo quy định, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn; khi phạm tội và đưa vụ án ra xét xử các bị cáo là người dưới 18 tuổi. Cụ thể: Các bị cáo T1, Thái, K từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; các bị cáo N và H từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình và xã hội. Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Ý kiến của các trợ giúp viên pháp lý Nhà nước bào chữa cho các bị cáo; những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo có những lập luận phù hợp với nội dung vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A biển số: 55P8 - 1533, SK: RLHHC120AY034801, SM: HC12E2534869. Qua giám định số máy, số khung xe này trùng với kết quả xác minh biển số. Xác minh xe biển số 55P8 - 1533, chủ đăng ký biển số xe ông Hồ Văn M. Ông M khai đã bán lại xe này cho người tên Vy không rõ lai lịch. Bà Võ Hồng Th (mẹ ruột Lê Quốc T) khai mua lại xe này của người khác vào năm 2023 không có làm thủ tục sang tên. Vào ngày 10/06/2024, bị cáo T mượn xe này của bà Th nói đi công việc rồi Th sử dụng làm phương tiện phạm tội bà Th không biết. Xác minh trên phần mềm dữ liệu xe tang vật thì không có thông tin. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ sở hữu đối với xe trên, Hội đồng xét xử tuyên giao xe này cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số: 59P1 - 829.21, SK: RLHJC5277DY058567, SM: C52E1087774. Qua giám định số máy, số khung xe này trùng với kết quả xác minh biển số. Xác minh xe biển số 59P1 - 829.21, chủ đăng ký biển số xe tên ông Phạm Đắc M1. Ông M1 khai xe này là của bà Lê Thị T (mẹ ruột của Nguyễn Phúc Gia H) mua vào năm 2013 nhưng do không có hộ khẩu ở thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ ông M1 đứng tên trên Giấy đăng ký. Xác minh trên phần mềm dữ liệu xe tang vật thì không có thông tin. Vào ngày 10/06/2024, bị cáo H mượn xe này của bà T nói đi uống cà phê rồi sử dụng làm phương tiện phạm tội, bà T không biết nên không có lỗi, Hội đồng xét xử tuyên giao trả lại xe này cho bà T là phù hợp.

Đối với 01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 30cm có cán dài khoảng 09cm, lưỡi dài 21cm; 01 con dao tự chế có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 55cm, có lưỡi dài khoảng 36cm, cán gỗ dài khoảng 19cm; 01 con dao bấm loại xếp bằng kim loại dài khoảng 14 cm có cán dài khoảng 09 cm, lưỡi dài 05 cm; 01 con dao bươm loại xếp bằng kim loại dài khoảng 22cm có lưỡi dao dài 10cm, cán dao dài khoảng 12 cm; 01 áo khoác màu đen và 01 quần dài màu đen thu (thu giữ của bị cáo Xuân A); 01 áo thun trắng có hình con báo hồng và 01 quần thun ngắn màu xanh (thu giữ của bị cáo T1); 01 áo thun màu đen có họa tiết mặt người và 01 quần Jeans ngắn (thu giữ của bị cáo H); 01 áo khoác màu đen và 01 quần ngắn màu đen (thu giữ của bị cáo N); 01 áo khoác màu đen và 01 quần dài màu đen (giữ của bị cáo K); 01 phần thẻ sinh viên mang tên Bùi Thị T2 bị bể gãy. Xét, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội là vật cấm tàng trữ, không có giá trị; quần áo thu giữ của các bị cáo không có nhu cầu nhận lại Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI 1: 353369289288922; số IMEI 2: 353369289088512 (thu giữ của bị cáo T); 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy J7+, số IMEI 1: 352808093343697; số IMEI 2: 352808093343695 (thu giữ của bị cáo N); 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A14 5G, số IMEI 1: 350440458070400; số IMEI 2: 353871618070400 (thu giữ của bị cáo H). Xét, các điện thoại trên thuộc quyền sở hữu của các bị cáo nhưng các bị cáo dùng để liên lạc, rủ nhau đi cướp tài sản nên Hội đồng xét xử không xét trả lại

cho các bị cáo mà tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[10] Về dân sự: Bị hại bà Bùi Thị T2 không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[11] Về án phí:

Các bị cáo T1, T và K chưa đủ 16 tuổi nên được miễn án phí theo quy tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo N và H phải chịu án phí theo quy định tại tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 91; Khoản 2 Điều 101; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Quốc T.

Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 91; Khoản 2 Điều 101; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thanh T1.

Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 91; Khoản 2 Điều 101; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Anh K.

Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Minh N.

Căn cứ điểm a, d Khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Phúc Gia H.

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo N và H.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo T1, T và K.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Anh K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Gia H 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

Về vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI 1: 353369289288922; số IMEI 2: 353369289088512; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy J7+, số IMEI 1: 352808093343697; số IMEI 2: 352808093343695; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A14 5G, số IMEI 1: 350440458070400; số IMEI 2: 353871618070400.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 30cm có cán dài khoảng 09cm, lưỡi dài 21cm; 01 con dao tự chế có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 55cm, có lưỡi dài khoảng 36cm, cán gỗ dài khoảng 19cm; 01 con dao bấm loại xếp bằng kim loại dài khoảng 14 cm có cán dài khoảng 09 cm, lưỡi dài 05 cm; 01 con dao bướm loại xếp bằng kim loại dài khoảng 22cm có lưỡi dao dài 10cm, cán dao dài khoảng 12 cm; 01 áo khoác màu đen và 01 quần dài màu đen thu; 01 áo thun trắng có hình con báo hồng và 01 quần thun ngắn màu xanh; 01 áo thun màu đen có họa tiết mặt người và 01 quần Jeans ngắn; 01 áo khoác màu đen và 01 quần ngắn màu đen; 01 áo khoác màu đen và 01 quần dài màu đen; 01 phần thẻ sinh viên mang tên Bùi Thị T2 bị bể gãy.

Giao Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A biển số: 55P8 - 1533, SK: RLHHC120AY034801, SM: HC12E2534869 để làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Trả lại cho bà Lê Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số: 59P1 - 829.21, SK: RLHJC5277DY058567, SM: C52E1087774.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 26/11/2024 giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh và Công an huyện Bình Chánh).

Về dân sự: Ghi nhận bị hại bà Bùi Thị T2 không yêu cầu gì.

Về án phí: Buộc bị cáo K, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo T, T1 và N được miễn án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, trợ giúp viên pháp lý Nhà nước, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo và đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn



Bản án số: 254/2024/HS-ST

Ngày: 27/9/2024

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;

2. Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 297/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Hoài N**; (tên gọi khác: T); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1984; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Cư trú: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: V, sinh năm: 1949 và bà: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1949; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 05 anh, chị, em; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/3/2024; tạm giam từ ngày 12/3/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Tấn S, sinh năm: 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: 994A/120 tổ A, kh, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/10/2011, do không có tiền tiêu xài nên Võ Hoài N cùng Lê Hoàng T và N1 (không rõ lai lịch) rủ nhau chiếm đoạt tài sản của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài, thống nhất thủ đoạn là N sẽ đóng giả gái bán dâm đứng trên lề đường Nguyễn Văn Linh đón khách. Khi có khách đến trao đổi mua bán dâm thì T và N sẽ chặn xe của khách lại và dùng hung khí tấn công để cướp tài sản, tất cả đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe máy kiểu dáng Wave (không rõ biển số) chở T và N lưu thông trên đường Nguyễn Văn Linh. Khi đến khu vực cầu Ông Bé thuộc Ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh thì N để N xuống xe đứng trên lề đường, rồi N chở T chạy xe vòng lại đầu cách N khoảng 20 mét quan sát. Một lúc sau, N và T phát hiện anh Nguyễn Tấn S điều khiển xe mô tô biển số 54Z7-8315 đến gần chỗ N đang đứng nên N chở T đến chặn đầu xe của anh Sang. N xuống xe dùng roi điện chích vào người anh S và đánh anh Sang. N lục lấy được chiếc ví của anh S bên trong có số tiền 4.600.000 đồng cùng một số giấy tờ tùy thân. Sau đó, N lên xe máy của N điều khiển bỏ chạy trước. Lúc này, N kêu T lấy xe mô tô biển số 54Z7-8315 của anh S nên T leo lên xe rồi đề máy chở N tẩu thoát về hướng Quốc lộ 1A, được khoảng 01 kilômét thì N và T gặp N tại một con hẻm nhỏ. N đưa cho N chiếc ví vừa cướp được của anh S rồi bỏ đi, còn N điều khiển xe mô tô biển số 54Z7-8315 chở T chạy về tỉnh Đồng Tháp gặp Trần Tuấn C. Tại đây, N nói cho C biết xe mô tô biển số 54Z7-8315 do N và T phạm tội mà có và nhờ C cầm giúp xe này. C đồng ý và đem xe đến cửa hàng cầm đồ Thẩm địa chỉ 81 Tỉnh lộ 854, khóm Phú Mỹ Hiệp, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp gặp anh Nguyễn Ngọc Thẩm cầm được xe với giá 10.000.000 đồng về đưa lại cho Nghi. N cho C 500.000 đồng và chia T, N, N mỗi người 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000 đồng và số tiền 4.600.000 đồng trong ví cả nhóm tiêu xài chung hết.

Khoảng 22 giờ ngày 03/11/2011, N, N1, Cường, T tiếp tục rủ nhau đi cướp tài sản thì tất cả đồng ý, N đưa cho C giữ 01 roi điện. Đến khoảng 00 giờ ngày 04/11/2011, khi cả 4 đối tượng đi trên 02 xe mô tô đang lưu thông trên đường Nguyễn Hữu Thọ tìm người đi đường để cướp tài sản thì bị Công an phường Tân Hưng, Quận 7 tuần tra bắt giữ được C và Thương. N1 và N trốn thoát.

Ngày 05/11/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh khởi tố bị can đối với Lê Hoàng T về tội “Cướp tài sản” và Trần Tuấn C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 133 và 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Vào ngày 12/4/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã đưa ra xét xử đối với các bị can Lê Hoàng T mức án 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và Trần Tuấn C mức án 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 84/2012/HSST. Đối với Võ Hoài N do bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra

Quyết định truy nã. Đến ngày 05/3/2024, Võ Hoài N đến Công an xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, Đồng Tháp đầu thú. Sau đó N được di lý, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh.

Kết luận định giá tài sản số 1747/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 54Z7-8315, đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 16/10/2011 trị giá 15.291.500 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Võ Hoài N đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản cùng với T và N N đã nêu trên. Lời khai của N phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (Bút lục 98-105).

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 54Z7-8315, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy Bảo hiểm xe, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tấn S, đã trao trả cho anh Nguyễn Tấn S.

- 01 xe mô tô biển số 66K5-9262, Cơ quan điều tra đã trao trả xe máy cho chủ sở hữu là anh Trần Văn Út.

- 01 roi điện màu đen hiệu TW-10 dài 15cm, 01 dây xích màu xanh dài 50cm, 01 ổ khoá màu trắng hiệu Valor; 01 điện thoại di động hiệu SamSung SGH-J700; 01 điện thoại di động hiệu SamSung F480 màu xám dán keo xanh.

- 01 Chứng minh nhân dân bản sao mang tên Nguyễn Tấn S, 01 giấy cầm đồ.

- 01 bóp màu nâu bên trong có số tiền 1.390.000 đồng.

Tất cả các vật chứng trên đã được xử lý tại Bản án số 84/2012/HSST ngày 12/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về dân sự: Bị hại anh Nguyễn Tấn S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đối với số tiền 4.600.000 đồng bị cướp, anh S không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 279/CT-VKS ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Võ Hoài N về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Võ Hoài N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống N lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án tự nhận thấy hành vi của mình là trái quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Võ Hoài N về tội “Cướp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Về hình phạt: Áp dụng các điểm a, d khoản 2 điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hoài N từ 08 năm đến 09 năm tù.

2/ Vật chứng thu giữ: Đề nghị không xem xét do tất cả các vật chứng trên đã được xử lý tại Bản án số 84/2012/HSST ngày 12/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, gồm:

- 01 xe mô tô biển số 54Z7-8315, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy Bảo hiểm xe, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tấn S, đã trao trả cho anh Nguyễn Tấn S.

- 01 xe mô tô biển số 66K5-9262, Cơ quan điều tra đã trao trả xe máy cho chủ sở hữu là anh Trần Văn Út.

- 01 roi điện màu đen hiệu TW-10 dài 15cm, 01 dây xích màu xanh dài 50cm, 01 ổ khoá màu trắng hiệu Valor; 01 điện thoại di động hiệu SamSung SGH-J700; 01 điện thoại di động hiệu SamSung F480 màu xám dán keo xanh.

- 01 Chứng minh nhân dân bản sao mang tên Nguyễn Tấn S, 01 giấy cầm đồ.

- 01 bóp màu nâu bên trong có số tiền 1.390.000 đồng.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tấn S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đối với số tiền 4.600.000 đồng bị cướp, anh S không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm lo cho mẹ bị bệnh và sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, tội danh: Qua điều tra cũng N tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Căn cứ hành vi của bị cáo có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày

16/10/2011, tại khu vực cầu Ông Bé thuộc Ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Võ Hoài N cùng với Lê Hoàng T và N (không rõ lai lịch) cùng bàn bạc, phân công vai trò cụ thể và có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, đồng thời sử dụng roi điện là hung khí nguy hiểm đối với anh Nguyễn Tấn S để thực hiện hành vi cướp xe mô tô biển số 54Z7-8315 trị giá 15.291.500 đồng và số tiền 4.600.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 19.891.500 đồng. Hành vi của bị can Võ Hoài N đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp có tổ chức và dùng thủ đoạn nguy hiểm.

N vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Võ Hoài N đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo nên tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, gây bức xúc trong xã hội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, biết việc cướp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng N tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại trong vụ Cướp tài sản nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Vật chứng thu giữ: Do tất cả các vật chứng trên đã được xử lý tại Bản án số 84/2012/HSST ngày 12/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tấn S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đối với số tiền 4.600.000 đồng bị cướp, anh S không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Hoài N phạm tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Hoài N: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2024.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Bị cáo Võ Hoài N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án(20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Trang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/HS-ST

Ngày 26-8-2024

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Bà Trần Thị Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lâm Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/HSST-QĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **Trương Đức T.** Sinh năm 1979 tại tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: đường M, khu phố A, quận G, Tp.HCM; Nơi ở hiện tại: không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn Đ (chết) và bà: Dương Thị D (chết); Vợ: Trần Thị Thanh Th và 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án: Ngày 02/3/2016 bị Tòa án nhân dân TP Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 58/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/12/2022; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/12/2005 bị Tòa án nhân dân TP.HCM xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 1853/2005/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/11/2010; Ngày 27/11/2012 bị UBND Quận 12, Tp.HCM đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 27/11/2014; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày

18/01/2024 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/. Họ và tên: **Trần Thị Thanh Th.** Sinh năm 1979 tại Tp.HCM; Giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: đường M, khu phố A, quận G, Tp.HCM; Nơi ở hiện tại: không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: thợ may; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Thái Đ và bà: Lê Ngọc D; Chồng: Trương Đức T và 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/01/2024 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/. Họ và tên: **Trần Hữu Ph.** Sinh năm 1988 tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: đường H, khu phố M, phường T, Thành phố D, TP.HCM; Nơi ở hiện tại: không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hữu V và bà: Huỳnh Thị Ng; Vợ: Đinh Ngọc Th (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/01/2024 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/. Họ và tên: **Dương Ngọc H.** Sinh năm 1993 tại tỉnh Phú Yên; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: thôn Ph, xã H, huyện Ph, tỉnh Phú Yên; Nơi ở hiện tại: không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương T và bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Thanh Ph và 01 con (sinh năm 2024); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị Công an bắt, tạm giam ngày 18/01/2024 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5/. Họ và tên: **Đinh Văn M.** Sinh năm 1996 tại tỉnh Long An; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: khu phố M, Thị trấn V, huyện H, tỉnh Long An; Nơi ở hiện tại: không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Văn V (chết) và bà: Trịnh Thị Th (chết); Vợ: Lưu Thị Bích H và 01 con (sinh năm 2023); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị Công an bắt, tạm giam ngày 18/01/2024 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Lê Văn Mười H, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu phố K, phường H, Quận H, TP.HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Đức T mới chấp hành án phạt tù về địa phương, không có việc làm, nghiện ma túy và biết được trong thời gian T chấp hành án thì vợ là Trần Thị Thanh Th có ngoại tình với Lê Văn Mười H và nghi ngờ con gái là con riêng của

Th và H. Thủy nhiều lần yêu cầu Lê Văn Mười H chu cấp tiền cho Th nuôi con nhưng H có ý né tránh. Tín đã bàn bạc, rủ rê Th và Trần Hữu Ph cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Văn Mười H.

Ngày 10/01/2024, T, Th và Ph đến khách sạn Minh Tú tại địa chỉ số 100/27/4A ấp 3, xã Đ, huyện H. Tại đây, T thuê phòng 104 và phòng 208, trong đó T và Ph ở phòng 104 còn Thủy ở phòng 208. Sau đó, Th chủ động liên lạc với H hẹn tới khách sạn để quan hệ tình dục thì H đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 ngày 10/01/2024, H điều khiển xe máy Wave Anphal màu xanh biển số 59S2-96103 đến khách sạn Minh Tú. Lúc này, Th đón H lên phòng 208 nói H đi tắm và giả vờ đi xuống quầy lễ tân lấy nước uống để đi xuống phòng 104 báo cho T và Ph là H đã tới. Th cố ý để cửa phòng mở cho T và Ph xông vào phòng trong lúc H đang tắm, không mặc quần áo. Trần Hữu Ph dùng điện thoại di động quay video việc H bị T nắm tóc kéo đến góc phòng để đánh với lý do H ngoại tình với vợ của T. T dùng tay, chân và cây chà bồn cầu đánh H liên tục. Ph vừa quay video vừa đe dọa yêu cầu H không được tri hô nên H không dám phản ứng. Khi H phản ứng thì T lấy 01 con dao dài khoảng 20cm màu đen cầm trên tay phải để khống chế H. T cầm dao dọa đâm H, dùng cán dao đánh vào đầu và dùng chân đạp vào vùng cổ và mặt H nhiều lần cho đến khi H không dám phản ứng chống cự. Ph lục túi quần của H đang để trên ghế lấy hết số tiền khoảng 1.500.000 đồng, chìa khóa xe máy trong túi quần bên phải và điện thoại di động hiệu Samsung A33 trong túi quần bên trái của H. Ph cầm điện thoại của H yêu cầu dùng vân tay mở khóa để kiểm tra thông tin trong tài khoản ngân hàng. Khi Ph thấy tài khoản của H không có tiền thì tức giận dùng tay phải dấm vào vùng mặt và dùng chân đá vào vùng hông của H 01 cái. Trong khi khống chế H thì Th có nhắn tin cho Ph yêu cầu H viết giấy cam kết hàng tháng sẽ chu cấp 5.000.000 đồng cho Th để nuôi con. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho Dương Ngọc H đến để bán xe máy của H thì H đồng ý tới xem xe. T cho Ph số điện thoại của H để liên hệ bán xe. Ph gửi vị trí cho H và hẹn gặp tại cửa khách sạn Minh Tú. Ph lấy điện thoại Samsung A33 của H đi bán ở một cửa hàng điện thoại được 1.700.000 đồng, Ph không nhớ rõ cửa hàng nên CQĐT không thu hồi được điện thoại.

Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, H điều khiển xe Honda Vision biển số 59V3-409.37 chở theo vợ là Nguyễn Thanh Ph đến cửa khách sạn Minh Tú gặp Ph để xem xe. Sau đó, H gọi điện cho T nói đồng ý mua với giá 3.500.000 đồng nhưng đưa trước cho Ph 2.600.000 đồng và nợ lại 900.000 đồng thì T đồng ý. Ph đứng ở ngoài không biết việc H thỏa thuận mua bán xe này. H biết rõ xe máy trên do T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá rẻ và bán lại cho đối tượng có tài khoản zalo tên “Nam ice” không rõ lai lịch với giá 5.000.000 đồng. H thu lợi 1.500.000 đồng, số tiền này H đã tiêu xài hết.

Sau khi bán điện thoại và xe máy thì Ph lên phòng khách sạn đưa tiền cho T. T chia cho Ph 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ và tiêu xài hết. Sau khi Ph ra về, khoảng 30 phút sau thì T dẫn H xuống lầu và cho H tự đón xe về nhà.

Ngày 12/01/2024, Đinh Văn M theo dõi mạng xã hội thấy tài khoản Zalo tên “Nam ice” đăng thông tin bán xe máy Honda Wave màu xanh biển số 59S2-961.03 không có giấy đăng ký thì biết rõ đây là xe máy do người khác phạm tội mà có nhưng do ham rẻ nên M liên lạc giao dịch mua xe máy này giá 6.000.000 đồng, nhận xe này tại khu đất trống tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh.

Ngày 13/01/2024, Đinh Văn M thấy tài khoản Zalo “Thánh xạo l*n” đăng thông tin bán xe máy Honda Future gắn biển số 69B1-58317 không có giấy đăng ký và cũng biết rõ đây là xe máy do người khác phạm tội mà có nhưng ham rẻ nên liên lạc giao dịch mua xe máy này giá 6.750.000 đồng và được người bán giao xe máy này tại tiệm sửa xe máy Ngọc Sang trên đường Huỳnh Thị N thuộc xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn. Xác minh xe trên của Phạm Thế S (sinh năm 2000, nơi thường trú: Khóm 8, Phường H, TP C, tỉnh Cà Mau) đứng tên chủ xe bị mất trộm tại phường 5, quận Gò Vấp vào ngày 13/01/2024. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng bàn giao xe máy nêu trên cho Công an quận Gò Vấp xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 20/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Hóc Môn xác định: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh nâu bạc biển số 59S2-961.03 trị giá 8.000.000 đồng; Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A33 trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá là 11.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2024, Lê Văn Mười H đến Công an xã Đông Thạnh trình báo vụ việc. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn mời các đối tượng về làm việc, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị can đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên đã nêu.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe máy Honda Wave Alpha màu xanh có số máy JA39E-0576412 số khung RLHJA3909HY601264 gắn biển số 59S2 - 961.03 do Đinh Văn M giao nộp. Xác minh xe do bà Nguyễn Thị Tâm V (sinh năm 1992, nơi thường trú: 420 Nguyễn Xí, Phường N, quận B, TP.HCM) đứng tên chủ xe. Lê Văn Mười H mua nhưng nhờ bà Viên đứng tên đăng ký. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe máy cho Lê Văn Mười H.

- 01 xe máy Honda Future màu xanh có số máy JC90E – 0106296, số khung RLHJC7656MY007419 gắn biển số 69B1 – 583.17 do Đinh Văn Minh giao nộp. Xác minh xe do Phạm Thế S (sinh năm 2000, nơi thường trú: Khóm 8, Phường L, TP C, tỉnh Cà Mau) đứng tên chủ xe bị mất trộm tại phường 5, quận Gò Vấp vào ngày 13/01/2024. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bàn giao xe máy nêu trên cho Công an quận Gò Vấp xử lý theo thẩm quyền.

- 01 chiếc xe máy Attila màu sơn đen có số máy VMM9BE-D403228 số khung RLGH125GD7D403228, gắn biển số 51R6-3386 là phương tiện của Trương Đức T sử dụng thực hiện việc phạm tội. Xe do bà Lê Ngọc D (nơi cư trú: 198/2/9 Nguyễn Thái S, Phường M, quận G, là mẹ của bị can Trần Thị

Thanh Th) đứng tên chủ xe nhưng giao cho Trương Đức T sử dụng. Bà D không biết việc T dùng xe này thực hiện tội phạm và từ chối nhận lại xe máy.

- 01 chiếc xe máy Honda Vision có số máy JF66E0-257026 số khung 5811GY256981 gắn biển số 59V3-40937 là phương tiện của Dương Ngọc H sử dụng bị tạm giữ. H khai mua xe này của đối tượng không rõ lai lịch để làm phương tiện sử dụng, xe không có giấy đăng ký xe và không rõ nguồn gốc xe. Kết quả giám định số khung số máy đã bị mài, đục lại số, không xác định được số nguyên thủy nên không có căn cứ để xác định nguồn gốc xe này. Kết quả tra cứu thông tin đăng ký biển số 59V3-40937 do bà Nguyễn Thị Ngọc Ph (sinh năm 1978, nơi cư trú: Q T, phường L, quận G) đứng tên chủ xe, bà Ph vẫn đang quản lý sử dụng xe biển số này.

- 01 đoạn nhựa màu đỏ dài khoảng 30cm là cán cây chà sàn nhà vệ sinh đã bị gãy là hung khí được Trương Đức T dùng đánh Lê Văn Mười H.

- 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu cam do Trần Thị Thanh Th giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 do Trương Đức T giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu xanh do Trần Hữu Ph giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu trắng do Dương Ngọc H giao nộp.

- 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng do Đinh Văn M giao nộp.

Đối với 06 điện thoại trên là phương tiện các bị can dùng để liên lạc thực hiện tội phạm.

Về dân sự: Bị hại Lê Văn Mười H đã nhận lại tài sản là xe máy bị chiếm đoạt. Đối với tiền và điện thoại bị hại Hai không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 147/CT-VKSHHM ngày 06/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 168; truy tố các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Ngày 10/01/2024, Trương Đức T là người chủ mưu cùng với Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph đã bàn bạc, phân chia nhiệm vụ để Th dụ dỗ bị hại là Lê Văn Mười H đến khách sạn Minh Tú địa chỉ 100/27/4A ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn để quan hệ tình dục và cướp tài sản của H. Khi Lê Văn Mười H đến khách sạn thì Th đã mở cửa và báo cho T và Ph đi vào phòng. Ph lấy điện thoại để quay hình ảnh H không mặc đồ và đe dọa, T dùng chân tay và cây chà bồn cầu đánh H, sau đó dùng 01 con dao dài khoảng 20cm đe dọa và dùng cán dao đánh vào đầu H. Khi H không thể chống cự thì T và Ph đã lấy trong bóp của H số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại Samsung A33 trị giá 3.000.000 đồng và 01 xe gắn máy Honda Wave biển số

59S2-961.03 trị giá 8.000.000 đồng. Tổng tài sản bị hại bị chiếm đoạt là 12.500.000 đồng.

Ngày 10/01/2024, Dương Ngọc H biết rõ xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 do bị can T phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua với giá 3.500.000 đồng, sau đó bán lại cho một đối tượng có tài khoản zalo tên “Nam ice” không rõ lai lịch với giá 5.000.000 đồng. H thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 12/01/2024 và 13/01/2024, Đinh Văn M lên mạng xã hội mua xe Honda Wave biển số 59S2-961.03 với giá 6.000.000 đồng và 01 xe Honda Future biển số 69B1-583.17 với giá 6.750.000 đồng từ những đối tượng không rõ lai lịch có tên Zalo “Nam ice” và “Thánh xạ l*n”. M biết rõ những xe này do người khác phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua để bán lại kiếm lời, M chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ.

Đối với Nguyễn Thanh Ph là vợ của Dương Ngọc H đi cùng H đến khách sạn Minh Tú nhưng không tham gia thực hiện tội phạm cùng H nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với đối tượng không rõ lai lịch có tên Zalo “Nam ice” mua xe từ Huy bán cho Minh và đối tượng không rõ lai lịch có tên Zalo “Thánh xạ l*n” bán xe cho Minh. CQĐT tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả đề nghị xử lý sau.

Hành vi của các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và xâm hại đến sức khỏe, thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”, “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”. Bị cáo Trương Đức T đã từng có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích thì T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Viện Kiểm sát quyết định truy tố bị cáo Trương Đức T về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết: phạm tội có tổ chức; sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm a, d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết: phạm tội có tổ chức; sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Dương Ngọc H đã có hành vi tiêu thụ tài sản là chiếc xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03, bị cáo Đinh Văn M đã có hành vi tiêu thụ tài sản là chiếc xe Honda Wave biển số 59S2-961.03 và chiếc xe Honda Future biển số 69B1-583.17, các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M biết rõ các tài sản này là do người khác phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua để bán lại kiếm lời. Hành vi của Dương Ngọc H và Đinh Văn M đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây trở ngại đến công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Do đó, Viện Kiểm sát quyết định truy tố bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M về tội “Tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ: 05 bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dương Ngọc H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tình tiết tăng nặng: 04 bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đinh Văn M phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt **Trương Đức T** về tội “Cướp tài sản” từ 09 năm đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt **Trần Thị Thanh Th** về tội “Cướp tài sản” từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt **Trần Hữu Ph** về tội “Cướp tài sản” từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt **Đinh Văn M** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt **Dương Ngọc H** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe máy Honda Wave Alpha màu xanh, biển số 59S2 - 961.03 do Đinh Văn M giao nộp. Xác minh xe do bà Nguyễn Thị Tâm V (sinh năm 1992, nơi thường trú: H, phường L, quận B, TP.HCM) đứng tên chủ xe. Lê Văn Mười H mua nhưng nhờ bà V đứng tên đăng ký. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe máy cho Lê Văn Mười H nên không đề nghị xem xét lại.

- Đối với 01 xe máy Honda Future màu xanh, biển số 69B1 - 583.17 do Đinh Văn M giao nộp. Xác minh xe do Phạm Thế S (sinh năm 2000, nơi thường trú: Phường L, TP C, tỉnh Cà Mau) đứng tên chủ xe bị mất trộm tại phường 5, quận Gò Vấp vào ngày 13/01/2024. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bàn giao xe máy nêu trên cho Công an quận Gò Vấp xử lý theo thẩm quyền nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Đối với 01 xe máy Attila màu sơn đen, biển số 51R6-3386 là phương tiện của Trương Đức T sử dụng thực hiện việc phạm tội. Xác minh xe do bà Lê Ngọc

D (nơi cư trú: Phường L, quận G, là mẹ của Trần Thị Thanh Th) đứng tên chủ xe nhưng giao cho Trương Đức T sử dụng. Bà D không biết việc T dùng xe này thực hiện tội phạm và từ chối nhận lại xe máy. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe máy Honda Vision, biển số 59V3-40937 là phương tiện của Dương Ngọc H sử dụng bị tạm giữ. H khai mua xe này của đối tượng không rõ lai lịch để làm phương tiện sử dụng, xe không có giấy đăng ký xe và không rõ nguồn gốc xe. Kết quả giám định số khung số máy đã bị mài, đục lại số, không xác định được số nguyên thủy nên không có căn cứ để xác định nguồn gốc xe này. Kết quả tra cứu thông tin đăng ký biển số 59V3-40937 do bà Nguyễn Thị Ngọc Ph (sinh năm 1978, nơi cư trú: QT, phường L, GV) đứng tên chủ xe, bà Ph vẫn đang quản lý sử dụng xe biển số này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 đoạn nhựa màu đỏ dài khoảng 30cm là cán cây chà sàn nhà vệ sinh đã bị gãy, là hung khí Trương Đức T dùng để đánh Lê Văn Mười H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 06 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu cam (thu giữ của Trần Thị Thanh Th); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 (thu giữ của Trương Đức T); 01 điện thoại di động hiệu Vivo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu xanh (thu giữ của Trần Hữu Ph); 01 điện thoại di động hiệu Oppo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu trắng (thu giữ của Dương Ngọc H); 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng (thu giữ của Đinh Văn M) là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Ngọc H khai nhận số tiền đã thu lợi bất chính từ việc bán xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 là 1.500.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Dương Ngọc H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Lê Văn Mười H đã nhận lại tài sản là xe máy bị chiếm đoạt. Đối với tiền và điện thoại H không yêu cầu bồi thường nên không đặt vấn đề giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay qua phần xét hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph thừa nhận ngày 10/01/2024, Trương Đức T là người chủ mưu cùng với Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph đã bàn bạc, phân chia nhiệm vụ để Th dụ dỗ bị hại là Lê Văn Mười H đến khách sạn Minh Tú, địa chỉ 100/27/4A ấp 3, xã Đ, huyện M để quan hệ tình dục và cướp tài sản của H. Khi Lê Văn Mười H đến khách sạn thì Th đã mở cửa và báo cho T và Ph đi vào phòng. Ph lấy điện thoại để quay hình ảnh H không mặc đồ và đe dọa, T dùng chân tay và cây chĩa bôn cầu đánh H, sau đó dùng 01 con dao dài khoảng 20cm đe dọa và dùng cán dao đánh vào đầu H. Khi H không thể chống cự thì T và Ph đã lấy trong bóp của H số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại Samsung A33 trị giá 3.000.000 đồng và 01 xe gắn máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 trị giá 8.000.000 đồng. Tổng tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 12.500.000 đồng.

Ngày 10/01/2024, Dương Ngọc H biết rõ xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 do Trương Đức T phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua với giá 3.500.000 đồng, sau đó bán lại cho một đối tượng có tài khoản zalo tên “Nam ice” không rõ lai lịch với giá 5.000.000 đồng. H thu lợi bất chính từ việc bán xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 số tiền là 1.500.000 đồng.

Ngày 12/01/2024 và 13/01/2024, Đinh Văn M lên mạng xã hội mua xe Honda Wave biển số 59S2-961.03 với giá 6.000.000 đồng và 01 xe Honda Future biển số 69B1-583.17 với giá 6.750.000 đồng từ những đối tượng không rõ lai lịch có tên Zalo “Nam ice” và “Thánh xạo l*n”. M biết rõ những xe này do người khác phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua để bán lại kiếm lời, M chưa bán thì bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và xâm hại đến sức khỏe, thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu đến trật

tự an toàn xã hội, đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”, “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”. Bị cáo Trương Đức T đã từng có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích thì T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo Dương Ngọc H đã có hành vi tiêu thụ tài sản là chiếc xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03, bị cáo Đinh Văn M đã có hành vi tiêu thụ tài sản là chiếc xe Honda Wave biển số 59S2-961.03 và chiếc xe Honda Future biển số 69B1-583.17, các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M biết rõ các tài sản này là do người khác phạm tội mà có nhưng vì ham lợi nên đã mua để bán lại kiếm lời. Hành vi của Dương Ngọc H và Đinh Văn M đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương, gây trở ngại đến công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự.

Do đó, Viện Kiểm sát quyết định truy tố bị cáo Trương Đức T về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết: phạm tội có tổ chức; sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm a, d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết: phạm tội có tổ chức; sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: trong vụ án này, giữa các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph có sự phân công, bàn bạc công việc cụ thể, trong đó bị cáo Trương Đức T là người chủ mưu, các bị cáo Trần Thị Thanh Th và Trần Hữu Ph có vai trò đồng phạm giúp sức cùng bị cáo T có hành vi làm cho bị hại Lê Văn Mười H lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt của bị hại số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại Samsung A33 và chiếc xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03.

Đối với các bị cáo Dương Ngọc H và Đinh Văn M mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng các bị cáo nhận thức rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vì mục đích tư lợi, muốn kiếm tiền nên bị cáo H và bị cáo M đã đồng ý tìm cách tiêu thụ tài sản của bị hại Lê Văn Mười H là chiếc xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 để hưởng lợi.

Bằng hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tiếp tay cho những hành vi phạm tội khác làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận không tốt trong nhân dân. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra và cần phải có hình phạt nghiêm để có giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm tương tự.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Bị cáo Trương Đức T có nhân thân xấu, 04 bị cáo Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết giảm nhẹ: Cả 05 bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Dương Ngọc Huy phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tình tiết tăng nặng: 04 bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đinh Văn M phạm tội 02 lần trở lên.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng có xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng như đã nêu trên để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện tại các bị cáo không nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về dân sự: Bị hại Lê Văn Mười H đã nhận lại tài sản là xe máy bị chiếm đoạt. Đối với tiền và điện thoại bị chiếm đoạt bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe máy Honda Wave Alpha màu xanh (số máy JA39E-0576412, số khung RLHJA3909HY601264), biển số 59S2 - 961.03, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe máy cho bị hại Lê Văn Mười H nên Hội đồng xét xử không xem xét lại (BL 216).

- Đối với 01 xe máy Honda Future màu xanh (số máy JC90E – 0106296, số khung RLHJC7656MY007419), biển số 69B1 - 583.17, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bàn giao xe máy nêu trên cho Công an quận Gò Vấp xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết (BL 232, 233).

- Đối với 01 xe máy Attila màu sơn đen (số máy VMM9BE-D403228, số khung RLGH125GD7D403228), biển số 51R6-3386 là phương tiện của Trương Đức T sử dụng thực hiện việc phạm tội. Xác minh xe do bà Lê Ngọc D (nơi cư

trú: Phường L, quận Gò Vấp, là mẹ của Trần Thị Thanh Th) đứng tên chủ xe nhưng giao cho Trương Đức T sử dụng. Bà D không biết việc T dùng xe này thực hiện tội phạm và từ chối nhận lại xe máy. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe máy Honda Vision (số máy JF66E0-257026, số khung 5811GY256981), biển số 59V3-40937 là phương tiện của Dương Ngọc H sử dụng bị tạm giữ. H khai mua xe này của đối tượng không rõ lai lịch để làm phương tiện sử dụng, xe không có giấy đăng ký xe và không rõ nguồn gốc xe. Kết quả giám định số khung số máy đã bị mài, đục lại số, không xác định được số nguyên thủy nên không có căn cứ để xác định nguồn gốc xe này. Kết quả tra cứu thông tin đăng ký biển số 59V3-40937 do bà Nguyễn Thị Ngọc Phg (sinh năm 1978, nơi cư trú: QT, phường L, Gò Vấp) đứng tên chủ xe, bà Ph vẫn đang quản lý sử dụng xe biển số này. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 đoạn nhựa màu đỏ dài khoảng 30cm là cán cây chà sàn nhà vệ sinh đã bị gãy, là hung khí Trương Đức T dùng để đánh Lê Văn Mười H, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 06 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu cam (thu giữ của Trần Thị Thanh Th); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 (thu giữ của Trương Đức T); 01 điện thoại di động hiệu Vivo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu xanh (thu giữ của Trần Hữu Ph); 01 điện thoại di động hiệu Oppo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu trắng (thu giữ của Dương Ngọc H); 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng (thu giữ của Đinh Văn M) là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Ngọc H thừa nhận số tiền đã thu lợi bất chính từ việc bán xe máy Honda Wave biển số 59S2-961.03 là 1.500.000 đồng. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần buộc bị cáo Dương Ngọc H nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Trương Đức T** về tội “Cướp tài sản” 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

1.2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh Th** về tội “Cướp tài sản” 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

1.3. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Trần Hữu Ph** về tội “Cướp tài sản” 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Đinh Văn M** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Dương Ngọc H** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2024.

2/. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn nhựa màu đỏ dài khoảng 30cm (cán cây chà sàn nhà vệ sinh bị gãy).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 06 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu cam (do Trần Thị Thanh Th giao nộp); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 (do Trương Đức T giao nộp); 01 điện thoại di động hiệu Vivo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu xanh (do Trần Hữu Ph giao nộp); 01 điện thoại di động hiệu Oppo có màn hình cảm ứng nắp lưng màu trắng (do Dương Ngọc H giao nộp); 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng (do Đinh Văn M giao nộp).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe máy Attila màu sơn đen (số máy VMM9BE-D403228, số khung RLG125GD7D403228), biển số 51R6-3386.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe máy Honda Vision (số máy JF66E0-257026, số khung 5811GY256981), biển số 59V3-40937.

(Vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn tạm giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số 566/LNK-CSĐT-HS ngày 08/4/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2024).

- Buộc bị cáo Dương Ngọc H nộp lại số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

3/. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Đức T, Trần Thị Thanh Th, Trần Hữu Ph, Dương Ngọc H và Đinh Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND H.Hóc Môn;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT Công an H.HM;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H.HM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày 01-8-2024

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn – Cán bộ hưu trí, nguyên hiệu trưởng trường tiểu học Quang Trung.

2. Bà Trần Thị Lệ – Trưởng phòng Lao động thương binh và xã hội thị xã Phú Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường G - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 năm 2024 và 01 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K, sinh ngày 23/01/2004 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị M; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Tấn P, tên gọi khác: Phát Gao; sinh ngày 27/8/2005 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn T1 và bà Nguyễn Thị C; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 03/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Tấn L, sinh ngày 02/5/2006 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

Nhân thân: Tại Bản án số 167/2024/HS – ST ngày 17/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Nguyễn Tấn L 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

4. Nguyễn Thành A, sinh ngày 22/01/2006 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Thanh H1; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Trường V, sinh ngày 09/10/2006 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thúy K1; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Văn L1, sinh ngày 16/3/2005 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K2 và bà Đặng Thị Kim Đ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

Nhân thân: Tại Bản án số 167/2024/HS – ST ngày 17/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Nguyễn Văn L1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

7. Lê Minh Q, sinh ngày 12/6/2006 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lê T3; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

8. Trần Phạm Tuấn K3, sinh ngày 15/01/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Đ1 và bà Phạm Ngọc T4; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

9. Nguyễn Lê Quốc A1, sinh ngày 10/9/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T5 và bà Lê Thị Ngọc P2; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Đình Sơn N1, sinh ngày 11/7/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sơn H2 và bà Nguyễn Thị Hải Y; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành A: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn L: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đình Sơn N2: Ông Nguyễn Sơn H2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trường V: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 và bà Trần Thúy K1, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Minh Q: Bà Nguyễn Thị Lệ T3, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1: Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Ngọc P2, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Phạm Tuấn K3: Ông Trần Đình Đ1, sinh năm 1978 và bà Phạm Ngọc T4, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Tấn L - Luật sư Lê Viết T6, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Lê Minh Q, Nguyễn Trường V - Luật sư Lê Thị T7, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

- Người bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1, Trần Phạm Tuấn K3 - Luật sư Lê Minh P3, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

Bị hại:

- Bà Lê Thị H3, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

- Bà Trương Thị T8, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lý Thị T9, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái

- Bà Đặng Thị Tuyết D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bà Lê Thị N3, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đội 3, thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Duy P4, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Hồ Thị Cẩm L3, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn P5, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Trần Văn M1, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Lê Văn T10, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số C đường số A, khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Thúy A2, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Minh T11, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Trần Phạm Quang V1, sinh năm 2001 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn

Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 cùng nhau bàn bạc sẽ điều khiển xe mô tô mang theo hung khí nguy hiểm là tuýp sắt, dao tự chế đi đến quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Cụ thể, K, P mang theo dao tự chế trực tiếp đi vào trong quán dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với chủ quán hoặc khách đến uống nước để cướp tài sản, L mang theo tuýp sắt để hỗ trợ K, P và đập bể các Camara trong quán (nếu có), còn A, V, Q, K3, A, N1, L1 sẽ đứng ở bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe chờ sẵn. Sau khi K, P, L cướp được tài sản sẽ chạy ra ngoài lên xe rồi cả nhóm tẩu thoát. Với thủ đoạn như trên, từ ngày 17/12/2023 đến ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Vụ thứ 01: Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 rủ nhau đi tìm các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. K, L ra phía sau căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A lấy 02 cây dao tự chế giấu trong áo khoác, sau đó K3 điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 72E1-905.47 chở theo S, V, còn Quốc A1 điều khiển xe Wave màu xanh, biển số: 72E1-920.50 chở theo K, L đi đến quán cà phê “Kim Ngân” ở khu phố V, phường P, thị xã P do bà Lê Thị H3 làm chủ. Khi đến trước quán, K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà H3 cướp số tiền 220.000 đồng rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 2: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Kim Ngân”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 tiếp tục đi đến quán cà phê vông “368” ở khu phố S, phường T, thị xã P do bà Trương Thị T8 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà T8 cướp số tiền 500.000 đồng rồi ra ngoài tẩu thoát.

Vụ thứ 3: Sau khi rời khỏi quán cà phê vông “368”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 tiếp tục di chuyển đến quán cà phê “Biển Nhớ” thuộc khu phố S, phường T, thị xã P do bà Nguyễn Thị Bích L2 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài cảnh giới, còn K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa không chế bà L2 cướp số tiền 200.000 đồng. Lúc này, trong quán còn có một vị khách nam (không rõ nhân thân, lai lịch) đến uống nước cũng bị K, L đe dọa cướp số tiền 200.000 đồng. Sau khi cướp được tài sản của bà L2 và người khách nam, K, L chạy ra trước quán lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 4: Sau khi cướp tài sản ở quán cà phê “Biển Nhớ”, Nguyễn Minh K nói Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Đình Sơn N2 đi về trước để Nguyễn Lê Quốc A1 chở Nguyễn Tấn L với K đi công việc. Sau đó, K nói Quốc A1 chở K, L đến quán cà phê “Hồ N” thuộc khu phố V, phường P, thị xã P do bà Lý Thị T9 làm chủ. Quốc A1 dừng xe trước quán nổ máy đứng đợi sẵn còn K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa khống chế bà T9 cướp số tiền 100.000 đồng. Sau khi cướp được tài sản của bà T9, K, L chạy ra trước quán lên xe tẩu thoát cùng Quốc A1.

Sau khi thực hiện các vụ cướp trên, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A ở khu phố P, phường M, thị xã P để kiểm tra tiền cướp được. K và L lấy tiền trong túi ra đếm được khoảng hơn 1.120.000 đồng. Lúc này, do Lê Tấn P bị thương đang ngủ tại chòi nên K đưa cho P 500.000 đồng để thay băng vết thương, số tiền còn lại cả nhóm dùng để mua đồ về ăn nhậu chung.

Vụ thứ 05: Khoảng 22 giờ ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản, cả nhóm đồng ý. Sau đó A điều khiển xe Wave màu xanh BKS: 72E1-920.50 của Quốc A1 chở K, P mang theo 02 cây dao tự chế, Q điều khiển xe Wave màu xanh BKS: 72E1-905.47 của K3 chở L mang theo 01 tuýp sắt đi đến quán “Cà phê giải khát” ở khu phố S, phường T, thị xã P do bà Đặng Thị Tuyết D làm chủ. A, Q đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K tiếp tục cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà D cướp số tiền 500.000 đồng rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn. Sau đó, cả nhóm chạy xe về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A lấy số tiền vừa cướp được đi mua đồ để cả nhóm nhậu chung.

Vụ thứ 06: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/12/2023, sau khi ăn nhậu tại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Sau đó, L1 điều khiển xe Dream (không rõ biển số) mượn của bạn (không rõ lai lịch) chở theo Q và L, trong đó L cầm theo một cây ống tuýp sắt. A điều khiển xe Wave màu xanh BKS: 72E1-920.50 của Quốc A1, chở theo K và P, mỗi người cầm theo một con dao tự chế đi đến quán cà phê “Trở Lại” thuộc thôn P, xã T, thị xã P do bà Nguyễn Thị H4 làm chủ. A, Q, L1 đứng bên ngoài cảnh giới còn K, P, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà H4 rồi cướp số tiền 300.000 đồng. Sau đó, K, L, P còn đập phá thêm 05 cái bàn và 02 cái ghế nhựa rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 07: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Trở lại”, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 tiếp tục điều khiển xe đến quán cà phê “Chờ bạn 72” thuộc thôn P, xã T, thị xã P do bà Lê Thị N3 làm chủ. Lúc này A, Q, L1 dừng xe trước quán, nổ máy xe đợi sẵn còn K, L, P xuống xe cầm hung khí chạy vào quán. Trong quán lúc này có ông Nguyễn Duy P4 đang ngồi uống cà phê nói chuyện với bà Hồ Thị Cẩm L3 và bà Phạm Thị H5. Lúc này K, L và P cầm hung khí đập phá bàn ghế trong quán và chạy về phía anh P4 đang ngồi, đưa dao tự chế hướng vào người anh P4 để đe dọa và yêu cầu anh P4 đưa tiền. P lục trong người anh P4 lấy ra 01 cái ví, P mở ví lấy số tiền 8.000.000 đồng và 300 USD rồi đưa ví lại cho anh P4, khi anh P4 định chống trả thì P dùng dao chém một nhát vào tay phải gây thương tích cho anh P4. P, K, L còn dùng hung khí đe dọa cướp của bà L3 cướp số tiền 400.000 đồng. Riêng bà H5 chạy ra phía sau trốn được nên không bị thiệt hại tài sản. Khi cướp tài sản, P và L còn đập phá thêm 02 mắt camera của quán rồi mang theo ra ngoài tẩu thoát cùng đồng bọn.

Sau khi cướp được tiền, cả nhóm về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A để cất giấu hung khí và phương tiện. P, K, A thống nhất cất giấu riêng số tiền 5.500.000 đồng, riêng số tiền 300 USD Phát tự cất riêng không có nói cho ai biết và chỉ thông báo cho cả nhóm biết là lấy được 3.200.000 đồng và chia cho 06 người, mỗi người 300.000 đồng để tiêu xài. Còn lại K giữ để mua đồ nhậu cho cả nhóm. Số tiền 5.500.000 cất giấu riêng thì P chia cho K 2.000.000 đồng, A 1.500.000đ. Còn số tiền 300 USD Phát tự đi đổi thành tiền Việt Nam đồng ở một tiệm vàng (không rõ tên, địa chỉ) trên đường bỏ trốn và sử dụng tiêu xài cá nhân riêng.

Vụ thứ 08: Khoảng 22 giờ ngày 26/12/2023, sau khi ăn nhậu tại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thanh A3, Nguyễn Trường V rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Sau đó, A3 điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 72E1-905.47 của K3 chở L cầm theo một cây ống tuýp sắt giấu trong áo khoác ngoài, V điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 72E1-920.50 của Quốc A1 chở theo K và P, mỗi người cầm theo một con dao tự chế giấu trong áo khoác đi đến quán cà phê “Hoa Hồng Đỏ” thuộc ấp F, xã T, thị xã P, tỉnh BR-VT do ông Nguyễn Văn P5 làm chủ. A3 và V đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào quán rồi dùng dao chém vào những chai nước trên quầy, đồng thời yêu cầu ông P5 phải đưa tiền, còn L đi tìm, đập phá 01 mắt camera trong quán và lấy mang ra ngoài đứng cảnh giới cùng với V, A3. Lo sợ sẽ bị các đối tượng chém gây thương tích cho mình nên ông P5 đã đưa cho K, P số tiền khoảng 400.000 đồng. Sau khi lấy tiền xong P, K đi ra ngoài lên xe của V, A3, L đang đợi trước quán rồi tẩu thoát.

Vụ thứ 09: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Hoa Hồng Đỏ”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thanh A3, Nguyễn Trường V tiếp tục điều khiển xe đi đến quán cà phê “P” thuộc ấp A, xã T, thị xã P, tỉnh BR-VT do ông Trần Văn M1 cùng vợ là Trần Thị N4 làm chủ. Trong quán lúc này có ông Nguyễn Văn Đ2 đang ngồi uống nước. A3 và V dừng xe trước quán đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào quán. L cầm hung khí đi tìm camera của quán để đập rồi lấy mang ra ngoài đứng cảnh giới cùng A3, V. K, P chạy đến vị trí chòi nơi anh Đ2 đang ngồi uống nước, P dùng hung khí chém vào cánh tay phải, đầu gối phải, đầu gối trái và yêu cầu ông Đ2 đưa tiền. Do ông Đ2 không có tài sản trong người nên K, P, L chạy vào phòng khách nơi ông M1 và bà N4 đang ngồi rồi dùng hung khí đe dọa ông M1, bà N4 để cướp tài sản. Lo sợ bị chém nên ông M1 đưa ví cho P, P lấy hết số tiền 200.000 đồng trong ví rồi trả lại ví cho ông M1. Sau đó, K, P yêu cầu ông M1 bà N4 đi vào trong nhà đóng cửa lại để cả hai ra ngoài lên xe tẩu thoát.

Vụ thứ 10: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Phát Đạt”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V tiếp tục điều khiển xe đi đến quán Cà phê “Nhụy Thủy” ở thôn P, xã T, thị xã P do bà Danh Thị Bích H6 làm chủ. Lúc này trong quán có ông Lê Văn T10 đang ngồi uống nước tại quán. A và V đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào trong quán, P kề dao vào cổ của ông T10 đe dọa, còn K, L lục lọi trên người ông T10 lấy số tiền 520.000 đồng và 100USD. Sau đó, cả ba ra ngoài lên xe của A, V đang đợi sẵn để tẩu thoát.

Vụ thứ 11: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Nhụy Thủy”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V đi đến quán cà phê “Loan A4” ở khu phố P, phường M, thị xã P do bà Nguyễn Thị Thúy A2 làm chủ. A2, V đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn còn P, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán để đe dọa cướp tài sản. Lúc này trong quán có ông Lê Minh T11 đang chuẩn bị lấy xe về thì K, P cầm hung khí chạy tới chỗ ông T11 đe dọa cướp tài sản. Khi P thấy ông T11 có tiền ở túi áo sơ mi nên đã choàng tay lấy đồng thời dùng dao chém một nhát vào bắp tay trái để đe dọa, lúc này ông T11 giật tiền lại rồi chạy vào trong quán cà phê Loan A4 và kêu bà Thúy A2 báo Công an. P, L, K cầm hung khí đuổi theo vào bên trong. Lúc này, ông T11 lấy được 01 cây sắt ở trong quán dùng để tự vệ thì bị P dùng dao chém vào tay gây thương tích, ông T11 hoảng sợ nên trốn vào trong quán. P, K, L không đuổi theo nữa mà leo lên bệ camera cùng bộ nhớ camera lấy đi rồi ra tiếp tục đập phá một cái bàn và 02 ghế nhựa trong quán. Trước khi ra ngoài tẩu thoát L còn lấy thêm 01 lốc nước 06 chai Sting và 01 lốc nước 06 chai C2.

Sau khi thực hiện các vụ cướp nêu trên, cả nhóm di chuyển về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thanh A3 cất dấu hung khí. P có đưa tiền cướp được ra đếm thì được tổng cộng khoảng 1.120.000 đồng và 01 tờ 100USD. Số tiền cướp được, các đối tượng đã mua đồ ăn nhậu chung.

Quá trình làm việc tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 33/KLTTCT-PYBRVT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B-VT kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy P4 tại thời điểm giám định là 02% (Hai phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 36/KLTTCT-PYBRVT ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B-VT kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Minh T11 tại thời điểm giám định là 05% (Năm phần trăm). Ông Lê Minh T11 có đơn yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của K, L, P, A, V.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐ.DGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận:

- 05 (năm) bàn nhựa loại thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 02 (hai) ghế nhựa lưng tựa thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐ.DGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận:

- 300 USD (ba trăm đô la Mỹ). Tại thời điểm ngày 21/12/2023 tài sản có giá là : 300 USD x 24.100 đồng = 7.230.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng)

- 02 (hai) bộ camera kèm thẻ nhớ, không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2022. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 01 (một) bàn nhựa loại thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2022. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐ.ĐGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã P kết luận: 01 (một) bộ camera kèm thẻ nhớ, không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 03/2022. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 23/KL-HĐ.ĐGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận: 100 USD (một trăm đô la Mỹ). Tại thời điểm ngày 26/12/2023 tài sản có giá là: 100 USD x 24.100 đồng = 2.410.000 đồng (hai triệu, bốn trăm mười ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐ.ĐGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận:

- 01 (một) bộ camera kèm thẻ nhớ, nhãn hiệu IMOU loại quay 360 độ, không rõ cấu hình đặc điểm chi tiết mua mới vào khoảng tháng 06/2023. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về cấu hình, đặc điểm chi tiết).

- 02 (hai) bàn nhựa loại thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 12/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 01 (một) ghế nhựa lưng tựa thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 12/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 06 (sáu) chai nước ngọt Sting mua đầu tháng 12/2023. Tại thời điểm ngày 26/12/2023 tài sản có giá trị là 8.000đ/chai x 6 chai = 48.000đ (bốn mươi tám ngàn đồng).

- 06 (sáu) chai nước ngọt C2 mua vào đầu tháng 12/2023. Tại thời điểm ngày 26/12/2023 tài sản có giá trị là 7.000đ/chai x 6 chai = 42.000đ (bốn mươi hai ngàn đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền do các bị cáo cướp được của các bị hại đã tiêu xài hết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không thu hồi được.

- Đối với số mất Camara Nguyễn Tấn L lấy khi cướp tài sản tại các quán cà phê, L đã vứt trên đường đi và không nhớ địa điểm; chiếc xe Dream (không rõ biển số) Nguyễn Văn L1 mượn của bạn (không rõ nhân thân lai lịch) và đã trả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không thu giữ được.

- Đối với 01 xe mô tô BKS: 72E1-920.50 loại xe Honda Wave, màu xanh-bạc thu giữ của Nguyễn Lê Quốc A1 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T5 (bố ruột của Quốc A1); 01 xe mô tô BKS: 72E1-905.47, loại xe Honda Wave,

màu xanh-đen-bạc thu giữ của Trần Phạm Tuấn K3 là tài sản hợp pháp của Trần Phạm Quang V1 (anh ruột của K3). Việc K, K3 sử dụng các xe mô tô trên để đi cướp tài sản ông T5, ông V1 không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại 02 xe mô tô trên cho ông T5, ông V1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 225/QĐ Ngày 21/02/2024, số 547/QĐ ngày 12/04/2024.

- Đối với 01 con dao dài tự chế, lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán được ốp bằng gỗ, lưỡi dao có một cạnh sắc và một cạnh tù, mũi dao nhọn, dao dài 63cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 5,5cm; 01 con dao dài tự chế, lưỡi bằng kim loại đã bị rỉ sét được hàn với một cán dao bằng ống tuýp sắt, lưỡi dao có một cạnh sắc và một cạnh tù, mũi dao nhọn, dao dài 75cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 5,5cm; 01 ống tuýp sắt, đã bị cong vênh, có chiều dài là 96,5cm thu giữ tại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A đã chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ bảo quản, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với các bị hại Trần Văn M1, Nguyễn Văn P5, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thúy A2, Lý Thị T9, Hồ Thị Cẩm L3, Lê Thị N3, Nguyễn Thị Bích L2, Lê Minh T11 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cũng như hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đối với các bị hại Nguyễn Duy P4, Lê Văn T10, Lê Thị H3, Trương Thị T8, Đặng Thị Tuyết D, gia đình các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại trên, các bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Ngoài các vụ cướp tài sản trên, vào ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q còn cướp của bà T3 (không rõ nhân thân lai lịch) 300.000 đồng tại quán cà phê “Đông Nhi” thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cướp của một người khách nam (không rõ nhân thân lai lịch) tại quán cà phê “Biển Nhớ”. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục xác minh, tìm kiếm người bị hại, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q vào quán cà phê “Biển Nhớ” của bà Nguyễn Thị Bích L2 để cướp tài sản nhưng bà L2 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì; ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V vào quán cà phê tên “179” của bà L4 để cướp tài sản nhưng bà L4 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì. Vì các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì và cũng không nhắm đến chiếm đoạt cụ thể tài sản nào nên không xử lý các bị cáo đối với những hành vi trên.

Đối với hành vi đập phá bàn, ghế, Camera của các bị cáo khi vào cướp tài sản tại các quán cà phê, do không định giá được giá trị tài sản nên không đủ cơ sở để xử lý các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Chờ bạn 72” của bà Lê Thị N3, các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Nguyễn Duy P4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 02%. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông P4 đã có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự nên hành vi của các bị cáo không cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Tấn P, khi nhận số tiền 500.000 đồng của K cho, P không biết đây là số tiền do nhóm K vừa đi cướp tài sản mà có. Vì vậy, hành vi của P không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 05/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Truy tố Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 phạm tội “Cướp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Minh K mức án từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Minh K mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

4. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V mỗi bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

5. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L1 từ 07 (sáu) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

6. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1 mỗi bị cáo từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

7. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Sơn N2 mỗi bị cáo từ 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 con dao tự chế, 01 ống tuýp sắt là hung khí các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Viết T6 đối với bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Tấn L: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo thì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công ban đầu trước khi đi cướp tài sản nên chỉ là đồng phạm giản đơn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm a Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự về phạm tội có tổ chức là không phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Gia đình các bị cáo A, N1, L đã bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Thị T7 đối với bị cáo Lê Minh Q, Nguyễn Trường V: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố bị cáo Q, V về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo thì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công ban đầu trước khi đi cướp tài sản nên chỉ là đồng phạm giản đơn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm a Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự về phạm tội có tổ chức là không phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Gia đình các bị cáo Q, V đã bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Minh P3 đối với bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1, Trần Phạm Tuấn K3: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố bị cáo Q, V về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo thì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công ban đầu trước khi đi cướp tài sản nên chỉ là đồng phạm giản đơn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm a Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự về phạm tội có tổ chức là không phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo tham gia với vai trò cảnh giới, không sử dụng vũ khí để tấn công bị hại. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Gia đình các bị cáo A1, K3 đã bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo L, A, V, Q, K3, A, N1 đều thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư:

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nhưng các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ, tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo khi thực hiện các vụ cướp tài sản. Trong một khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, gây mất an ninh trật tự, tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tại điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến

hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2023, tại phường P và phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của bà Lê Thị Kim H7 số tiền 220.000 đồng tại quán cà phê “Kim Ngân”; chiếm đoạt của bà Trương Thị T8 số tiền 500.000 đồng tại quán cà phê vông “368”; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 200.000 đồng tại quán cà phê “Biển nhớ”. Ngoài ra Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Lê Quốc A1 còn chiếm đoạt thêm của bà Lý Thị T9 số tiền 100.000 đồng tại quán cà phê “Hồng Ngọc”.

Khoảng 22 giờ ngày 19/12/2023, tại quán “Cà phê giải khát” thuộc phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của bà Đặng Thị Tuyết D số tiền 500.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 21/12/2023, tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H4 số tiền 300.000 đồng tại quán cà phê “Trở lại”; chiếm đoạt của ông Nguyễn Duy P4 số tiền 8.000.000 đồng, 300.000 USD trị giá 7.230.000 đồng, chiếm đoạt của bà Hồ Thị Cẩm L3 số tiền 400.000 đồng tại quán cà phê “Chờ bạn 72”.

Khoảng 22 giờ ngày 26/12/2023, tại xã T, xã T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P5 số tiền 400.000 đồng tại quán cà phê Hoa Hồng Đ3; chiếm đoạt của ông Trần Văn M1 số tiền 200.000 đồng tại quán cà phê “Phát Đạt”; chiếm đoạt của ông Lê Văn T10 số tiền 520.000 đồng, 100 USD trị giá 2.410.000 đồng tại quán cà phê “Nhụy T12”; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thúy A2 06 chai nước Sting, 06 chai nước C2 tổng trị giá 90.000 đồng tại quán cà phê “Loan Anh”.

Như vậy, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L đã tham gia 04 ngày, thực hiện tất cả 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 21.070.000 đồng; Lê Tấn P, Nguyễn Thành A đã tham gia 03 ngày, thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 20.050.000 đồng; Nguyễn Trường V đã tham gia 02 ngày, thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 4.540.000 đồng; Lê Minh Q đã tham gia 02 ngày, thực hiện 03 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 16.430.000 đồng; Nguyễn Lê Quốc A1 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 04 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 1.020.000 đồng; Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Đình Sơn N2 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 03 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 920.000 đồng; Nguyễn Văn L1 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 02 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 15.930.000 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Loan Anh” ở khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V còn có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế chém gây thương tích cho ông Lê Minh T11 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 05%. Ông T11 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của K, L, P, A, V.

Do đó, hành vi của các bị cáo K, P, L, A, V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về khung hình phạt: Các bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là ống tuýp sắt, dao tự chế để khống chế, đe dọa các bị hại, tấn công các bị hại để nhằm chiếm đoạt tài sản. Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nhưng các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ, tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo khi thực hiện các vụ cướp tài sản. Trong một khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, gây mất an ninh trật tự, tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi gây thương tích cho ông T11, các bị cáo K, P, L, A, V đã sử dụng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho ông T11 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%, ông T11 có đơn yêu cầu truy tố các bị cáo. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò và tính chất mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tuy không có sự bàn bạc, phân công, lên kế hoạch cụ thể cho từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo, khi thực hiện các vụ cướp các bị cáo đều có sự câu kết chặt chẽ với nhau do đó hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức.

Trong vụ án này Nguyễn Minh K đã khởi xướng và rủ rê các bị cáo L, V, P, A, K3, A, L1 tham gia, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cũng trực tiếp dùng hung khí đe dọa bị hại để cướp tài sản. Do đó bị cáo tham gia với vai trò chính, các bị cáo P, L, V, A, Q, K3, A, N2, L1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực. Để có căn cứ quyết định hình phạt cần xác định cụ thể số vụ của từng bị cáo tham gia, tính chất, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo để lượng hình phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh K là người đã thành niên nhưng có hành vi xúi dục người chưa thành niên là các bị cáo L, V, A, K3, Quốc A1 thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo L, A, V, Q, K3, A, N2, Lũy quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại có yêu cầu bồi thường. Do đó cần áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4.3]. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của ông T11, xâm phạm đến hoạt động kinh doanh của các quán cà phê trên địa bàn thị xã P, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên đối với các bị cáo cần có một hình phạt nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh K, K là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia và đã xuyên suốt thực hiện 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 21.070.000 đồng. Khi thực hiện các vụ cướp tài sản bị cáo cũng là người thực hành chính và tích cực. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Lê Tấn P, khi được K rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 20.050.000 đồng. Khi thực hiện các vụ cướp tài sản bị cáo cùng với K là người thực hành chính và tích cực. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Nguyễn Tấn L, khi được K rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 21.070.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là đập bỏ các mắt camera có trong quán, giúp sức cho các bị cáo K, P thực hiện trót lọt các vụ cướp. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm

tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với Nguyễn Văn L1, khi được K rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 02 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 15.930.000 đồng. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Nguyễn Thành A, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 07 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 20.050.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo K, P đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với Nguyễn Trường V, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 07 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 4.540.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo K, P đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với Lê Minh Q, khi được L rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 16.430.000 đồng. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Phạm Tuấn K3, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 920.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo khác đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 04 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 1.020.000 đồng.

Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo khác đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình Sơn N2, khi được L rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 920.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo khác đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Văn M1, Nguyễn Văn P5, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thúy A2, Lý Thị T9, Hồ Thị Cẩm L3, Lê Thị N3, Nguyễn Thị Bích L2, Lê Minh T11 không yêu cầu các bị can phải bồi thường thiệt hại cũng như hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đối với các bị hại Nguyễn Duy P4, Lê Văn T10, Lê Thị H7, Trương Thị T8, Đặng Thị Tuyết D, gia đình các bị can Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại trên, các bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 02 con dao tự chế, 01 ống tuýp sắt là hung khí các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

[8]. Về các vấn đề khác: Ngoài các vụ cướp tài sản trên, vào ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q còn cướp của bà T3 (không rõ nhân thân lai lịch) 300.000 đồng tại quán cà phê “Đồng Nhi” thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cướp của một người khách nam (không rõ nhân thân lai lịch) tại quán cà phê “Biển Nhớ”. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục xác minh, tìm kiếm người bị hại, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q vào quán cà phê “Biển Nhớ” của bà Nguyễn Thị Bích L2 để cướp tài sản nhưng bà L2 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì; ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V vào quán cà phê tên “179” của bà L4 để cướp tài sản nhưng bà L4 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì. Vì các

bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì và cũng không nhắm đến chiếm đoạt cụ thể tài sản nào nên không xử lý các bị cáo đối với những hành vi trên.

Đối với hành vi đập phá bàn, ghế, Camera của các bị cáo khi vào cướp tài sản tại các quán cà phê, do không định giá được giá trị tài sản nên không đủ cơ sở để xử lý các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Chờ bạn 72” của bà Lê Thị N3, các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Nguyễn Duy P4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 02%. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông P4 đã có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự nên hành vi của các bị cáo không cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Tấn P, khi nhận số tiền 500.000 đồng của K cho, P không biết đây là số tiền do nhóm K vừa đi cướp tài sản mà có. Vì vậy, hành vi của P không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P (tức P), Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V phạm tội “Cướp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”;

Các bị cáo Nguyễn Văn L1, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm o, g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh K 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh K 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Minh K phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

2. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Lê Tấn P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2024.

3. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Tấn L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

4. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trường V 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trường V 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Trường V phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

5. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Thành A phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

6. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

7. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Minh Q 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

8. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Phạm Tuấn K3 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

9. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Sơn N2 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

10. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Lê Quốc A1 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

11. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

12. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) dao tự chế dài 63cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có một cạnh sắc và một cạnh tù, lưỡi dao chỗ rộng nhất 5,5cm, mũi dao nhọn, cán được ốp bằng gỗ; 01(một) dao tự chế dài 75cm, lưỡi dao bằng kim loại đã rỉ sét có một cạnh sắc và một cạnh tù, lưỡi dao chỗ rộng nhất 5,5cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao được hàn với cán bằng ống tuýp sắt và 01(một) ống tuýp sắt dài 96,5cm đã bị cong vênh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 123/BB-CCTHADS ngày 30/7/2024 giữa Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ).

13. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn).

14. Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thu Hiền

Bản án số: 244/2024/HS-ST

Ngày 24-9-2024

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lại Hữu Tâm.

Bà Trương Thị Kim Chơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai N - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 304/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/12/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: A14/28A Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Minh T1 và bà Cao Thị V; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2023 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Dương Văn N1, sinh ngày 13/01/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: A14/4 Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2023 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Đặng Thị Yến N2, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2001 tại An Giang; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Chỗ ở: A Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không;

Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn K và bà Trần Thị Hồng N3; Bị cáo chưa có chồng và có 01 người con sinh năm 2023; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/8/2024 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bị hại:

1.1. Ông Phùng Quốc T2, sinh năm 1997 - *(vắng mặt)*

Địa chỉ: 24/13/6 Đ, Khu phố H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Huỳnh Tấn V1, sinh năm 2000 - *(vắng mặt)*

Địa chỉ: F Ấp F, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.2.1 Ông Trương Vĩnh T3, sinh năm 1963 - *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

2.2.2. Ông Đỗ Hoàng G, sinh năm 1965 - *(vắng mặt)*

Địa chỉ: A B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị Yến N2 và Nguyễn Minh T sống chung với nhau như vợ chồng, cả hai cùng quen biết với Dương Văn N1. Do cần tiền tiêu xài nên T rủ N2 và N1 cướp tài sản thì N2 và N1 đồng ý. Tán phân công nhiệm vụ cho từng người như sau: Tán chuẩn bị dao, N2 sử dụng ứng dụng Facebook, Z kết bạn với các nam thanh niên và hẹn bị hại gặp mặt, còn N1 là người dẫn đường cho bị hại đến khu vực vắng vẻ rồi cùng T dùng hung khí đe dọa để cướp tài sản. Với phương thức và thủ đoạn nêu trên Nguyễn Minh T, Dương Văn N1 và Đặng Thị Yến N2 đã thực hiện 04 vụ cướp tài sản trên địa bàn huyện B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 21/7/2023, N2 nhắn tin hẹn gặp một nam thanh niên trên mạng xã hội tại bãi đất trống thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B. Sau đó, N1 điều khiển xe Honda Cup biển số 62M1-1096 đón nam thanh niên chờ đến địa điểm trên. Đến nơi, N1 cầm dao Thái Lan, còn T từ trong bụi rậm đi ra cầm theo dao tự chế và bình xịt hơi cay đe dọa cướp của nam thanh niên 01 điện thoại di động và số tiền 50.000 đồng. Sau đó, T bán điện thoại cho P (không rõ lai lịch) được số tiền 950.000 đồng rồi T, N1 và N2 chia nhau tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã có thông báo tìm bị hại nhưng chưa có kết quả nên tách ra để điều tra xử lý sau.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 23/7/2023, N2 sử dụng tài khoản Z lấy tên “H1” nhắn tin hẹn gặp ông Phùng Quốc T2 tại chân cầu C thuộc Ấp A, xã H, huyện B. Khi T2 đến điểm hẹn thì N2 nhắn tin kêu T2 đến khu đất

trông thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B. Đến nơi, T2 nhìn thấy T đã dừng xe mô tô loại Wave (không rõ biển số) chờ sẵn. Lúc này, N1 cầm dao Thái Lan đe dọa và cướp của T2 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, 01 cái bóp da trong bóp có số tiền 250.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân đã cắt góc, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM ngân hàng T5 (trong tài khoản không có tiền), 01 giấy đăng ký xe biển số 62F1-223.02 mang tên Phùng Quốc T2. Sau khi cướp được tài sản, T bán giấy tờ tùy thân của Phùng Quốc T2 cho người thanh niên trên mạng (không rõ lai lịch) được số tiền 800.000 đồng rồi T, N1 và N2 chia nhau tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được. Còn chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi cướp được, T mang đổi lấy chiếc điện thoại hiệu Oppo F1S của người thanh niên tên B (không rõ lai lịch) để sử dụng cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số: 1018/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện B xác định: *Trị giá của 01 điện thoại di động Xiaomi là 990.000 đồng, 01 bóp da do không xác định được nhãn hiệu, kiểu dáng, kích thước, thời điểm đưa vào sử dụng nên không xác định giá. Cộng với số tiền 250.000 đồng, tổng giá trị tài sản T, N1 và N2 định chiếm đoạt của bị hại T2 là 1.240.000 đồng.*

Vụ thứ ba: Ngày 05/8/2023, N2 nhắn tin hẹn gặp một nam thanh niên trên mạng xã hội. Khoảng 20 giờ cùng ngày, nam thanh niên đi xe ôm công nghệ Grap đến, N1 điều khiển xe Honda Cup biển số 62M1-1096 đến đón nam thanh niên chở đến bãi đất trống thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B. Khi vừa đến địa điểm trên, N1 cầm dao Thái Lan, còn T cầm theo dao tự chế đe dọa và cướp của nam thanh niên 01 điện thoại di động bị bể màn hình và số tiền 350.000 đồng, lúc này do nam thanh niên xin lại số tiền 200.000 đồng nên T trả lại. Sau đó, T cùng với N1 bỏ đi về. Tín đem chiếc điện thoại di động vừa cướp được bán cho người thanh niên (không rõ lai lịch) trên mạng được số tiền 150.000 đồng, rồi T, N1 và N2 chia nhau tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã có thông báo tìm bị hại nhưng chưa có kết quả nên tách ra để điều tra xử lý sau.

Vụ thứ tư: Vào khoảng đầu tháng 8/2023, ông Huỳnh Tấn V1 quen biết với N2 qua mạng xã hội Facebook. Sau đó, N2 sử dụng tài khoản Z lấy tên “Lâm Gia K1” kết bạn Zalo với V1. Ngày 22/8/2023, T sử dụng điện thoại của N2 nhắn tin cho V1 hẹn xuống nhà chơi thì V1 đồng ý (khi đi V1 mang theo trong người 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 và số tiền 6.445.000 đồng). Sau đó, T nhắn tin tiếp kêu V1 đứng đợi ở cuối đường V nhưng do không rành đường nên V1 đứng ở đường P thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B rồi gửi vị trí vào điện thoại của N2. Khoảng 12 giờ 35 phút cùng ngày, N1 điều khiển xe Honda Cup biển số 62M1-1096 đến hỏi V1 có phải bạn của “chị K1” không rồi N1 dẫn V1 đến bãi đất trống thuộc Ấp A, xã H, huyện B để thực hiện hành vi cướp tài sản của Huỳnh Tấn V1 bao gồm tiền mặt và điện thoại di động thì bị Công an tuần tra phát hiện, bắt giữ N1. Qua điều tra, N1 đã khai nhận cùng với T, N2 đang chuẩn bị thực hiện hành vi cướp tài sản của Huỳnh Tấn V1 bao gồm tiền mặt và điện thoại di động thì bị Công an bắt.

Kết luận định giá tài sản số: 1017/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện B xác định: *Trị giá của chiếc điện thoại di động hiệu S A12 là 1.400.000 đồng, cộng với số tiền 6.445.000 đồng, tổng giá trị tài sản T, N1 và N2 định chiếm đoạt của bị hại V1 là 7.845.000 đồng.*

Kết luận giám định số: 9611/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng K2 Công an Thành phố H đối với bình xịt dạng trụ tròn, có chữ NATO, dung tích 110ml xác định:

- *Đối tượng gửi giám định là bình xịt hơi cay, không xác định được nguồn gốc, xuất xứ, là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự.*

- *Đối tượng gửi giám định chứa hợp chất hơi cay, khi cơ thể tiếp xúc với hơi cay trong bình xịt tùy thuộc vào mức độ tiếp xúc sẽ gây chảy nước mắt, ho, bỏng rát các vị trí tiếp xúc, gây khó thở, nôn mửa.*

* Vật chứng thu giữ:

- *Thu giữ của bị hại Huỳnh Tấn V1: 01 (một) xe mô tô biển số 59N2-190.21 số khung RLCS16S40BY017918; số máy 16SB022526 do ông Huỳnh Văn T4 (cha của V1) đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh, số seri R58R54J5E9Z, số IMEI: 352884794279951; 01 (một) sim số 0938155143 và số tiền 6.445.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả lại cho bị hại Huỳnh Tấn V1.*

- *Thu giữ của Nguyễn Minh T:*

+ 01 (một) dao Thái Lan cán vàng lưỡi dao dài 12 cm, cán dao dài 9 cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán dài khoảng 14cm; 01 (một) dao bấm kim loại, lưỡi dài khoảng 09cm, cán dài khoảng 10cm; 01 (một) bình xịt hơi cay hiệu NATO màu xanh nắp đen dung tích 110ml; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh; 01 (một) quần Jeans màu đen; 01 (một) áo thun có cổ sọc đỏ trắng có logo màu vàng; 01 áo khoác màu đen hiệu Adidas sọc trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay có cổ áo và cổ tay sọc caro màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen; 01 (một) quần dài màu đen.

+ 01 (một) điện thoại Oppo F1S màu hồng số seri KRU8CYW499999999, số IMEI: 683091034019690, sử dụng vào việc phạm tội.

- *Thu giữ của Dương Văn N1: 01 (một) xe mô tô Honda Cup biển số: 62M1-1096, số khung C50-5099922, số máy DH88XE6071093.*

Qua xác minh biển số: 62M1-1096 do ông Trương Vĩnh T3 đứng tên giấy đăng ký xe. T3 khai đã bán xe trên lại cho người khác (không rõ lai lịch) và có làm hợp đồng mua bán nhưng do thời gian lâu nên đã làm mất.

Đối với số khung C50-5099922 không có thông tin trên dữ liệu đăng ký xe. Đối với số máy DH88XE6071093 qua xác minh được biết xe máy này có biển số 50N2-3424 do ông Đỗ Hoàng G đứng tên giấy đăng ký xe. G trình bày vào năm 2005, G đã bán xe máy trên lại cho người khác (không rõ lai lịch) và có làm hợp đồng mua bán nhưng do thời gian lâu nên đã làm mất. N1 khai nhận xe

trên được người bạn (không rõ lai lịch) cho để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có ai đến làm việc.

- *Thu giữ của Đặng Thị Yến N2*: 01 điện thoại Samsung Galaxy A03 màu đen số seri R9HT60ACNVP, số IMEI: 35315133330213251 bên trong gắn sim số 0961625953 và 01 điện thoại Nokia TA-1034, số IMEI 354493091762137 bên trong gắn sim số 0902146919, sử dụng vào việc phạm tội.

Về dân sự:

- Bị hại Phùng Quốc T2 đã nhận số tiền bồi thường 5.000.000 đồng và đã làm đơn bãi nại cho Nguyễn Minh T, Dương Văn N1 và Đặng Thị Yến N2.

- Bị hại Huỳnh Tấn V1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số: 152/CT-VKS ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị Yến N2 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo Dương Văn N1 từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Đặng Thị Yến N2 từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản”;

- Về dân sự: Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị Yến N2 khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Ngày 23/7/2023 tại khu đất trống thuộc Tổ D, Ấp A, xã H, huyện B, các bị cáo Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị Yến N2 đã thực hành vi lừa bị hại vào chỗ vắng rồi dùng hung khí đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, 01 cái bóp da trong bóp có số tiền 250.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân đã cắt góc, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM ngân hàng T5 (trong tài khoản không có tiền), 01 giấy đăng ký xe biển số 62F1-223.02 của ông Phùng Quốc T2. tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.240.000 đồng.

- Ngày 22/8/2023 các bị cáo Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị Yến N2 đã chuẩn bị sẵn hung khí, dàn cảnh lừa bị hại Huỳnh Tấn V1 vào chỗ vắng thuộc Ấp A, xã H, huyện B nhằm để thực hiện hành vi dùng vũ lực cướp tài sản gồm điện thoại di động và tiền của ông Huỳnh Tấn V1, nhưng các bị cáo chưa kịp thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại thì bị Công an phát hiện và bắt giữ (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt).

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi dùng vũ lực để cướp tài sản của các bị hại, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của bị hại để sử dụng và bán lấy tiền tiêu xài nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại, các bị cáo có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể từng người như sau: N2 sử dụng ứng dụng Facebook, Z để kết bạn với bị hại và hẹn bị hại gặp mặt, sau đó N1 đến điểm hẹn dẫn bị hại vào chỗ vắng để T dùng dao đe dọa trấn áp tinh thần của bị hại để cướp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Có tổ chức” và “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị yến N2 đã phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm

và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội hai lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo N2 phạm tội khi đang mang thai nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phùng Quốc T2 đã nhận số tiền bồi thường 5.000.000 đồng và đã làm đơn bãi nại cho Nguyễn Minh T, Dương Văn N1, Đặng Thị Yến N2 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại Huỳnh Tấn V1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng, đồ vật thu giữ:

- Đối với: 01 (một) xe mô tô biển số 59N2-190.21 số khung RLCS16S40BY017918; số máy 16SB022526 do ông Huỳnh Văn T4 (cha của V1) đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh, số seri R58R54J5E9Z, số IMEI: 352884794279951; 01 (một) sim số 0938155143 và số tiền 6.445.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả lại cho bị hại Huỳnh Tấn V1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với: 01 (một) dao Thái lan cán vàng lưỡi dao dài 12cm, cán dao dài 09cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán dài khoảng 14cm; 01 (một) dao bấm kim loại, lưỡi dài khoảng 09cm, cán dài khoảng 10cm; 01 (một) bình xịt hơi cay hiệu NATO màu xanh nắp đen dung tích 110ml; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh; 01 (một) quần Jeans màu đen; 01 (một) áo thun có cổ sọc đỏ trắng có logo màu vàng; 01 áo khoát màu đen hiệu Adidas sọc trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay có cổ áo và cổ tay sọc caro màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen; 01 (một) quần dài màu đen (thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T); xét bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) điện thoại Oppo F1S màu hồng số seri KRU8CYW499999999, số IMEI: 683091034019690 (thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T) và 01 điện thoại Samsung Galaxy A03 màu đen số seri R9HT60ACNVP, số IMEI: 35315133330213251 bên trong gắn sim số 0961625953; 01 điện thoại Nokia TA-1034, số IMEI 354493091762137 bên trong gắn sim số 0902146919 (thu giữ của bị cáo Đặng Thị Yến N2), sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 (một) xe mô tô Honda Cup biển số: 62M1-1096, số khung C50-5099922, số máy DH88XE6071093 (thu giữ của bị cáo Dương Văn N1).

Qua xác minh biển số: 62M1-1096 do ông Trương Vĩnh T3 đứng tên giấy đăng ký xe. T3 khai đã bán xe trên lại cho người khác (không rõ lai lịch) và có làm hợp đồng mua bán nhưng do thời gian lâu nên đã làm mất và không có yêu cầu gì.

Đối với số khung C50-5099922 không có thông tin trên dữ liệu đăng ký xe. Đối với số máy DH88XE6071093 qua xác minh được biết xe máy này có biển số 50N2-3424 do ông Đỗ Hoàng G đứng tên giấy đăng ký xe. G trình bày vào năm 2005, G đã bán xe máy trên lại cho người khác (không rõ lai lịch) và có làm hợp đồng mua bán nhưng do thời gian lâu nên đã làm mất và không có yêu cầu gì. N1 khai nhận xe trên được người bạn (không rõ lai lịch) cho để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có ai đến làm việc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô Honda Cup biển số: 62M1-1096, số khung C50-5099922, số máy DH88XE6071093. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đối với hành vi của các bị cáo cướp tài sản vào ngày 21/7/2023 và 05/8/2023, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đang tiếp tục truy tìm. Khi nào xác định được sẽ tiến hành điều tra, xử lý sau.

[11] Đối với đối tượng tên P có hành vi mua điện thoại trong vụ cướp tài sản xảy ra ngày 21/7/2023, người thanh niên tên B đổi điện thoại với T trong vụ cướp tài sản xảy ra ngày 23/7/2023 và người thanh niên mua điện thoại của Tín trong vụ cướp tài sản xảy ra ngày 05/8/2023, do không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như đề nghị xử lý phần dân sự. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

* Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Dương Văn N1** 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

* Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Yến N2** 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2024.

* Ghi nhận các bị hại Phùng Quốc T2, Huỳnh Tấn V1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

* Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) dao Thái Lan cán vàng lưỡi dao dài 12cm, cán dao dài 09cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài khoảng 40cm, cán dài khoảng 14cm; 01 (một) dao bấm kim loại, lưỡi dài khoảng 09cm, cán dài khoảng 10cm; 01 (một) bình xịt hơi cay hiệu NATO màu xanh nắp đen dung tích 110ml; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh; 01 (một) quần Jeans màu đen; 01 (một) áo thun có cổ sọc đỏ trắng có logo màu vàng; 01 áo khoác màu đen hiệu Adidas sọc trắng; 01 (một) áo sơ mi dài tay có cổ áo và cổ tay sọc caro màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen; 01 (một) quần dài màu đen.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại Oppo F1S màu hồng số seri KRU8CYW499999999, số IMEI: 683091034019690 và 01 điện thoại Samsung Galaxy A03 màu đen số seri R9HT60ACNVP, số IMEI: 35315133330213251, bên trong gắn sim số 0961625953; 01 điện thoại Nokia TA-1034, số IMEI 354493091762137 bên trong gắn sim số 0902146919.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm để tìm chủ sở hữu

hợp pháp đối với xe mô tô Honda Cup biển số: 62M1-1096, số khung C50-5099922, số máy DH88XE6071093. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(vật chứng, đồ vật trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận tang tài vật ngày 02/5/2024 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh (2);
- Công an huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TPHCM (1);
- Sở tư pháp TPHCM (1);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh (1);
- Bị cáo (3);
- Bị hại (2);
- Đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông



**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/HS-ST**

Ngày: 08-07-2022

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Đinh Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2022/TLST- HS ngày 14 tháng 04 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Chí H**, sinh năm 1988 tại Vĩnh Phúc. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Thiên chúa. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 08/12. Con ông Dương Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị M. Chung sống như vợ chồng với chị Đinh Thị H, sinh năm 1992 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Không có.

Truy nã, bị bắt giam từ ngày 04/12/2021 đến nay.

- Bị hại:

+ Anh Tăng Bình V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 79, PSN, phường 11, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Cao Xuân K, sinh năm 1978. Địa chỉ: N5, cú xá NĐC, phường 4, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 và chị Đinh Trần Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 91/20 NTT, phường 2, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Bảo Â, sinh năm 1988. Địa chỉ: 97/32 khu phố 6, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Anh Nguyễn Huy V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 3, xã EM, huyện E, tỉnh Đắc Lắc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Đình T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã NS, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

+ Anh Dương Minh Ch, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Trần Hoàng Ph, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp CX, xã TA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Phan Quốc C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 1, xã NS, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

+ Anh Dương Tiến D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đội 4, ấp 2, xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh Đồng Nai

(Bị cáo có mặt; bị hại, người có QLVN liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 10/2010, Trần Đình T, Dương Minh Ch, Trần Hoàng Ph, Dương Tiến D, Phan Quốc C, Trần Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Viết Tú, Dương Chí H và đối tượng tên Nghĩa (chưa xác định được lai lịch) cùng rủ nhau đi cướp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Để thực hiện hành vi phạm tội, cả nhóm mua một số dao Thái Lan loại cán vàng, mũi nhọn để làm công cụ, sử dụng 03 xe mô tô biển số 60S4- 6654, 60V45610 và 86Y1- 2138 làm phương tiện và lấy phòng trọ của Chính ở thôn Tây Lạc, ấp An Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom làm địa điểm tập trung, chuẩn bị và phân công nhau đi cướp tài sản. Bằng thủ đoạn Tuấn lên mạng Internet rao bán các loại xe mô tô giá rẻ và để lại số điện thoại. Khi những người có nhu cầu mua xe mô tô điện thoại cho Tuấn thì Tuấn hẹn mang tiền đến khu vực ngã ba Trị An, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom để mua xe, sau đó Tuấn gọi điện báo cho Chính để Chính phân công Tú hoặc Phong đi xe mô tô ra đón và chở vào khu vực vườn trà ở tại khu vực ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn nói dối là để xem xe, nhưng Tuấn và đồng

bọn đã mai phục sẵn, cầm dao xông ra khống chế trói nạn nhân lại, lục soát người nạn nhân lấy tiền và điện thoại di động. Liên tục trong khoảng thời gian từ tháng 12/2010 đến ngày 15/02/2011, Dương Chí H cùng đồng phạm đã thực hiện 05 vụ cướp tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng giữa tháng 12/2010 (H khai không nhớ rõ ngày), Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô hiệu Airblack với giá 14.000.000 đồng thì có anh Tăng Bình V liên hệ với Tuấn hỏi mua xe, Tuấn hẹn anh Vũ đến ngã 3 Trị An, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom để mua xe. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Vũ đi cùng anh Nguyễn Văn Thức xuống ngã 3 Trị An, Tuấn điện thoại báo cho đồng bọn biết để phân công nhiệm vụ cướp tài sản. Sau đó H, Tuyên, Cường, Phong và Ngân chờ nhau ra bãi đất trống phía sau Công ty dinh dưỡng Á Châu, khu công nghiệp Sông Mây ngôi núp trong đám cỏ, còn Tú chạy xe mô tô ra ngã 3 Trị An đón anh Vũ vào chỗ đồng bọn phục sẵn, khi thấy anh Vũ đến, H, Tuyên, Cường, Phong cầm dao xông ra khống chế rồi trói anh Vũ lại, lục trong người anh Vũ lấy được số tiền 1.300.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Q-Mobile và một số giấy tờ của anh Vũ. Anh Vũ nói số tiền 14.000.000 đồng mang đi mua xe đang gửi anh Thức giữ chờ ở ngoài ngã 3 Trị An nên cả bọn không chế buộc anh Vũ gọi điện cho anh Thức giao số tiền 14.000.000 đồng cho bọn chúng. Sau đó Tú chạy xe ra ngã 3 Trị An gặp anh Thức lấy số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, cả bọn đem về phòng trọ của Chính chia nhau, H, Tuyên, Cường, Phong, Tú, Ngân và Tuấn mỗi người được chia 2.000.000 đồng, Dẫn được chia 300.000 đồng, còn lại 700.000 đồng đưa cho Chính để lo ăn uống cho cả bọn, chiếc điện thoại di động hiệu Q-Mobile của anh Vũ, Tú giữ để sử dụng. Khi lục bóp của anh Vũ thì Tuyên lấy được 1.300.000 đồng, nhưng cất giấu đi 300.000 đồng và nói với đồng bọn là chỉ có 1.000.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Q-Mobile của anh Vũ có trị giá là 1.120.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh Vũ là 16.420.000 đồng (Mười sáu triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 08/01/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô hiệu Piago-LX với giá 35.000.000 đồng. Sau đó Tuấn hẹn anh Võ Minh Trí đến ngã 3 Trị An để mua xe. Anh Trí rủ anh Cao Xuân K cùng đi. Tuấn nói Phong đến ngã 3 Trị An đón và nói chỉ cho 1 người vào xem xe, Phong chở anh Khoa vào vườn trà sau trường Tiểu học Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn, H, Phong, Chính, Dẫn và Tú phục sẵn dùng dao khống chế trói anh Khoa lại lục trong người anh Khoa lấy được số tiền 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia E71 và 01 roi điện. Sau khi lấy được tài sản, cả bọn dùng số tiền cướp được mua đồ ăn nhậu hết, còn chiếc điện thoại di động Nokia E71 thì Chính nói Phong đem đi cầm được số tiền 2.000.000 đồng, Chính chia cho Tuấn 1.000.000 đồng. Chiếc điện thoại di động và 01 roi điện cơ quan điều tra không thu hồi được. Anh Khoa khai chiếc roi điện được người quen mua cho từ Trung Quốc để trang trí, không có giá trị sử dụng.

Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Nokia E71 của anh Khoa có trị giá là 4.640.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh Khoa là 5.240.000 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Vụ thứ ba: Vào sáng ngày 29/01/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô hiệu Novo-LX với giá 28.000.000 đồng. Sau đó Tuấn hẹn anh Nguyễn Thanh T đến ngã 3 Trị An để mua xe. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày anh Tâm cùng vợ là chị Đinh Trần Minh T chạy xe mô tô đến ngã 3 Trị An. Tuấn chạy xe ra đón vợ chồng anh Tâm vào khu vực vườn tràm phía sau công ty Moland, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn cùng Tú, Phong Dân, Cường và đối tượng Nghĩa dùng dao Thái Lan xông ra không chừa vợ chồng anh Tâm lấy số tiền 28.000.000 đồng rồi lên xe bỏ chạy. Sau khi lấy được tài sản, cả bọn chia nhau Tuấn được 5.000.000 đồng, Chính, Tú, Dẫn, Phong, Cường và Nghĩa mỗi người được 3.600.000 đồng, còn H bị đau tay nên không trực tiếp tham gia cướp tuy nhiên H có tham gia bàn bạc và đưa dao Thái Lan cho đồng bọn đi cướp, sau khi đồng bọn đi cướp về chia cho H số tiền 1.400.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Vào sáng ngày 15/02/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô hiệu Airblack với giá 19.000.000 đồng. Tuấn hẹn anh Nguyễn Bảo Á đến ngã 3 Trị An để mua xe. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh Ân đi cùng anh Nguyễn Thời Lâm đến ngã 3 Trị An, Phong chạy xe ra đón chờ anh An vào khu vực vườn tràm phía sau Công ty Moland, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn cùng H, Phong, Dẫn, Cường và đối tượng Nghĩa dùng dao Thái Lan khống chế trói anh Ân lại và lấy số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu K-Touch B2010 và 01 sợi dây chuyền bằng Inox. Sau khi lấy được tài sản, Tuấn chia cho H, Phong, Cường, Dẫn và Nghĩa mỗi người 220.000 đồng, còn lại Tuấn giữ, chiếc điện thoại di động thì đưa cho Chính, Chính cho ông Nguyễn Văn Ngoạn là người quen của Chính sử dụng, cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho anh Ân, sợi dây chuyền bằng Inox không có giá trị H đã làm mất không thu hồi được.

Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận chiếc điện thoại di động hiệu K-Touch B2010 của anh Ân có trị giá là 480.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của anh Ân là 3.480.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

- Vụ thứ năm: Vào chiều ngày 15/02/2011, Tuấn lên mạng Internet rao bán xe mô tô hiệu Yamaha Exciter với giá 15.000.000 đồng. Tuấn hẹn anh Nguyễn Huy V đến ngã 3 Trị An để mua xe. Anh Vương đi cùng anh trai là Nguyễn Huy Dương đến ngã 3 Trị An, Phong chạy xe ra đón chờ anh Vương vào khu vực vườn tràm phía sau Công ty Moland, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn thì Tuấn cùng H, Phong, Dẫn, Cường và đối tượng Nghĩa dùng dao Thái Lan khống chế trói anh Vương lại và lấy số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110. Anh Vương nói số tiền 15.000.000 đồng mang đi mua xe

anh Dương đang giữ chờ ở ngã 3 Trị An, bọn chúng không chế buộc anh Vương gọi điện bảo anh Dương cầm tiền vào để bọn chúng cướp tiếp, trên đường đi thì Phong, Dẫn, Cường, Tuyên và Chính bị bắt, Tuấn cầm chiếc điện thoại di động Nokia 1110 của anh Vương chạy trốn sau đó làm rơi mất chiếc điện thoại. Còn số tiền 800.000 đồng H cầm và bỏ chạy thoát.

Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tội tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1110 của anh Vương có trị giá là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Dương Chí H bỏ chạy thoát. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Dương Chí H về tội “Cướp tài sản” đồng thời ra lệnh truy nã đối với H. Ngày 04/12/2021 H bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện Trảng Bom. Quá trình điều tra H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 77/CT-VKS-TB ngày 08 tháng 04 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Dương Chí H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đối với Trần Đình T, Dương Minh Ch, Trần Hoàng Ph, Dương Tiến D, Phan Quốc C, Trần Văn T, Nguyễn Văn Ng đã bị xét xử tại bản án số 111/2011/HSST ngày 24/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đối với Nguyễn Viết Tú sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được xử lý sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- + Tuyên bố bị cáo Dương Chí H phạm tội “Cướp tài sản”;
- + Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- + Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.
- + Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Dương Chí H từ 08 đến 09 năm tù.

Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại bản án số 111/2011/HSST ngày 24/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng; biên bản bắt người đang bị truy nã; lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 10/2010 đến ngày 15/02/2011, Dương Chí H cùng đồng phạm là Trần Đình T, Dương Minh Ch, Trần Hoàng Ph, Dương Tiến D, Phan Quốc C, Trần Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Viết Tú và đối tượng tên Nghĩa (Không rõ nhân thân, lai lịch) đã thực hiện 05 vụ cướp tài sản chiếm đoạt của các bị hại gồm: anh Tăng Bình V, anh Cao Xuân K, anh Nguyễn Thanh T, chị Đinh Trần Minh T, anh Nguyễn Bảo Á và anh Nguyễn Huy V. Tổng trị giá tài sản mà H cùng đồng bọn chiếm đoạt của bị hại là 54.240.000 đồng. Bằng thủ đoạn Tuấn lên mạng Internet rao bán các loại xe mô tô có giá rẻ và để lại số điện thoại, khi những người có nhu cầu mua xe điện thoại cho Tuấn, Tuấn hẹn mang tiền đến khu vực ngã ba Trị An thuộc xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để mua xe, sau đó Tuấn gọi điện báo cho Chính để Chính phân công Tú hoặc Phong đi xe mô tô ra đón và chở vào khu vực vườn trà ở ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom nói dối là để xem xe, nhưng H và đồng phạm đã mai phục sẵn, cầm dao xông ra khống chế trói nạn nhân lại, lục soát và lấy tiền, điện thoại của người bị hại. Chính ở nhà chỉ huy và lo cơm nước, ăn ở cho đồng phạm, khi cần thì Tuấn và Chính trực tiếp tham gia cùng đồng bọn cướp tài sản.

Hành vi nêu trên của Dương Chí H đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì hành vi của Dương Chí H đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của bị cáo Dương Chí H và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản của anh Tăng Bình V, anh Cao Xuân K, anh Nguyễn Thanh T, chị Đinh Trần Minh T, anh Nguyễn Bảo Á và anh Nguyễn Huy V được pháp luật công nhận và bảo vệ, gây hoang mang lo sợ cho nhiều người, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự

tại địa phương.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, bị cáo Dương Chí H và đồng phạm đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm có tổ chức vì giữa các bị cáo có sự phân công, bàn bạc và liên kết chặt chẽ với nhau.

Trong đó, bị cáo Trần Đình T là người chủ mưu, khởi xướng, cầm đầu. Bị cáo Dương Chí H tham gia thực hành tích cực, cầm dao là phương tiện nguy hiểm (theo H dẫn tại mục 2 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) không chế, trói người bị hại để đồng phạm lục soát lấy tiền và tài sản của bị hại có trị giá là 54.240.000 đồng. Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan bảo vệ pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với bị cáo để cải tạo và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại bản án số 111/2011/HSST ngày 24/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo **Dương Chí H** phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Dương Chí H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2021;

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Dương Chí H phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- NTG - CA huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS H. Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-ST
Ngày: 15-7-2024

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/TLST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hà Thanh T, sinh năm 1996. Tại: tỉnh Long An.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp HH, xã HH, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Hà Quang T và bà Trần Thị G; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 10/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước – tỉnh Tiền Giang, đến ngày 08/01/2023 chấp hành án xong (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 18/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa - tỉnh Long An, đến ngày 16/3/2020 chấp hành xong (án phí chấp hành xong ngày 15/7/2020, đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2024, tạm giam từ ngày 07/02/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh D, sinh năm 2002. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp BK, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị Thu T; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 13/4/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân – tỉnh Bình Phước, đến ngày 18/01/2023 chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 07/4/2020 bị Công an xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, (nộp phạt ngày 10/4/2024).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2024, tạm giam từ ngày 07/02/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1993; cư trú tại: khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa tháng 01/2024, do không có nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài và sử dụng trái phép chất ma túy nên Hà Thanh T rủ Lê Thanh D đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D đồng ý. Cả 2 bàn bạc, phân công T là người trộm cắp tài sản, D là người cảnh giới; T chuẩn bị một cây đoản bằng kim loại dùng để bẻ khóa xe, 01 bình xịt hơi cay; D chuẩn bị 01 gậy điện màu đen, 01 gậy ba khúc dùng để chống trả khi bị phát hiện truy đuổi. Đến khoảng 16 giờ ngày 23/01/2024, D mượn và điều khiển xe mô tô biển số 70F1-8360 của chị Trương Thị Tuyết Ngân đi đến khu vực xã An Ninh Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để gặp T. Tại đây, T đưa 01 biển số xe mô tô 62K2-5570 để D gắn vào xe mô tô biển số 70F1-8360. Sau đó, T trực tiếp điều khiển xe mô tô chở D đi quanh các tuyến đường từ khu vực huyện Đức Hoà, tỉnh Long An đến khu vực thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tìm xe mô tô để lấy trộm. Do không tìm được xe mô tô lấy trộm nên T bàn bạc với D chặn đường những người phụ nữ đi một mình, đe dọa dùng vũ lực để cướp xe mô tô thì D đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở D đi đến khu vực đường Hương lộ 2 thuộc khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện chị Nguyễn Thị Tuyết N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision,

màu sơn xanh, biển số 70L1-675.22 đi một mình theo hướng ngược lại. Lúc này, T điều khiển xe mô tô quay lại, đuổi theo rồi áp sát, chặn đầu xe mô tô của chị N vào lề bên phải, T cảnh giới để D bật gây điện cầm chỉ vào người chị N đe dọa, chị N hoảng sợ, không dám kháng cự nên đã giao xe mô tô biển số 70L1- 675.22 cho D. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của chị N, D điều khiển xe về khu vực xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tại đây, D tìm thấy trong cốp xe số tiền 2.800.000 đồng nên cất giấu sử dụng riêng và đưa xe mô tô biển số 70L1-675.22 cho T đem đến khu vực huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bán cho người phụ nữ tên “Muời” (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 7.000.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết. Qua xác minh, ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng mời T, D làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, biển số 70L1-675.22 trị giá 13.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 395/KL-KTHS ngày 08/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: xe mô tô biển số 70F1-8360 số khung không bị đục xóa; số máy bị đục xóa không xác định được số máy nguyên thủy.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTrB, ngày 24-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Hà Thanh T, về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d, h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Thanh D về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố bị cáo Hà Thanh T, Lê Thanh D phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Thanh T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Căn cứ điểm a, d, khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo T, D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và đồng ý bồi thường cho bị hại.

Bị hại trình bày: Thống nhất với kết quả của Hội đồng định giá đã định; yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.800.000 đồng. Về trách nhiệm hình xử yêu

cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo thấy rằng: Vào khoảng 22 giờ 50 phút ngày 23/01/2024, trên Hương lộ 2 thuộc khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Hà Thanh T đã tái phạm nguy hiểm cùng Lê Thanh D sử dụng xe mô tô, gây điện đe dọa chị Nguyễn Thị Tuyết N làm tê liệt sự phản kháng của chị N để chiếm đoạt 01 xe mô tô và số tiền 2.800.000 đồng bên trong cốp xe, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.800.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông ở địa phương.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo có sự bàn bạc phân công vai trò, chuẩn bị công cụ phạm tội, sử dụng “xe mô tô” để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với 02 tình tiết định khung là “Có tổ chức” và “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị cáo T đã tái phạm chưa được xóa án tích nên lại phạm tội mới với lỗi cố ý. Do đó, viện kiểm sát truy tố bị cáo T với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng và chủ động rủ rê bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính và cao hơn bị cáo D.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

Tính chất vụ án rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại

lớn cho xã hội. Cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo D đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Do đó, bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T không có tình tiết tăng nặng nhưng xét thấy nhân thân của bị cáo xấu, bị cáo có 02 tiền án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với xe mô tô biển số 70F1-8360, D khai mượn của Trương Thị Tuyết Ng; qua làm việc, Ngân không biết D mượn để thực hiện hành vi cướp tài sản; qua giám định số máy bị đục xóa không xác định được số máy nguyên thủy. Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển Công an thị xã Trảng Bàng tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định.

Đối với biển số xe mô tô 62K2-5570, qua xác minh của ông Lê Hồng Q bị rơi mất vào tháng 01/2024, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông Quý.

Đối với người phụ nữ tên “Mười” mua xe mô tô biển số 70L1-675.22 hiện không rõ họ tên, địa chỉ, chưa làm việc được Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau

[4] Về bồi thường thiệt hại: căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Tại phiên tòa chị N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.800.000 đồng; trong đó thiệt hại xe Vision theo kết quả định giá là 13.000.000 đồng và số tiền là 2.800.000 đồng. Trong đó, bị cáo T bán xe và sử dụng số tiền bán xe; còn bị cáo D lấy số tiền 2.800.000 đồng và sử dụng số tiền này. Do đó, bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho chị N số tiền 13.000.000 đồng, bị cáo D bồi thường cho chị N 2.800.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 01 thiết bị nhựa màu đen, kích thước (4,5 x 2,7 x 5) cm; 01 cây gậy điện màu đen có hai đầu bằng kim loại, gậy điện chiều dài 16cm, chiều Nng 03cm, chiều cao 4,6cm (đã qua sử dụng); 01 bình xịt hơi cai tròn màu xanh – đen – đỏ, chiều dài 15 cm, đường kính 3,5cm có chữ màu trắng “NATO” (đã qua sử dụng); 01 đoạn bằng kim loại tròn chữ L, chiều dài 11,5cm, đoạn cong dài 3cm có đầu rỗng hình lục giác 08mm, bên ngoài quấn băng keo màu xanh (đã qua sử dụng); 01 quần tây dài, màu xám – đen, kích thước (95 x 50) cm (đã qua sử dụng); 01 cái áo ka ki ngắn tay, màu xám có hoa văn màu đỏ kích thước (70x 68) cm đã qua sử dụng hiện không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số Imel 1:357693108398570,

số Imel 2: 35769310898579 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Nokia 1286, số Imel 1: 356944110143657; số Imel 2: 356944110643656 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Nokia 1174, số Imel 1: 357752107754744, số Imel 2: 357754100660944 thu của các bị cáo T, D. Các bị cáo thừa nhận có sử dụng điện thoại để liên lạc bàn bạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại của các bị cáo.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thanh T 09 (chín) năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh D 08 (tám) năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024

3. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Hà Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho chị N số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng; bị cáo Lê Thanh D có nghĩa vụ bồi thường cho chị N 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thiết bị nhựa màu đen, kích thước (4,5 x 2,7 x 5) cm; 01 (Một) cây gậy điện màu đen có hai đầu bằng kim loại, gậy điện chiều dài 16cm, chiều ngang 03cm, chiều cao 4,6cm (đã qua sử dụng); 01 (một) bình xịt hơi cai tròn màu xanh – đen – đỏ, chiều dài 15 cm, đường kính 3,5cm có chữ màu trắng “NATO” (đã qua sử dụng); 01 đoạn bằng kim loại tròn chữ L, chiều dài 11,5cm, đoạn cong dài 3cm có đầu rộng hình lục giác 08mm, bên ngoài quấn băng keo màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) quần tây dài, màu xám – đen, kích thước (95 x 50) cm (đã qua sử dụng); 01 (một) cái áo ka ki ngắn tay, màu xám có hoa văn màu đỏ kích thước (70x 68) cm đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, số Imel 1: 357693108398570, số Imel 2: 35769310898579 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động Nokia 1286, số Imel 1: 356944110143657; số Imel 2: 356944110643656 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động Nokia 1174, số

Imel 1: 357752107754744, số Imel 2: 357754100660944.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm

Bản án số: 119/2023/HS-ST

Ngày: 13-6-2023.

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dũng, ông Nguyễn Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HS ngày 17/5/2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Thái Chí H** (Tên gọi khác: Kèo); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 192/51 đường Ph, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: B13/6A, Tổ 2, Ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: tự do; Con ông Thái Văn M và Huỳnh Tiểu T (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Lệ Tr.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/6/2016, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18 tháng, ngày 26/8/2017 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Nguyễn Vĩnh Ngh**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: B13/6, tổ 8, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: B13/6, tổ 8, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông (Không rõ) và bà Nguyễn Thị Kim Huệ; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay (có mặt).

3/ Họ và tên: **Teng Hồng Ph**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 321/17 đường Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 321/17 đường Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Teng A Sáng và bà Phan Kim Lê; Bị cáo có vợ và có 02 người con (Sinh năm 2010 và năm 2012).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/7/2011, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 2 tháng 8 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm 4 tháng 16 ngày kể từ ngày tuyên án. Qua xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, Ph đã thi hành án phí 200.000 đồng vào tháng 4/2012.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay (có mặt).

4/ Họ và tên: **Nhâm Quốc Ph** (Tên gọi khác: Ch); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số 332 đường G, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 308/5 G, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Nhâm V (đã chết) và bà Ngô Thị Ngọc L; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T và có 02 người con (Sinh năm 2008 và năm 2015).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự:

+ Ngày 29/11/2017, bị Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 19 tháng, đến ngày 01/4/2019 chấp hành xong quyết định.

+ Ngày 14/7/2020, bị Tòa án nhân dân Quận S, Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18 tháng, đến ngày 29/10/2021 chấp hành xong quyết định.

- Nhân thân:

+ Ngày 23/11/2010, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo bản án số 331/2010/HSST. Ngày 26/01/2013, Ph thi hành xong hình phạt tù. Qua xác minh tại chi cục thi hành án dân sự Quận S, Ph đã thi hành xong phần án phí 200.000 đồng vào ngày 24/08/2012.

+ Ngày 04/4/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 27/9/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T quyết định đình chỉ điều tra đối với Ph.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2022 đến nay (có mặt).

* *Bị hại*: Ông Trần Sách Gi, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 126/18/11/11 đường Liên khu 10-11, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần Văn M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: B13/6A Ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Ông Lê Trần Hoàng D, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: 687/60/9/27 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Tiêu Khải H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 206 đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Huỳnh Thị Diễm, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 45F đường L, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Lê Quốc Nghiệp (vắng mặt)

Nơi cư trú: A5/20T Khu phố 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/8/2022, Thái Chí H bán cho ông Trần Sách Gi chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo-4, biển số 54N2-2697 giá 1.000.000 đồng, việc mua bán hai bên không làm giấy tờ. Sau khi mua, ông Gi sửa lại xe rồi ngày 08/8/2022 mang đến tiệm cầm đồ Linh Anh 1 (địa chỉ: 31 đường Ng, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) cầm lấy 3.000.000 đồng.

Sau khi bán xe, ông Thái Văn M (là cha của Thái Chí H) hỏi H thì được biết Thái Chí H đã bán xe trên cho ông Gi với giá 1.000.000 đồng và ông M cho rằng H bán xe rẻ nên yêu cầu H thỏa thuận lại với ông Gi trả thêm tiền để lấy lại xe. Sau đó, Thái Chí H rủ Nguyễn Vĩnh Ngh đến nhà ông Gi nói chuyện việc mua lại xe mô tô Nouvo-4 nhưng ông Gi không đồng ý nên hai bên xảy ra cự cãi.

Khoảng 17 giờ ngày 09/8/2022, Nguyễn Vĩnh Ngh đến nhà Thái Chí H chơi, Hùng nhớ ông Gi có nợ Teng Hồng Ph số tiền 1.000.000 đồng nên H rủ Ngh đi tìm ông Gi để lấy tiền nợ cho Ph, nếu không lấy được tiền thì lấy xe mô tô đem về do trước đó H có bán 01 chiếc xe mô tô cho ông Gi, Ngh đồng ý. Lúc này, Thái Chí H điện thoại cho Teng Hồng Ph hỏi Phúc muốn đòi tiền ông Gi hay không, Ph đồng ý thì H kêu Phúc đến nhà H để H dẫn đến nhà ông Gi đòi nợ. Thời điểm này, Ph đang đi chung với Nhâm Quốc Ph (cũng là bạn quen biết với H) nên rủ Ph cùng đi, Ph đồng ý và điều khiển xe Wave, biển số 59P1-532.13 chở Ph đến nhà H. Khi đến quán nước ở đầu hẻm vào nhà Thái Chí H thì cả nhóm gặp nhau. H nói với cả nhóm là đi đến nhà ông Gi đòi tiền nợ dùm Ph, nếu ông Gi không có tiền thì lấy xe của ông Gi để ép Gi trả nợ cho Ph, cả nhóm đồng ý. Sau đó, Thái Chí H điều khiển xe Ablade, biển số 54K4-5342 chở Ngh, còn Ph điều khiển xe Wave biển số 59P1-532.13 chở Ph đi đến nhà ông Gi. Trên đường đi, Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh,

Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph gặp ông Gi ngồi trên xe Ablade, biển số 54P5-6555 đang dừng trước địa chỉ F4/4F tổ 6, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhâm Quốc Ph liền chạy đến chặn đầu xe, còn H chạy đến cản đuôi xe ông Gi làm ông Gi ngã xe xuống đường, ông Gi hoảng sợ nên bỏ lại xe chạy bộ, Ngh xuống xe cầm nón bảo hiểm rượt đuổi theo ông Gi và dùng tay phải định nắm lấy cổ áo ông Gi nhưng không được nên quay lại.

Sau khi ông Gi chạy thoát, Thái Chí H nói với cả nhóm lấy xe mô tô biển số 54P5-6555 của ông Gi, khi nào ông Gi trả tiền cho Ph thì trả lại xe cho ông Gi. Nghe vậy, Ph đến điều khiển xe của ông Gi, Ph điều khiển xe Wave biển số 59P1-532.13, còn H điều khiển xe Ablade biển số 54K4-5342 chở Ngh đến quán Ốc 30K (tại địa chỉ: 173, Liên khu 5-6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân) ăn uống. Tại đây, Thái Chí H giao cho Ph giữ xe của ông Gi khi nào ông Gi trả nợ thì trả lại xe, Ph thấy Ph không có xe đi nên kêu Ph giữ xe của ông Gi, khi nào ông Gi trả tiền thì Ph sẽ kêu Ph mang xe trả cho ông Gi. Sau khi ăn uống xong, tất cả đi về, riêng Ph điều khiển xe Ablade biển số 54P5-6555 của ông Gi về cất giữ tại nơi Ph đang ở (địa chỉ: 308/5, G, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi sự việc xảy ra, ông Gi trình báo Công an xã V, Ph biết tin nên điện thoại kêu Ph mang xe trả, Ph điều khiển xe mô tô biển số 54P5-6555 đến để trước nơi ở của Thái Chí H (địa chỉ B13/6A tổ 2, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị Công an xã V thu giữ xe mô tô biển số 54P5-6555. Qua truy xét, Công an xã V mời tất cả 04 đối tượng Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph về làm việc lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô biển số 54P5-6555 trị giá 8.300.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai này phù hợp lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Thái Chí H từ 08 năm đến 09 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh Ngh từ 07 năm 06 tháng đến 8 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Teng Hồng Ph từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nhâm Quốc Ph từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù;

* Vật chứng thu giữ, đề nghị xử lý như sau

- Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 54K4-5342 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (thu giữ của Thái Chí H); 01 xe mô tô biển số 59P1-532.13 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia (thu giữ của Teng Hồng Ph).

- Đề nghị giao 01 xe mô tô biển số 54P5-6555 cho cơ quan thi hành án dân sự huyện B đăng báo tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định.

- Đề nghị lưu hồ sơ vụ án 04 đĩa ghi âm – ghi hình lời khai các bị cáo.

Về dân sự: Quá trình điều tra, xác minh ông Trần Sách Gi không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B chưa tiến hành ghi lời khai làm rõ yêu cầu dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm bị hại nhưng chưa có kết quả. Đề nghị tách phần bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bị cáo, đương sự, bị hại và được thẩm vấn tại phiên tòa có căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

[2.1] Ngày 09/8/2022, tại trước địa chỉ F4/4F tổ 6, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc và dùng vũ lực bảo hiểm tấn công bị hại ông Trần Sách Gi làm cho ông Gi lâm vào tình trạng không thể chống cự bỏ chạy để lại tài sản xe mô tô biển số 54P5-6555 và sau đó các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt xe này. Căn cứ kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B thì tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 01 xe mô tô biển số 54P5-6555 trị giá 8.300.000 đồng.

[2.2] Quá trình điều tra, thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định thì trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph có gặp nhau cùng thống nhất là cả nhóm đi đến nhà ông Trần Sách Gi đòi tiền nợ dùm Phúc, nếu ông Trần Sách Gi không có tiền thì lấy xe của ông Gi để ép Giang trả nợ cho Phúc. Sau khi thống nhất ý chí thì cả nhóm sử dụng 02 xe mô tô tìm gặp bị hại và đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

[2.3] Từ những diễn biến và phân tích như trên, xét thấy hành vi của các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ, có sự phân công vai trò nhiệm vụ của từng bị cáo nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, các bị cáo biết việc cướp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức (như nhận định trên) và sử dụng hung khí là nón bảo hiểm đe dọa, tấn công bị hại là thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm. Đây là các tình tiết định khung hình phạt được quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng là có căn cứ phù hợp pháp luật. Cáo trạng không xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức nhưng tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội có xác định việc phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như phân tích nên ghi nhận. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét về nhân thân thì các bị cáo Thái Chí H, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph có nhân thân xấu đã vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (đã được xóa án tích hoặc không thuộc trường hợp xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm) hoặc bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức như nhận định trên. Trong đó, bị cáo Thái Chí H là người chủ mưu khởi xướng

việc phạm tội và là người thực hành tích cực; Các bị cáo Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, các bị cáo này là người trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và dùng vũ lực tấn công, khống chế bị hại để lấy tài sản; Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, nhân thân, tính chất mức độ vi phạm và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[6] Về vật chứng bị thu giữ gồm:

[6.1] Đối với 01 xe mô tô biển số 54K4-5342 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (thu giữ của Thái Chí H). Cơ quan điều tra xác minh đã xác định xe mô tô này do bà Huỳnh Tiểu Tuyết (mẹ của Hùng) đứng tên chủ sở hữu. Bà Tuyết đã chết sau đó Hùng lấy xe làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Thái Chí H thừa nhận ngày 09/8/2022 sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội và sử dụng điện thoại để liên lạc các bị cáo khác thực hiện việc phạm tội nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

[6.2] Đối với 01 xe mô tô biển số 59P1-532.13 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia (thu giữ của Teng Hồng Ph). Cơ quan điều tra xác minh đã xác định xe mô tô này do ông Lê Trần Hoàng Duy (nơi cư trú: 687/60/9/27 đường Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Ông Duy đã làm hợp đồng ủy quyền cho Teng Hồng Ph toàn quyền quản lý, sử dụng đối với xe trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Teng Hồng Ph thừa nhận ngày 09/8/2022 bị cáo Teng Hồng Ph sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội và sử dụng điện thoại để liên lạc các bị cáo khác thực hiện việc phạm tội nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

[6.3] Đối với 01 xe mô tô biển số 54P5-6555 đây là tài sản của bị hại bị chiếm đoạt (cơ quan điều tra thu giữ từ Nhâm Quốc Ph). Cơ quan điều tra xác minh xe này do bà Huỳnh Thị Diễm (nơi cư trú: 45F đường Lê Vĩnh Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu nhưng hiện nay bà Diễm không có mặt tại địa phương. Bị hại ông Trần Sách Gi khai mua xe trên của người không rõ lai lịch nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Hiện tại ông Gi không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao xe mô tô biển số biển số 54P5-6555 (số khung HJF18067Y545807, số máy FJ 18E-5045924) cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6.4] Đối với 04 đĩa ghi âm, ghi hình lời khai các bị cáo, đây là chứng cứ chứng minh tội phạm nên tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[7] Về dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Trần Sách Gi vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện bị hại không còn cư trú tại địa phương đi đâu không rõ. Cơ quan điều tra đã đăng thông báo tìm người bị hại nhưng không có kết quả và chưa xác định được yêu cầu bồi thường về dân sự. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị

hại nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự tách phần dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Thái Chí H, Nguyễn Vĩnh Ngh, Teng Hồng Ph và Nhâm Quốc Ph phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Thái Chí H** 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

- Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vĩnh Ngh** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

- Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Teng Hồng Ph** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

- Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nhâm Quốc Ph** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

* Căn cứ Điều 30, Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về dân sự: Tách phần dân sự của bị hại ông Trần Sách Gi để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về vật chứng:

+ Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B 01 (một) xe mô tô biển số 54P5-6555 (số khung HJF18067Y545807, số máy FJ 18E-5045924) để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 54K4-5342 (số khung Y-140174, số máy E-0143090) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung

(số seri R58K820QCVN); 01 xe mô tô biển số 59P1-532.13 (số khung 31CY-466834, số máy JC52E5121705) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 215 (4G).

(Tất cả vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2023 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, đương sự, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh.
- Công an H. Bình Chánh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- THA dân sự H.Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dũng

Bản án số: 01/2023/HSST

Ngày: 03 - 01 - 2023

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

- Bà Trần Quang Cảnh;

- **Thư ký phiên tòa:** ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 152/2022/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-HS ngày 20/12/2022 đối với các bị cáo:

1. *Trịnh Minh T*; sinh năm 2001, tại: TP. H; Hộ khẩu thường trú: 179/2 đường KV, phường HB, thành phố Đ, TP. H; chỗ ở hiện nay: nhà không số, tổ 130, ấp T 2, xã TT, huyện M, TP. H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh D, sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1968; vợ, con: chưa;

Nhân thân: ngày 22/01/2019 bị Tòa án nhân dân quận Đ (nay là TP. Đ), TP. H xử phạt 05 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2019;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 24/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, TP. H và có mặt tại phiên tòa.

2. *Nguyễn Hà Hoàng R*; sinh năm 2000, tại: TP. H; Hộ khẩu thường trú: 20/31 đường B, phường BB, quận BT, TP. H; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1974; chồng, con: chưa.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị bắt tạm giữ ngày 22/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, TP. H và có mặt tại phiên tòa.

3. *Nguyễn Hồ Chí K*; sinh năm 2001, tại: TP. H; Hộ khẩu thường trú: 16 đường số 15D, phường TT, quận T, TP. H; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Lưu V, sinh năm 1982 và bà Hồ Thị Bích H, sinh năm: 1980; vợ, con: chưa.

- *Tiền án, tiền sự*: không;

- Bị bắt tạm giữ ngày 22/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, TP. H và có mặt tại phiên tòa.

4. *Lê Nguyễn Thanh U*; sinh năm 2001, tại: QN; Hộ khẩu thường trú: 8/8 ấp 5, xã ĐT, huyện M, TP. H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1978; vợ, con: chưa;

- *Tiền án, tiền sự*: không;

- Bị bắt tạm giữ ngày 22/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, TP. H và có mặt tại phiên tòa.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R*: Luật sư Trịnh Văn I – Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư tỉnh QN (Có mặt).

- *Người bị hại*: anh Huỳnh Công N, sinh năm 1994; trú tại: 296/47 NV, phường ĐH, quận 12, TP. H (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1968; trú tại: nhà không số, tổ 130, ấp T 2, xã TT, huyện M, TP. H (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1974; trú tại: 20/31 đường B, phường BB, quận BT, TP. H (Vắng mặt).

3. Bà Hồ Thị Bích H, sinh năm: 1980; trú tại: 16 đường số 15D, phường TT, quận T, TP. H (Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1978; trú tại: 8/8 ấp 5, xã ĐT, huyện M, TP. H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Minh T là bạn trai của Nguyễn Hà Hoàng R, cả hai quen biết anh Huỳnh Công N được khoảng 02 năm. Sáng ngày 12/4/2022 T và R uống cả phê tại Quận 12 thì T nói cho R biết, anh N có nợ T 3.000.000đ và bàn đánh anh N để lấy xe gắn máy của anh N, R đồng ý. Đến chiều cùng ngày cả hai đến nhà anh Lê Hiếu E chơi thì T rủ anh E cùng tham gia chặn xe gắn máy đánh anh N để cướp xe nhưng anh E không đồng ý tham gia nên cả hai đi về.

Đến sáng ngày 14/4/2022 T và R tiếp tục bàn bạc về việc cướp xe gắn máy của anh N, cụ thể như sau: R có nhiệm vụ rủ anh N đi nhậu chuốc cho anh N uống say rồi kêu anh N chở R và rủ thêm bạn để cướp xe còn T có nhiệm vụ cùng với bạn do R rủ đi theo phía sau xe của anh N, khi đến đoạn đường vắng sẽ

chặn xe đánh anh N để cướp xe, R đồng ý và thống nhất ngày 30/04/2022 sẽ thực hiện kế hoạch trên.

Sau đó, R nhắn tin cho Nguyễn Hồ Chí K nhờ tìm 02 người đi đánh dần mặt anh N nhưng K trả lời là không có ai, chỉ có một mình K được không thì R đồng ý và hẹn K đến ngày 30/04/2022 sẽ thực hiện kế hoạch trên. Đến ngày 17/4/2022 R tiếp tục nhắn tin và gọi cho K qua ứng dụng Messenger rủ K thực hiện việc đánh người lấy xe, nhưng do K đi làm ở Quận 2, nên không đồng ý, và nói nhiệm vụ của K là đánh người, còn lấy xe gắn máy thì phía bên R sẽ lo, sau khi thực hiện xong thì R sẽ trả công cho K 1.000.000 đồng và mời K đi nhậu nhưng do K bận nên hẹn lại hôm khác.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/4/2022 Thành, R và X (bạn T) đến quán ốc KA trên đường số 5, phường BH, quận BT để uống bia, T nói R gọi điện thoại rủ anh N đến uống bia, thì anh N đồng ý. Sau đó, anh X có việc về trước, lúc này R, T thấy anh N có biểu hiện say, T ra hiệu cho R vào nhà vệ sinh và nói R thực hiện kế hoạch sớm. Ngay lúc này R đã gọi điện thoại rủ K đi đánh anh N để cướp xe còn T điện thoại cho Lê Nguyễn Thanh U rủ đi uống cà phê nhưng mục đích là để mượn xe của T. Do K không có xe gắn máy nên đã gửi định vị qua zalo cho R rồi R đưa điện thoại của mình cho T đi đón K. Lúc này, T mượn xe máy hiệu Honda Sonic, biển số 62P2-171XX của anh N đi đón K rồi cả hai đến khu vực ngã tư NA và TK, Quận 12 đón T (U điều khiển xe gắn máy hiệu Wave, màu xanh, biển số 50Y1-242.XX); Sau đó cả ba điều khiển xe đến quán cà phê M nằm trên đường số 5, phường BH, quận BT (gần quán ốc KA) rồi Thành chạy xe về quán ốc KA trả xe cho anh N và báo cho R biết đã đón đủ người đồng thời dặn R khi nào anh N về thì gửi định vị cho T biết. Sau đó T gọi điện thoại nói U đến đón T quay lại quán cà phê M, tại đây T phân công, nhiệm vụ của T sẽ tắt đầu xe của anh N, còn K có nhiệm vụ đánh anh N để cướp xe đồng thời phân công cho U có nhiệm vụ chở T và K đi đánh anh N, sau khi đánh cướp được xe thì U chở K tẩu thoát; U và K đồng ý. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, anh N điều khiển xe máy hiệu Honda Sonic, biển số 62P2-171XX chở R về thì R gửi định vị cho T và K biết, lúc này U điều khiển xe gắn máy biển số 50Y1-242.XX chở T ngồi giữa, K ngồi sau cùng chạy phía sau anh N theo định vị R gửi, khi đến trước số 248 Kênh 19/5B, phường TT, quận T thì R nói T dừng xe bên lề đường, U liền điều khiển xe gắn máy chặn đầu xe của anh N để K nhảy xuống xe dùng tay đánh 04 đến 05 cái vào mặt anh N làm anh N và xe gắn máy bị ngã xuống đường. Lúc này, T chạy lại dựng lên xe gắn máy của anh N lên rồi leo lên xe nổ máy nhưng không được, thấy vậy anh N liền chạy lại nắm đầu xe không cho T lấy xe thì bị T và K tiếp tục dùng tay đánh anh N và xô ngã xuống đường, T tiếp tục đề máy xe nổ được rồi tăng ga tẩu thoát, lúc này anh N tri hô “cướp, cướp...” thì K chạy lại vị trí U đang đợi leo lên xe để U chở tẩu thoát, khi đến trước số 276 Kênh 19/5, phường TT, quận T thì bị Tổ đặc

nhiệm Đội Cảnh sát hình sự, Công an quận T phát hiện bắt giữ U, K, R đưa về trụ sở Công an phường TT, quận T làm việc.

Riêng Thành, sau khi cướp được xe gắn máy của anh N thì Th điều khiển xe đến địa chỉ nhà không số, tổ 130, ấp Tam Đồng 2, xã TT, huyện M để cất giấu. Qua truy xét đến khoảng 23 giờ 15 phút ngày 22/4/2022, Công an quận T đã bắt được T cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K và Lê Nguyễn Thanh U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 1215/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 01/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban quận T thời điểm định giá ngày 22/34/2022 kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Sonic, màu trắng đỏ đen, biển số 62P2-171.XX, số máy: KB11E1268XXX, số khung: MH1KB1118LK269XXX trị giá 45.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe gắn máy hiệu Sonic, màu trắng đỏ đen, biển số: 62P2-171.XX, số máy: KB11E1268XXX, số khung: MH1KB1118LK269XXX. Là xe gắn máy các bị can cướp của anh N. Qua xác minh, xe máy trên do anh Huỳnh Công N đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh Huỳnh Công N.

- Thu giữ của Lê Nguyễn Thanh U:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, màu xanh, số Imei 1: 867939046868XXX, số Imei 2: 867939046868XXX màn hình bị nứt bể. U sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản.

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX, màu xanh biển số 50Y1 – 242.XX, số máy: JA38E - 0278XXX, số khung: RLHJA3827GY132XXX, U sử dụng để cùng đồng bọn cướp tài sản, U khai nhận, mượn xe của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Q để đi chơi.

Qua xác minh xe gắn máy trên do bà Nguyễn Thị Q, thường trú: 8/8 ấp 5, xã ĐT, huyện M đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc với bà Q cho biết, chiều ngày 22/4/2022, bà cho con trai là Lê Nguyễn Thanh U mượn xe để đi chơi, bà Q không biết U sử dụng xe để đi cướp tài sản.

- Thu giữ của Trịnh Minh T:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 Pro, màu đen, số Imei 1: 861728041208XXX; số Imei 2: 861728041208XXX, T sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản.

- Thu giữ của Nguyễn Hà Hoàng R:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, màu vàng Gold, số Imei: 353901102507XXX, R sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản.

- Thu giữ của Nguyễn Hồ Chí K:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9, màu xanh, số Imei: 359933092662XXX, K sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản.

- Thu giữ của chị Nguyễn Thị Thúy A:
+ Số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị can Nguyễn Hà Hoàng R bồi thường cho anh Huỳnh Công N;
- Thu giữ của chị Trịnh Thị H:
+ Số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị can Trịnh Minh T bồi thường cho anh Huỳnh Công N;
- Thu giữ của chị Nguyễn Thị Q:
+ Số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị can Lê Nguyễn Thanh U bồi thường cho anh Huỳnh Công N;
- Thu giữ của chị Hồ Thị Bích H:
+ Số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị can Nguyễn Hồ Chí K bồi thường cho anh Huỳnh Công N;

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 54/PNK ngày 10/6/2022, 140/PNK ngày 02/11/2022 và phiếu xuất kho vật chứng số: 94/PNK ngày 14/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

Về phần dân sự: Anh Huỳnh Công N đã nhận lại xe gắn máy và yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (tiền tổn hại về sức khỏe và tinh thần). Gia đình các bị can Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K và Lê Nguyễn Thanh U, mỗi gia đình đã nộp lại số tiền 500.000 đồng cho Cơ quan điều tra, hiện đang nhập kho.

Tại bản Cáo trạng số: 142/CT-VKSQ.TP ngày 17 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H đã truy tố các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U về tội: “*Cướp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Chí K từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thanh U từ 05 năm đến 06 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phân trách nhiệm dân sự và vật chứng.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R phát biểu:* thống nhất về tội danh và điều luật do Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H truy tố. Xét về động cơ, mục đích các bị cáo thực hiện tội phạm chiếm đoạt xe của người bị hại là nhằm ép người bị hại trả tiền nợ chứ các bị cáo hoàn toàn không có ý định chiếm đoạt xe để bán lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo thực hiện tội phạm do thiếu hiểu biết pháp luật. Bị cáo R hiện đang là sinh viên và có nhân thân tốt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo R được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về tiếp tục con đường học hành nhằm giúp ích cho xã hội.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để xác định: khoảng 21 giờ 20 phút ngày 22/4/2022, Trịnh Minh T và Nguyễn Hà Hoàng R đã bàn bạc phân công vai trò, nhiệm vụ cho Nguyễn Hồ Chí K và Lê Nguyễn Thanh U để thực hiện hành vi cướp xe gắn máy hiệu Sonic, biển số 62P2-171.XX, trị giá: 45.000.000 đồng của anh Huỳnh Công N tại trước số 248 kênh 19/5B, phường TT, quận T thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Cáo trạng số: 142/CT-VKSQ.TP ngày 17 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H đã truy tố các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U về tội: “*Cướp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ để thực hiện hành vi cướp tài sản của anh Huỳnh Công N. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận T,

TP. H truy tố các bị cáo phạm tội có tổ chức là phù hợp. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra phù hợp với nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Để có cơ sở lượng hình. Hội đồng xét xử phân tích vai trò tham gia của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

- *Đối với bị cáo Trịnh Minh T:* là người có nhân thân xấu. Xuất phát từ việc anh Huỳnh Công N nợ T số tiền 3.000.00 đồng nhưng không trả. T đã bàn bạc cùng với bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R tìm cách đánh anh N để lấy xe gắn máy của anh N. Vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án rất tích cực. Chính bị cáo là người rủ rê bị cáo U thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người phân công nhiệm vụ cho K đánh người bị hại, phân công cho U chở bị cáo cùng K thực hiện cướp tài sản. Cũng chính bị cáo là người trực tiếp chiếm đoạt 01 xe máy của anh N.

- *Đối với bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R:* vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án cũng rất tích cực. Khi được T kể anh N còn nợ tiền thì bị cáo đã bàn bạc cùng T lên kế hoạch để chiếm đoạt xe máy của anh N. Bị cáo đã trực tiếp điện thoại nhờ K đánh anh N để đồng bọn thực hiện hành vi chiếm đoạt xe máy của anh N. Bị cáo trực tiếp dàn xếp rủ rê anh N đi nhậu để tạo điều kiện cho đồng bọn tiếp cận và thực hiện hành vi cướp xe máy của anh N.

- *Đối với bị cáo Nguyễn Hồ Chí K:* khi được R rủ đi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đồng ý ngay và cùng tham gia bàn bạc, phân công nhiệm vụ của T, bị cáo là người thực hiện hành vi dùng vũ lực đánh anh N để đồng bọn thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe máy của anh N.

- *Đối với bị cáo Lê Nguyễn Thanh U:* khi được bị cáo T rủ đi thực hiện tội phạm thì U đã đồng ý ngay, vai trò của bị cáo trong vụ án là chở đồng bọn đi thực hiện tội phạm. Được sự phân công của T, U đã chở đồng bọn ép xe của anh N để đồng bọn đánh và chiếm đoạt xe của anh N. Sau khi đồng bọn chiếm đoạt xe của anh N, U là người chở đồng bọn tẩu thoát.

[5] *Xét tình tiết giảm nhẹ:* quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét về động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo chiếm đoạt 01 xe máy của anh N nhằm mục đích để anh N trả tiền nợ cho bị cáo T. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố theo đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo R và đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] *Đối với thương tích của anh N do Trịnh Minh T, Nguyễn Hồ Chí K gây ra thì anh N từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự nên chưa đủ cơ sở để xử lý T, K về tội “Cố ý gây thương tích”.* Đối với anh Lê Hiếu E chỉ biết được T, R rủ đi đánh anh Huỳnh Anh N, còn anh E không biết việc T, R cùng đồng phạm cướp tài sản của anh N nên Cơ quan điều tra không khởi tố với vai trò đồng phạm là có cơ sở.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Gia đình các bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Cụ thể, cha, mẹ các bị cáo mỗi gia đình bồi thường 500.000 đồng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

+ Đối với 01 xe gắn máy hiệu Sonic, màu trắng đỏ đen, biển số: 62P2-171.XX, số máy: KB11E1268XXX, số khung: MH1KB1118LK269XXX. Là xe gắn máy các bị cáo chiếm đoạt của anh N. Qua xác minh, xe máy trên do anh Huỳnh Công N đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh Huỳnh Công N là phù hợp.

- Thu giữ của Lê Nguyễn Thanh U:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, màu xanh, số Imei 1: 867939046868XXX, số Imei 2: 867939046868XXX màn hình bị nứt bể. U sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản. Xét đây là phương tiện phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX, màu xanh biển số 50Y1 – 242.XX, số máy: JA38E - 0278XXX, số khung: RLHJA3827GY132XXX, U sử dụng để cùng đồng bọn cướp tài sản, U khai nhận, mượn xe của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Q để đi chơi. Qua xác minh xe gắn máy trên do bà Nguyễn Thị Q, thường trú: 8/8 ấp 5, xã ĐT, huyện M đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc với bà Q cho biết, chiều ngày 22/4/2022, bà cho con trai là Lê Nguyễn Thanh U mượn xe để đi chơi, bà Q không biết U sử dụng xe để đi cướp tài sản. Xét đây là tài sản hợp của chị Q, nên Hội đồng xét xử trả lại cho chị Q là phù hợp.

- Thu giữ của Trịnh Minh T:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 Pro, màu đen, số Imei 1: 861728041208XXX; số Imei 2: 861728041208XXX, T sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản. Xét đây là phương tiện phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Thu giữ của Nguyễn Hà Hoàng R:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, màu vàng Gold, số Imei: 353901102507XXX, R sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản. Xét đây là phương tiện phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Thu giữ của Nguyễn Hồ Chí K:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9, màu xanh, số Imei: 359933092662XXX, K sử dụng để liên lạc đi cướp tài sản. Xét đây là phương tiện phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Thu giữ của chị Nguyễn Thị Thúy A: số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R bồi thường cho anh Huỳnh Công N. Thu giữ của chị Trịnh Thị H số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị cáo Trịnh Minh T bồi thường cho anh Huỳnh Công N. Thu giữ của chị Nguyễn Thị

Q số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị cáo Lê Nguyễn Thanh U bồi thường cho anh Huỳnh Công N. Thu giữ của chị Hồ Thị Bích H số tiền 500.000 đồng, là số tiền gia đình của bị cáo Nguyễn Hồ Chí K bồi thường cho anh Huỳnh Công N. Xét thấy cần tuyên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền bồi thường cho người bị hại.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 54/PNK ngày 10/6/2022, 140/PNK ngày 02/11/2022 và phiếu xuất kho vật chứng số: 94/PNK ngày 14/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

[9] *Án phí:*

- Các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U. Mỗi bị cáo phải nộp: 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo: Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U đều phạm tội "*Cướp tài sản*".

[2] Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.1] Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 24/4/2022.

[2.2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/4/2022.

[2.3] Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Chí K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/4/2022.

[2.4] Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thanh U 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/4/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Buộc các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U. Mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Huỳnh Công N số tiền: 500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7, màu xanh, số Imei 1: 867939046868XXX, số Imei 2: 867939046868XXX màn hình bị nứt bể; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 Pro, màu đen, số Imei 1: 861728041208XXX; số Imei 2: 861728041208XXX; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9, màu xanh, số Imei: 359933092662XXX.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Q: 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX, màu xanh biển số 50Y1 – 242.XX, số máy: JA38E - 0278XXX, số khung: RLHJA3827GY132XXX.

- Tiếp tục tạm giữ: số tiền 500.000 đồng là số tiền gia đình của bị cáo Nguyễn Hà Hoàng R; số tiền 500.000 đồng là số tiền gia đình của bị cáo Trịnh Minh T; số tiền 500.000 đồng là số tiền gia đình của bị cáo Lê Nguyễn Thanh U; số tiền 500.000 đồng là số tiền gia đình của bị cáo Nguyễn Hồ Chí K nộp để đảm bảo cho việc bồi thường cho anh Huỳnh Công N.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 54/PNK ngày 10/6/2022, 140/PNK ngày 02/11/2022 và phiếu xuất kho vật chứng số: 94/PNK ngày 14/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

[5] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các bị cáo Trịnh Minh T, Nguyễn Hà Hoàng R, Nguyễn Hồ Chí K, Lê Nguyễn Thanh U có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP.H;
- VKSND Q.T;
- THADS quận T;
- Công an Q.T;
- Công an TP.H;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 09-3-2023.

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Ân, ông Lê Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lại Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 31/01/2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phạm Thị Kim Đ**; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 28/8 đường 18B, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Văn S và bà Ngô Thiệu D; Bị cáo có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2016 và nhỏ nhất sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ khi khởi tố cho đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Văn Đại Ph** (Tên gọi khác: PhB); Giới tính: Nam; Sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D20/13 Tổ 8, Ấp 4A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Văn Tường V và bà Trần Thị Tuyết Ng; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thùy Tr và có 01 người con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 207/2019/HSST.

Ngày 14/01/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ việc xét xử Ph thẩm số 01/2020/HSPT-QĐ.

+ Ngày 19/9/2006, bị Tòa án nhân dân quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án số 107/2006/HSST. Bị cáo thi hành xong phần án phí ngày 07/12/2006 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2009.

+ Ngày 07/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo bản án số 55/2013/HSST. Bị cáo thi hành xong phần án phí ngày 29/5/2013 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2014.

+ Ngày 10/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 379/2014/HSST. Bị cáo thi hành xong phần án phí ngày 11/02/2015 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2017.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án khác (có mặt).

3/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Ph1**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 17/5C ấp Đ, xã Th, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Huỳnh Thị A; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21/7/2017, bị Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 321/QĐ-TA. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 06/11/2018.

Nhân thân: Ngày 16/01/2012, bị Ủy ban nhân dân huyện H xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 694/QĐ-UBND; Đã hoàn thành thời gian cai nghiện theo Giấy chứng nhận số 43 ngày 25/11/2013 của Giám đốc Trung tâm giáo dục lao động xã hội Phước Bình.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 cho đến nay (có mặt).

4/ Họ và tên: **Trần Thanh D** (Tên gọi khác: B); Giới tính: Nam; Sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D16/1/10 tổ 9, Ấp 4B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Thợ xăm mình; Con ông (không rõ) và bà Trần Thị Thu S; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

+ Ngày 06/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 86/QĐ-TA. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 29/7/2016.

+ Ngày 21/6/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng

theo Quyết định số 330/QĐ-TA. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 01/10/2018.

Nhân thân:

Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án số 207/2019/HSST; Quyết định đình chỉ việc xét xử Ph thẩm số 02/2020/ HSPT-QĐ ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án khác (có mặt).

5/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền Tr**; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1978 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không (đã bị xóa khẩu); Nơi cư trú: 434/8/15 Ph, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ may; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị Th; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2007.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

+ Ngày 21/7/2017, bị Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện thời hạn 15 tháng, theo Quyết định số 320/QĐ-TA; Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 20/7/2018.

+ Ngày 14/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện, thời hạn 21 tháng, theo Quyết định số 455/QĐ-TA.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến ngày 28/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (có mặt).

* *Bị hại*: Ông Trịnh Tấn T, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 54/24 Hồ Văn Long, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Lê V, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Ông Lâm Chí H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3/ Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 76/27 T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Phan Bạch Tuyết M, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 169A B, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

5/ Ông Phan Văn H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 37A Đường 8, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Công ty cổ phần chế biến thực phẩm sạch organic V.

Địa chỉ: 1/25 T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Phạm Văn C (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Quốc H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 1/25 T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 59/46 ấp 4, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trịnh Tấn T là T xế xe công nghệ Go Viet và có quan hệ quen biết với Phạm Thị Kim Đ thông qua việc Đ nhiều lần đi xe do T chở. Tối ngày 24/5/2019, ông T nhắn tin qua mạng xã hội Zalo rủ Đ đi chơi, Đ đồng ý. Khoảng 00 giờ ngày 25/5/2019, ông T điều khiển xe mô tô biển số 83P3-677.46 đến ngã tư đường Nữ Dân Công với đường Liên ấp 2-3-4, thuộc ấp 3 xã Vĩnh Lộc A, huyện B gặp và chở Đ đi chơi. Sau đó, ông T rủ Đ đến khách sạn ở khu vực Bà Hom thuộc quận Bình Tân để tâm sự thì Đ nảy sinh ý định khi vào khách sạn sẽ chiếm đoạt xe mô tô của ông T bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, Đ ngồi phía sau xe của ông T, sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho Văn Đại Ph (Ph là anh quen biết ngoài xã hội của Đ) biết việc ông T rủ vào khách sạn thì Ph nói cho Đ biết Ph đang ở phòng 206 khách sạn MD (địa chỉ F13/1U1 ấp 6A xã Vĩnh Lộc A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) cùng với nhóm bạn là Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1 và Mai (chưa rõ lai lịch) do nhóm của Ph đã thuê từ trước. Ph kêu Đ dẫn ông T vào khách sạn MD, Đ đồng ý. Cùng lúc này, Trần Thanh D (là bạn trai của Đ) gọi điện thoại cho Ph hỏi tìm Đ thì Ph kêu D đến phòng 206 khách sạn MD nên khoảng 10 phút sau thì D đến phòng 206 gặp Ph, Mai, Tr và Ph1.

Sau khi nhắn tin cho Ph xong, Đ dẫn ông T đến thuê phòng 404 khách sạn MD và nhắn tin số phòng cho Ph biết. Sau đó, Ph, Mai, Tr, Ph1 và D từ phòng 206 đi lên phòng 404. Ph gõ cửa phòng 404 thì Đ ra mở cửa cho Ph và D vào phòng. Khi vào phòng, Ph dùng chai nước bằng nhựa chứa nước ném vào người ông T. Lúc này, D hỏi và đe dọa ông T “mày có biết mày chở vợ ai không”, “mày chở vợ tao vào đây để làm gì” rồi lao vào dùng tay đánh ông T. Thấy ông T đang bị D đánh, Đ liền lấy chìa khóa xe mô tô của ông T để trên giường rồi đi xuống bãi xe Khách sạn MD, lấy xe mô tô biển số 83P3-677.46 của ông T chạy đi. Thấy Đ đi, D xuống bãi xe điều khiển xe mô tô biển số 52L1-0893 chạy theo Đ.

Khi Đ và D vừa ra khỏi phòng, Ph1 lên phòng 404 gặp Ph và ông T. Ph tiếp tục đe dọa ông T và nói “vợ của người ta mày chở đi người ta đánh mày chết, gặp tao, tao phạt mày 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng mày mới sợ”. Ông T hoảng sợ nên lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 cùng bóp tiền bên trong có số tiền 400.000 đồng đưa cho Ph. Ph đưa 02 điện thoại di động của ông T cho Ph1 giữ. Sau đó, Ph đưa cho Tr 400.000

đồng, Tr và Mai đi xuống quầy lễ tân ở sảnh khách sạn trả tiền thuê 02 phòng (phòng số 206 và 404) hết 280.000 đồng. Ph, Ph1 và ông T cũng đi xuống sảnh khách sạn. Lúc này, ông T hỏi ông Trần Quốc Học (tiếp tân khách sạn) xe mô tô của ông T ở đâu thì được biết Đ đã lấy đi mất nên ông T đến Công an xã Vĩnh Lộc A trình báo. Riêng Ph1 điều khiển xe mô tô biển số 52M4-0555 chở Tr về Khách sạn Thanh Bình (địa chỉ 34/19 liên khu 4-5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân); Ph điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số, Ph mượn của bạn chưa rõ lai lịch và đã trả) chở Mai đến Khu công nghiệp Vĩnh Lộc thì cho Mai xuống xe, rồi Ph điều khiển xe quay về Khách sạn Thanh Bình và cùng Ph1, Tr lên phòng 205 chơi (Ph1 đã thuê phòng này từ trước).

Sau khi lấy được xe mô tô của ông T thì Đ đem xe đến cầm xe cho 01 người tên Toàn (chưa rõ lai lịch) được 6.000.000 đồng và sử dụng chơi game bắn cá hết số tiền này. Khoảng 01 giờ sau, Đ quay lại Khách sạn Thanh Bình. D cũng điện thoại cho Ph và điều khiển xe đến khách sạn Thanh Bình gặp nhóm Ph. Lúc này, trong phòng 205 Khách sạn Thanh Bình có Tr, D, Ph, Ph1 và Đ đang ngồi chơi trên giường thì Ph1 lấy ra 02 điện thoại di động hiệu Samsung J2, Samsung J7 đã chiếm đoạt của ông T để lên trên giường và nói là tài sản vừa cùng Ph đánh ông T chiếm đoạt được tại Khách sạn MD. Ph kêu Ph1 giữ chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 để sử dụng nên Ph1 lấy cất giữ, còn lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 thì Ph kêu Đ lấy; Sau đó cả nhóm ngồi chơi một lúc rồi bỏ đi. Ngày 02/6/2019, Đ đem chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 đến cầm cho ông Lê Vĩnh tại tiệm cầm đồ Vĩnh Phát, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được 1.200.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Nhận được tố giác của ông T, qua truy xét, Công an xã Vĩnh Lộc A đã mời Đ, Ph1, Tr về trụ sở làm việc, lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến Công an huyện B điều tra xử lý.

Bản kết luận định giá số 3323/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 14/10/2019 và số 48/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 8/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: xe mô tô biển số 83P3-677.46 trị giá 15.750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 trị giá 700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 trị giá 2.459.400 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 19.309.400 đồng (bao gồm số tiền 400.000 đồng trong ví của bị hại).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, bị cáo Văn Đại Ph khai nhận Ph không trực tiếp lấy 02 điện thoại di động của bị hại T nhưng có thấy Ph1 lấy. Tuy nhiên, Ph1 không thừa nhận và xác định Ph là người đã lấy 02 điện thoại di động này và đưa cho mình cất giữ. Các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Trần Thanh D, Nguyễn Thị Huyền Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên, phù hợp với lời khai của bị hại T, vật chứng thu được, kết quả khám nghiệm hiện trường, nội dung hình ảnh do camera an ninh tại Khách sạn MD ghi lại, lời khai của những người có liên quan, kết quả đối chất và các T liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D và Nguyễn Thị Huyền Tr về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với ông Lê V là người cầm cố 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 cho bị cáo Đ nhưng ông V không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xử lý.

Đối với Toàn là người đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 83P3-677.46, quá trình điều tra không xác định được lai lịch của Toàn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không có cơ sở để xử lý.

Đối với Mai là người tham gia cùng các bị cáo chiếm đoạt tài sản, quá trình điều tra không xác định được lai lịch của Mai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không có cơ sở để xử lý.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Văn Đại Ph từ 09 năm đến 10 năm tù; Đề nghị tổng hợp hình phạt của bản án mà bị cáo đang chấp hành.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Thanh D từ 08 năm đến 09 năm tù; Đề nghị tổng hợp hình phạt của bản án mà bị cáo đang chấp hành.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph1 từ 07 năm đến 08 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim Đ từ 07 năm đến 08 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền Tr từ 05 năm đến 06 năm tù;

* Vật chứng thu giữ, đề nghị xử lý như sau

- Ghi nhận cơ quan điều tra trả cho bị hại 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7.

- Trả cho bị cáo Ph1 01 CMND mang tên Nguyễn Văn Ph1.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 tờ giấy vàng ghi số 206, 01 USB có lưu giữ clip hình ảnh ghi nhận sự việc tại khách sạn MD.

- Ghi nhận cơ quan điều tra trả 01 xe mô tô biển số 52M4-0555 cho ông Nguyễn Văn Kh.

- Giao cho cơ quan thi hành án tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định của bộ luật dân sự 01 xe mô tô không biển số, thu của bị cáo Ph1 (không xác định được số máy, số khung nguyên thủy); 01 xe mô tô biển số 61N8-3929, thu của bị cáo D (không xác định được số máy, số khung nguyên thủy).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đỏ đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (thu của bị cáo D); 01 điện thoại di động màu đen (thu của bị cáo Tr);

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay (thu của bị cáo Ph1).

* Về dân sự, đề nghị như sau:

- Ghi nhận bị cáo Tr đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và gia đình bị cáo D đã bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho bị hại. Ghi nhận tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại Trịnh Tấn T số tiền 8.500.000 đồng.

- Ghi nhận tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Vĩnh tự nguyện không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Kim Đ bồi thường số tiền 1.200.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D, Nguyễn Thị Huyền Tr thay đổi lời khai và thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bị cáo, đương sự, bị hại và được thẩm vấn tại phiên tòa có căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Ngày 25/5/2019, tại khách sạn MD (địa chỉ F13/1U1 ấp 6A xã Vĩnh Lộc A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D đã có hành vi dùng vũ lực đe dọa dùng vũ lực và thủ đoạn khác chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Trịnh Tấn T. Quá trình điều tra, thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa và trích xuất hình ảnh camera thu giữ tại hiện trường vụ án có căn cứ xác định phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: do có mối quan hệ quen biết giữa bị cáo Đ với bị hại ông Trịnh Tấn T và có ý định chiếm đoạt tài sản của ông T nên các bị cáo chủ động đến khách sạn MD thuê các phòng 206, 404 để làm nơi thực hiện hành vi phạm tội và phân công vai trò nhiệm vụ của từng bị cáo trong vụ án. Trong đó, bị cáo Đ giả làm nhân tình tìm cách đưa bị hại ông Trịnh Tấn T vào thuê phòng 404 để tâm sự, sau đó nhắn tin thông báo cho đồng bọn biết và các đồng bọn của bị cáo Đ dùng thủ đoạn giả cuộc đánh ghen để đe dọa dùng vũ lực,

dùng vũ lực khống chế bị hại để Cướp tài sản. Các đồng bọn khác gồm D, Ph, Ph1, Mai, Tr thì tập trung vào phòng 206 đã thuê để lần lượt vào phòng 404 thực hiện hành vi Cướp tài sản của bị hại. Cụ thể sau khi bị cáo Đ và bị hại vào phòng 404 thì bị cáo Đ nhắc cho đồng bọn biết, sau đó bị cáo Đ mở cửa phòng 404 cho các bị cáo Ph, D từ phòng 206 vào phòng 404. Ngay khi vào phòng 404 thì bị cáo D tự nhận là chồng của bị cáo Đ rồi cùng với bị cáo Ph dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực tấn công ông T để bị cáo Đ lợi dụng cơ hội lấy chìa khóa xe mô tô của ông T rồi nhanh chóng cùng với bị cáo D xuống bãi xe của Khách sạn MD lấy xe mô tô biển số 83P3-677.46 của bị hại T rời khỏi hiện trường. Khi bị cáo D vừa bước ra cửa phòng 404 thì bị cáo Ph1 từ phòng 206 đi lên và vào phòng 404 cùng với bị cáo Ph đe dọa dùng vũ lực khống chế bị hại T rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 và số tiền 400.000 đồng trong ví của bị hại. Tiếp theo bị cáo Tr cùng với đối tượng tên Mai vào phòng 404 tại đây bị cáo Tr lấy số tiền 400.000 đồng vừa cướp được của bị hại rồi mang xuống phòng lễ tân trả tiền thuê 02 phòng 206 và 404 rồi cùng tất cả rời khỏi khách sạn MD đến khách sạn Thanh Bình (thuộc địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) phân chia tài sản chiếm đoạt. Căn cứ kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B thì tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt gồm: 01 xe mô tô biển số 83P3-677.46 trị giá 15.750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 trị giá 700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 trị giá 2.459.400 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 19.309.400 (mười chín triệu ba trăm lẻ chín ngàn bốn trăm) đồng (bao gồm số tiền 400.000 đồng trong ví của bị hại).

Từ những diễn biến và phân tích như trên, xét thấy hành vi của các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, có sự phân công vai trò nhiệm vụ của từng bị cáo nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, các bị cáo biết việc Cướp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng là có căn cứ phù hợp pháp luật. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét thấy, quá trình điều tra và tại các phiên tòa trước đây tất cả các bị cáo khai báo không thành khẩn, không thừa nhận hành vi phạm tội như phân tích nêu trên và chưa thể hiện sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thay đổi lời khai thừa nhận hành vi như nội dung cáo trạng truy tố và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) cho các bị cáo. Riêng bị cáo Phạm Thị Kim Đ, bị cáo Nguyễn Thị Huyền Tr, gia đình bị cáo Trần Thanh D (bị cáo D tác động nhờ gia đình bồi thường) đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn bãi nại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét về nhân thân thì các bị cáo Văn Đại Ph, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D, Nguyễn Thị Huyền Tr có nhân thân rất xấu nhiều lần vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (đã được xóa án tích hoặc không thuộc trường hợp xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm) hoặc bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức như nhận định trên. Trong đó, bị cáo Phạm Thị Kim Đ, bị cáo Văn Đại Ph là người chủ mưu khởi xướng việc phạm tội và là người thực hành tích cực; Các bị cáo Trần Thanh D, Nguyễn Văn Ph1 tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, các bị cáo này là người trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và dùng vũ lực tấn công, khống chế bị hại để lấy tài sản; bị cáo Tr tham gia với vai trò đồng phạm thực hành, giúp sức nhưng tính chất mức độ hành vi của bị cáo Tr thấp hơn các bị cáo khác. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, nhân thân, tính chất mức độ vi phạm và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[6] Đối với bị cáo Văn Đại Ph và bị cáo Trần Thanh D: ngày 18/11/2019 các bị cáo này bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù về tội cố ý gây thương tích, theo bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST. Tại bản án này bị cáo Văn Đại Ph bị xử phạt 05 năm tù và bị cáo Trần Thanh D bị xử phạt 04 năm tù (các bị cáo có kháng cáo bản án nhưng sau đó rút kháng cáo và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định đình chỉ xét xử Ph thẩm). Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B được xét xử sau khi các bị cáo D, Ph thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này nên không thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Hiện tại các bị cáo Ph, D đang thi hành hình phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST của Tòa án nhân dân huyện B nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt tù buộc các bị cáo D, Ph chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án.

[7] Về vật chứng bị thu giữ gồm:

[7.1] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7. Đây là tài sản hợp pháp của bị hại Trịnh Tấn T bị chiếm đoạt.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và giao trả lại cho bị hại T là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Đối với 01 CMND mang tên Nguyễn Văn Ph1. Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ 01 giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Ph1. Xét đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo Nguyễn Văn Ph1 nên trả lại cho bị cáo Ph1.

[7.3] Đối với 01 tờ giấy vàng ghi số 206, 01 USB có lưu giữ clip hình ảnh ghi nhận sự việc tại khách sạn MD. Các vật chứng này là chứng cứ chứng minh tội đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ.

[7.4] Đối với 01 xe mô tô biển số 52M4-0555, thu của bị cáo Ph1. Quá trình điều tra xác định xe mô tô này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Kh (anh rể bị cáo Ph1) và ông Kh cho bị cáo Ph1 mượn xe để đi lại, không liên quan đến tội phạm. Cơ quan điều tra đã trả xe này cho ông Nguyễn Văn Kh là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.5] Đối với 01 xe mô tô biển số 59N1-820.59, thu của bị cáo Ph1 (không xác định được số máy, số khung nguyên thủy). Qua xác minh cho thấy biển số xe 59N1-820.59 do ông Lâm Chí Hải đăng ký; Ông Hải khai nhận xe này đã bị mất tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển biển số xe 59N1-820.59 cho Công an huyện Đức Hòa để xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Đối với xe mô tô (không xác định được số máy, số khung nguyên thủy) Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay chưa có kết quả. Xét thấy xe này không liên quan đến tội phạm nhưng không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao xe mô tô này cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.6] Đối với 01 xe mô tô biển số 61N8-3929, thu của bị cáo D (không xác định được số máy, số khung nguyên thủy). Cơ quan điều tra xác minh biển số xe 61N8-3929 do bà Phan Bạch Tuyết Mai đăng ký; Bà Mai khai nhận không có đứng tên đăng ký xe mô tô này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay chưa có kết quả. Xét thấy xe này không liên quan đến tội phạm nhưng không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao xe mô tô này cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.7] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đỏ đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, thu của bị cáo D; 01 điện thoại di động màu đen (imei 359755420481166), thu của bị cáo Tr; Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận các điện thoại này dùng để liên lạc cá nhân và có sử dụng vào thời điểm phạm tội và từ chối nhận lại nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 áo sơ mi dài tay, thu của bị cáo Ph1, tại phiên tòa bị cáo Ph1 khai áo này bị cáo mặc vào thời điểm phạm tội và hiện nay không còn giá trị lớn, từ chối nhận lại nên Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[8] Về dân sự:

[8.1] Tại cơ quan điều tra bị hại Trịnh Tấn T có yêu cầu các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D bồi thường thêm số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm ngàn) đồng (Sau khi trừ số tiền bị cáo Tr đã bồi thường 1.000.000 đồng, bị cáo Đ đã bồi thường 3.000.000 đồng và gia đình bị cáo D đã bồi thường số tiền 3.000.000 đồng). Tại phiên tòa bị hại vắng mặt (được tổng đạt nhiều lần) nhưng các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm ngàn) đồng này. Xét thấy, sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo không trái pháp luật nên ghi nhận. Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền này. Trong đó, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường mỗi phần bằng nhau (tương ứng mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.700.000 đồng)

[8.2] Tại cơ quan điều tra người liên quan đến vụ án ông Lê Vĩnh có yêu cầu bị cáo Phạm Thị Kim Đ bồi thường số tiền 1.200.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Vĩnh tự nguyện không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường số tiền này nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Kim Đ** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Văn Đại Ph** 09 (chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Văn Đại Ph chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh D** 08 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Trần Thanh D chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Ph1** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/01/2020

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Huyền Tr** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến ngày 28/01/2022.

* Về dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Phạm Thị Kim Đ, Văn Đại Ph, Nguyễn Thị Huyền Tr, Nguyễn Văn Ph1, Trần Thanh D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại ông Trịnh Tấn T số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm ngàn) đồng. Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về vật chứng:

+ Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B 01 (một) xe mô tô (kiểu xe Honda Wave, không xác định được số máy, số khung nguyên thủy) và 01 xe mô tô biển số 61N8-3929 (không xác định được số máy, số khung nguyên thủy) để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động màu đen.

(Tất cả vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2020 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, đương sự, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh.
- Công an H. B;
- VKSND H. B;
- THA dân sự H.B;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- Bị cáo, đương sự, bị hại;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Dũng



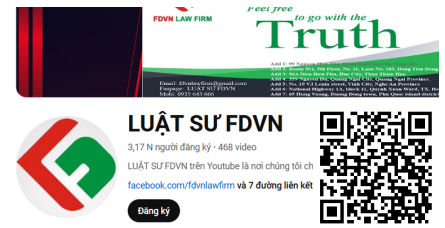
FDVN LAW FIRM



Facebook LUẬT SƯ FDEVN



Facebook Lawyer for foreigners in Vietnam



Kênh Youtube FDEVN Channel



**Website LUẬT SƯ FDEVN
fdvn.vn**



**Website FDEVN LAW FIRM
fdvnlawfirm.vn**



**Website Diễn đàn nghề luật
diendanngheluat.vn**

Luật sư FDEVN tại Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà Thư Dung Plaza, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Luật sư FDEVN tại TP. Hồ Chí Minh

Tầng 8, Tòa nhà Bluesea, số 205B Hoàng Hoa Thám, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư FDEVN tại Hà Nội

Tầng 2, Star Tower, số 68 Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Luật sư FDEVN tại Huế

366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, thành phố Huế.

Luật sư FDEVN tại Nghệ An

Quốc lộ 1A, Khối 11, phường Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An.

Tầng 2, tòa nhà Cửa Tiền Phố, đường Hồ Hữu Nhân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Luật sư FDEVN tại Gia Lai

Số 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.